(15)

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

BÁO CÁO TỔNG HỢP

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36 VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM 2020

Hà Nội, 2020

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36 VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM 2020

A. GIỚI THIỆU

1. Mục tiêu

Khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp về chương trình đào tạo là một kênh quan trọng đánh giá hiệu quả của các chương trình đào tạo của Học viện.

Kết quả khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp được sử dụng làm tăng tính giải trình cho các chương trình đào tạo của Học viện. Đồng thời, kết quả khảo sát được sử dụng làm cơ sở để Học viện xây dựng các quyết sách về chương trình đào tạo, cụ thể là điều chỉnh, bổ sung, cải tiến nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và các hoạt động hỗ trợ học tập.

2. Phạm vi

Khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp về chương trình đào tạo, bao gồm chuẩn đầu ra (CĐR), nội dung, cấu trúc chương trình, giảng viên và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ đào tạo.

3. Đối tượng

100% sinh viên khoá 36 (năm 2016-2020) chuẩn bị tốt nghiệp các chương trình đào tạo chính quy, bậc đại học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Số lượng sinh viên phản hồi: 1380 sinh viên

4. Phương pháp, công cụ khảo sát

Khảo sát trực tuyến: Phiếu khảo sát được gửi tới sinh viên qua hòm thư điện tử và sinh viên hoàn thành bảng hỏi khảo sát bằng cách truy cập vào đường link khảo sát.

Phiếu khảo sát gồm 07 nhóm nội dung: 1. Kiến thức, kỹ năng CĐR; 2. Chương trình dạy học; 3. Phương pháp giảng dạy; 4. Kiểm tra đánh giá; 5. Cơ sở vật

chất; 6. Chất lượng hỗ trợ đào tạo; 7. Chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo.

Thang đánh giá Likert scale với 5 mức: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Đồng ý một phần; 4. Cơ bản đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý

B. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá:

1. Hoàn toàn không hài lòng
2. Cơ bản không hài lòng
3. Phân vân
4. Cơ bản hài lòng
5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	1	2	3	4	5	Tỷ lệ hài lòng	Mức hài lòng TB
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra	**0.8**	**2.6**	**17.6**	**52.7**	**26.3**	**79.0**	**4.1**
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	0.6	1.6	12.9	57.8	27.1	84.9	4.0
2. Kiến thức chuyên ngành	0.5	1.1	10.6	54.6	33.2	87.8	4.0
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	0.5	1.8	16.4	55.3	26.0	81.3	4.0
4. Kỹ năng nghề nghiệp	0.7	2.4	22.1	52.3	22.5	74.7	4.2
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	0.6	1.9	16.5	52.7	28.3	81.0	3.9
6. Kỹ năng ngoại ngữ	1.9	8.2	33.5	42.8	13.5	56.3	4.3
7. Kỹ năng tin học	1.4	4.7	25.6	50.1	18.1	68.2	4.1
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	1.0	1.1	15.2	58.2	24.5	82.7	4.0
9. Kỹ năng tư duy phản biện	0.6	2.1	19.7	52.9	24.6	77.5	4.1
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	0.7	2.7	16.5	55.1	25.0	80.1	4.1

11. Kỹ năng giao tiếp	0.6	1.5	12.1	52.6	33.1	85.7	4.1
12. Kỹ năng lãnh đạo	1.0	3.4	19.8	51.4	24.3	75.7	4.1
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	0.5	0.7	8.1	49.1	41.6	90.7	3.9
II. Nội dung chương trình dạy học	**0.8**	**2.7**	**16.5**	**49.4**	**30.6**	**80.1**	**4.1**
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	0.5	2.8	14.9	50.5	31.3	81.8	4.1
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	0.6	2.3	17.1	52.8	27.2	80.0	4.1
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	0.7	2.1	15.6	53.2	28.4	81.6	3.9
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	0.9	2.4	17.6	48.3	30.8	79.1	4.0
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	0.7	1.4	14.7	49.7	33.5	83.2	4.0
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	0.6	2.3	15.0	48.5	33.6	82.1	4.2
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	1.2	4.4	20.0	47.4	27.0	74.4	4.0
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	0.7	3.8	17.0	45.2	33.2	78.4	4.0
III. Cấu trúc chương trình dạy	**0.7**	**2.9**	**18.0**	**49.6**	**28.9**	**78.4**	**4.1**

học							
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	0.5	1.9	16.6	49.6	31.4	81.1	4.0
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	1.2	3.6	20.1	49.5	25.6	75.1	4.1
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	0.5	3.1	17.2	49.6	29.5	79.2	4.2
IV. Kiểm tra đánh giá	**0.7**	**2.2**	**15.6**	**52.4**	**29.0**	**81.4**	**4.1**
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	0.6	1.5	16.7	55.4	25.7	81.2	4.1
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	0.5	1.4	12.5	52.8	32.7	85.5	4.0
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	1.0	3.6	16.8	49.6	29.0	78.6	4.3
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	0.5	2.6	17.1	52.6	27.1	79.7	4.3
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	0.6	3.0	18.7	50.2	27.5	77.7	4.2
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	0.9	1.9	16.0	51.0	30.2	81.2	4.1

7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	0.5	1.4	11.0	54.7	32.4	87.1	4.1
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	0.5	1.9	14.9	54.0	28.6	82.6	4.0
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	1.1	2.6	17.1	51.3	27.9	79.2	4.1
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	**0.9**	**2.2**	**12.6**	**45.4**	**38.9**	**84.3**	**4.2**
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	0.6	1.9	10.6	45.0	41.8	86.9	4.3
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	0.8	1.9	11.2	41.5	44.6	86.1	4.1
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	0.8	1.4	12.3	44.4	41.1	85.5	4.3
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	1.4	2.7	15.1	45.0	35.8	80.8	4.4
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	1.1	2.3	13.5	47.5	35.7	83.2	4.2
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	1.7	5.2	17.6	45.9	29.6	75.5	4.1
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của	1.0	2.9	15.1	47.2	33.8	81.0	4.1

SV							
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	0.9	1.0	10.7	45.4	42.0	87.4	4.1
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	0.9	3.3	16.0	45.3	34.5	79.8	4.1
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	0.6	0.8	10.0	48.1	40.5	88.6	4.1
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	0.5	0.7	6.4	43.7	48.6	92.3	4.1
VI. Phương pháp giảng dạy	**0.5**	**1.4**	**14.3**	**52.1**	**31.6**	**83.7**	**4.2**
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	0.5	0.6	13.0	52.8	33.1	85.9	4.2
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	0.5	1.2	15.0	51.8	31.5	83.3	4.1
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	0.6	1.7	14.5	52.1	31.1	83.2	4.2
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc	0.5	2.0	15.1	52.3	30.2	82.4	4.2

cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)							
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	0.6	1.7	14.0	51.5	32.1	83.6	4.1
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	**0.8**	**1.9**	**14.7**	**46.9**	**35.7**	**82.6**	**4.1**
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	0.9	2.3	19.2	44.7	32.9	77.6	4.1
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	0.6	2.9	15.2	47.5	33.7	81.3	4.3
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	0.7	1.5	11.6	48.9	37.3	86.2	4.1
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	1.7	3.0	14.4	44.0	36.9	80.9	4.1
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	0.8	1.4	12.9	46.1	38.8	85.0	4.0
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	0.8	1.3	11.5	48.2	38.3	86.4	4.0
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	0.5	1.8	15.7	46.8	35.2	82.0	4.2
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của	0.6	1.7	17.0	46.0	34.7	80.7	4.0

sinh viên.							
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	0.6	1.2	7.5	44.6	46.1	90.7	4.1
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	0.5	1.2	17.8	50.0	30.6	80.6	4.2
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	0.7	1.2	15.4	47.9	34.8	82.7	4.2
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	1.3	3.2	18.8	47.8	29.0	76.8	4.1
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo	**1.1**	**1.4**	**14.3**	**51.3**	**31.9**	**83.2**	**4.1**
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	1.5	2.5	15.8	50.2	30.0	80.2	4
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	0.8	1.3	11.7	51.9	34.3	86.2	4.2
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	1.4	2.2	17.4	53.6	25.5	79.1	4
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	0.9	1.3	14.3	53.2	30.3	83.5	4.1
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	0.8	0.8	13.2	51.3	33.9	85.1	4.2

6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	0.7	0.6	12.5	51.0	35.1	86.1	4.2
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	1.4	1.8	15.6	51.2	30.1	81.3	4.1
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	1.1	1.0	13.8	51.8	32.3	84.1	4.1
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	1.3	1.9	15.0	48.6	33.2	81.8	4.1
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	1.1	0.9	13.4	50.6	34.0	84.6	4.2
IX. Mức độ hài lòng tổng thể	**%**	**%**	**%**	**%**	**%**	**%**	
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	**0.5**	**0.9**	**9.1**	**59.2**	**30.3**	**89.5**	**4.2**

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

Đa phần sinh viên nhận định CTĐT các ngành đã bám sát yêu cầu, kiến thức chuyên sâu, kết cấu chương trình hợp lý, có sự cân bằng tương đối giữa lý thuyết và thực hành, về cơ bản đảm bảo đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng, phong phú, hữu ích giúp phát triển các năng lực cần thiết.

Hiệu quả, chuyên sâu, linh hoạt

Giảng viên hỗ trợ sinh viên nhiệt tình. Tài liệu học tập thú vị, bổ ích. Phân bổ lịch học, lịch thi hợp lý

Thiết thực. phù hợp với xu thế hội nhập của đất nước. Đa dạng cơ hội ngành nghề khi nắm được cơ bản kiến thức ngành. Linh hoạt trong chuyển đổi công việc, học hỏi thêm kỹ năng mới

Giúp ích cho công việc sau này; sát thực tế; hiệu quả

Tốt

Kiến thức đầy đủ, chi tiết, đáng tin cậy

Có nhiều hoạt động thú vị để sinh viên phát huy sở trường

Giảng viên có trình chuyên môn tương đối vững vàng

Tập trung chuyên môn; giảng viên chuyên nghiệp; môi trường học tập năng động, sáng tạo

Sinh viên được kiến tập, thực tập tại đúng môi trường nghề nghiệp được đào tạo trong chương trình, được thầy cô hướng dẫn kĩ càng.

Chương trình đào tạo khá sát với định hướng nghề nghiệp.

Giảng viên mời có kiến thức chuyên môn, có thể trực tiếp cung cấp những kinh nghiệm và vấn đề thực tế về công việc cho sinh viên

Nhanh nhạy bắt kịp xu hướng

Đào tạo tốt phát huy được thế mạnh của người theo học

Bổ ích, sáng tạo

Đa dạng kiến thức và kỹ năng

Cập nhật những xu hướng mới nhất

Cơ hội thực hành và tự học

Ngành học tạo hứng thú cho sinh viên; Các giảng viên có chuyên môn, nhiệt tình; Cơ hội nghề nghiệp cao.

Năng động; sáng tạo; tự lập

Đa dạng , linh hoạt với xu thế , tạo môi trường học tập tốt

thực tế, trực quan, nhiều cơ hội

Sát thực tế- chính xác- cập nhật

Cập nhật, đổi mới, sáng tạo

Có lịch trình, cơ sở nội dung rõ ràng, gắn kết với nhau.

Gắn liền và mang tính thực tế cao.

Áp dụng nhiều công nghệ hiện đại, cập nhật liên tục cho sinh viên trong phương pháp học tập.

Chuyên sâu bắt kịp xu hướng dễ hiểu

- có chuyên môn

- có kết hợp thực hành

- thời gian tự học nhiều

Lộ trình học tập rõ ràng, sinh viên có thể nắm bắt được đầy đủ các kiến thức về chuyên ngành từ lý luận đến thực tiễn.

Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, cập nhật xu hướng phát triển của ngành học để truyền tải đến sinh viên những bài học theo kịp thời đại với kiến thức thực tế sâu rộng.

Sinh viên được tạo điều kiện thực hành kết hợp với các tiết học lý thuyết khiến kiến thức không chỉ ở trong sách vở mà còn đúc rút ra từ việc sáng tạo tác phẩm, bài tập lớn.

Đa dạng

Đa năng

Chuyên môn cao

Đào tạo nghiệp vụ tốt - giảng viên nhiệt tình, có chuyên môn - cơ hội nghề nghiệp cao.

Giảng viên tâm huyết, nhiều kinh nghiệm thực tế

Cọ sát thực tế nhiều trong quá trình học

Dạy học mở phát huy tư duy, sáng tạo của sv

Hiện đại, cập nhật xu hướng mới, gần với thực tế

Phù hợp với thực thế, thú vị, rèn luyện được nhiều kĩ năng

Tính thực tiễn cao, dễ áp dụng

Vận dụng linh hoạt được nhiều ngành nghề khác

Năng động,

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Khuyến nghị về chương trình dạy học

Các khuyến nghị về chương trình dạy học liên quan tới việc tổ chức, sắp xếp các môn học hợp lý hơn, tăng cường thời lượng cho các hoạt động thực hành, thời gian thực tế, thực tập. Bổ sung các học phần thực hành chuyên sâu nhằm

phát triển các kỹ năng chuyên nghiệp.

Với K36, tới gần cuối năm 3 đến năm 4 mới được tiếp xúc và thực hành nhiều hơn, trong khi trước đó chỉ học đặc lý thuyết, ít hoạt động thực tiễn. Khoa nên cho thực hành với kiến thức ngay từ năm 1 năm 2, bởi kiến thức XHH không thực hành sẽ không thể hiểu được vấn đề. Đặc biệt giảm khả năng đam mê với ngành học và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên. Sự phân bổ môn học cũng không đồng đều, năm 1 và năm 2 rất ít môn học, học như chơi, sau đó dồn chuyên ngành vào năm 3 và năm 4 khiến sinh viên không vững kỹ năng sẽ cảm thấy hơi áp lực với kiến thức chuyên ngành sâu rộng như vậy. XHH mà chỉ học lý thuyết thì sẽ rất nản, và nếu chỉ học trong một thời gian rồi bỏ ngỏ, sau đó quay lại thì sẽ bị nông và không hiểu sâu vấn đề. Do đặc thù của ngành, các môn học nên phân bổ hợp lý hơn, tránh tình trạng bị hoang mang chán nản như K36.

Ví dụ: Môn XSTK, Xử lý dữ liệu được học từ năm nhất, nhưng sau đó lại không hề được thực hành ngay với dữ liệu, tới năm 3 mới áp dụng vào khi kiến tập thì sinh viên sẽ rất bối rối, phải học lại kiến thức.

Cần sắp xếp các môn học chuyên ngành ngay từ năm nhất để sinh viên có thể hình dung và tiếp nhận các kiến thức căn bản về ngành học và công việc sau khi ra trường.

Có nhiều môn học đáp ứng được nhu cầu thực hành nghề nghiệp của sinh viên

2.2. Khuyến nghị về công tác kiểm tra đánh giá

Sinh viên đa phần khuyến nghị đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá, tăng cường các hình thức thi trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn. Đề thi nên mang tính mở, nhằm đánh giá được khả năng vận dụng kiến thức, lập luận, phân tích của sinh viên.

Tăng cường hình thức thi trắc nghiệm cho các môn đại cương

Tăng cường thêm các hình thức kiểm tra, giám sát thông qua thực tiễn

Công tác kiểm tra cần tăng cường

Nhanh hơn

Kiểm tra đánh giá ngay sau khi học

Tăng cường kiểm tra thông qua hình thức vấn đáp.

Đề cương ôn tập sát với câu hỏi thi hơn

Nên có lịch thi và phòng thi sớm hơn

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

Có nhiều hình thức kiểm tra hơn như bài tập lớn, lựa chọn những vấn đề phân t

hơn, không nhất thiết phải bám vào giáo trình

Đề ra cần mang hướng mở hơn, tránh hiện tượng chép bài nhau

Nên thay đổi hình thức làm tiểu luận chép tay vì có nhiều bất cập

Cập nhật lịch thi kịp thời

Nên tiến hành tổ chức hình thức kiểm tra bằng những bài tập lớn, làm việc n

sinh viên tìm hiểu thay vì thi viết như thông thường

2.3. Khuyến nghị về cơ sở vật chất

Cần cải tiến hệ thống máy tính

đầu tư cải tiện phòng thể chất, đài nghe tiếng anh

Hệ thống loa cần nâng cấp

Nên cải thiện phần âm thanh mic nói, loa đài.

Nâng cao chất lượng máy tính, thường hay lỗi trong quá trình thực hành

Cần đầu tư hơn về chất lượng micro

Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất

Cung cấp nước miễn phí

Đầy đủ phòng thực hành hơn

Thay mic

Thư viện số cần cập nhật nội dung của tài liệu. Một số tài liệu không có nội dı

khó khăn trong việc nghiên cứu khi thư viện không mở.

Thiết bị âm thanh nên được điều chỉnh vì nhiều khi mic còn rè, nghe không rõ

Cần mở rộng hệ thống wifi để sinh viên nghiên cứu và tìm kiếm tài liệu

Đề xuất cải thiện mạng wifi ở lớp học và ktx

Chất lượng wifi yếu, máy chiếu và loa cũ hay gặp sự cố

2.4. Khuyến nghị về phương pháp dạy học

Các khuyến nghị liên quan đến phương pháp dạy học chủ yếu tập trung vào việc tăng cường các hoạt động thực hành, các hoạt động khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên, gắn liền lý luận với thực tiễn hơn. Tăng cường các hoạt động động học tập giúp sinh viên vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

Thực hành nhiều hơn ạ

Đề nghị 1 số giảng viên giảng dạy tích cực hơn, tránh chiếu slide rồi nói cho xong giờ giảng

Thứ nhất, cần kết hợp nhiều phương pháp trong giảng dạy để bài giảng có sự sáng tạo giúp sinh viên hiểu bài hơn

Thứ hai là, phải kích thích được khả năng tư duy của sinh viên, để sinh viên tự tìm hiểu, tư duy

Thứ 3, cần bổ sung thêm các phương tiện dạy học để giúp sinh viên k bị nhàm chán và hiểu bài hơn

- Kết hợp sử dụng nhiều phương pháp trong giảng dạy để đạt được kết quả cao hơn

- Giảng viên nên tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều buổi ngoại khoá, tìm hiểu thực tiễn

- Tạo hứng thú hơn cho sinh viên bằng xây dựng các video, hình ảnh thực tiễn trong bài giảng

Kết hợp nhiều hơn nữa giữa phương pháp thuyết trình với các phương pháp tích cực

Cải tiến phương pháp dạy học hiện đại

Phương pháp thực hành nhiều hơn

Có nhiều phương pháp tích cực

Khuyến khích sinh viên nêu ý kiến, phản biện

Cần đưa vào giảng dạy các tình huống thực tiễn liên quan đến nghề nghiệp

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.5. Khuyến nghị về chất lượng hỗ trợ đào tạo

Chính sách phù hợp

Ký túc xá đôi khi còn xảy ra hiện tượng mất đồ giữa các phòng, cần tăng cường c biện pháp bảo đảm an ninh

An ninh ktx cần tốt hơn. Vẫn có hiện tượng trộm cắp tài sản

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.6. Khuyến nghị chất lượng phục vụ

Nâng cao chất lượng phục vụ

Chuyên nghiệp hơn

Bổ sung đội ngũ kỹ thuật viên để đảm bảo sữa chữa lỗi kĩ thuâtn kịp giờ học cho tất cả các lớp có trục trặc

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

C. KẾT LUẬN

1. Kết luận

Trung bình 90% sinh viên cơ bản hài lòng với chất lượng chương trình đào tạo, tỷ lệ cao hơn so với kết quả khảo sát SVCK năm 2019. Sinh viên nhìn chung nhận định CTĐT đã có những cải tiến, điều chỉnh mang tính phù hợp hơn.

- Các CTĐT mang tính chuyên nghiệp; đã cung cấp các kiến thức nền tảng, kiến thức ngành và chuyên ngành, các kỹ năng tư duy, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm về cơ bản.
- Các CTĐT khối nghiệp vụ đã có những cải tiến theo hướng gắn lý thuyết với thực hành, có nhiều hoạt động giúp sinh viên trải nghiệm, cọ xát với thực tế, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp.
- Đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao, nhiệt huyết, quan tâm tới sinh viên. Đã có nhiều sáng tạo, đổi mới trong phương pháp giảng dạy.
- Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo.
- Môi trường học tập thân thiện, thoải mái

2. Khuyến nghị

a) Khuyến nghị về CTDH

Các khoa đào tạo cần tiếp tục cải tiến chất lượng CTDH:

- Tăng cường các nội dung thực hành, thực tế để rèn luyện các kỹ năng nghề

nghiệp; đào tạo chuyên ngành chuyên sâu; tích hợp các môn học để tránh đào tạo dàn trải.

- Sắp xếp các học phần trong CTDH một cách logic, khoa học hơn theo hướng các học phần mang tính nền tảng, nhập môn trước; các học phần chuyên đề sau.

b) Khuyến nghị về phương pháp dạy học

Giảng viên tham gia giảng dạy cần tiếp tục cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng:

- Tăng cường các phương pháp dạy học mang tính tương tác, khuyến khích sinh viên tích cực tham gia; các phương pháp dạy học trải nghiệm, dự án, giải quyết vấn đề

c) Khuyến nghị về kiểm tra đánh giá

Các khoa đào tạo cần tiếp tục rà soát công tác kiểm tra đánh giá theo hướng:

- Tăng cường các đánh giá kiến thức, kỹ năng thực tế.
- Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR, tăng cường các hình thức thi trắc nghiệm, bài tập thực hành, dự án, nghiên cứu trường hợp.

d) Khuyến nghị về cơ sở vật chất

Học viện cần tiếp tục cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng:

- Cải thiện hệ thống wifi trong Học viện phục vụ hoạt động học tập.
- Nâng cấp chất lượng trang thiết bị dạy học, bao gồm máy chiếu, loa đài.
- Thư viện tăng cường các đầu sách tham khảo chuyên ngành.

e) Khuyến nghị về chất lượng hỗ trợ đào tạo

Các Khoa đào tạo, phòng ban phục vụ đào tạo cần tiếp tục cải tiến chất lượng hỗ trợ đào tạo theo hướng:

- Tăng cường công tác cố vấn học tập sát sao hơn với nhu cầu của sinh viên.
- Tăng cường các buổi đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Học viện.
- Tăng cường các hoạt động hướng nghiệp: tọa đàm với NTD và cựu sinh viên, hội chợ việc làm.
- Giải quyết các thủ tục hành chính nhanh gọn hơn, hiệu quả hơn.
- Thông tin về đào tạo (vd. Lịch thi) cần phổ biến nhanh hơn.

f) Khuyến nghị về chất lượng đội ngũ nhân viên, KTV phục vụ đào tạo

- Nhân viên văn phòng các khoa, phòng, ban (Phòng CTCT; Ban QLĐT, Phòng KH-TV, Văn phòng) cần tích cực, nhiệt tình hơn trong việc hỗ trợ sinh viên giải đáp các thắc mắc và giải quyết các thủ tục hành chính.

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Phạm Minh Sơn

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Báo chí
Số lượng sinh viên phản hồi: 333

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.0	0.6	3.0	11.4	62.5	22.5	85.0
2. Kiến thức chuyên ngành	4.2	0.3	1.2	10.5	54.4	33.6	88.0
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.0	0.3	3.0	16.5	57.1	23.1	80.2
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.0	0.3	2.7	19.2	52.6	25.2	77.8
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.1	0.6	1.5	17.4	51.4	29.1	80.5
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.5	2.7	9.6	34.2	40.8	12.6	53.5
7. Kỹ năng tin học	3.7	2.1	7.2	25.8	45.6	19.2	64.9
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.0	0.9	0.9	16.8	58.3	23.1	81.4
9. Kỹ năng tư duy phản biện	4.0	0.9	1.8	16.5	57.4	23.4	80.8
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.1	0.3	1.8	13.2	57.4	27.3	84.7
11. Kỹ năng giao tiếp	4.2	0.3	1.2	10.5	55.0	33.0	88.0
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.9	0.9	4.5	25.2	46.5	22.8	69.4
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.3	0.3	0.6	9.3	47.1	42.6	89.8
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.1	0.0	3.6	12.9	52.6	30.9	83.5
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.0	0.3	2.4	18.3	52.6	26.4	79.0
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.1	0.3	2.1	15.0	53.2	29.4	82.6
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.1	0.6	1.2	17.4	47.1	33.6	80.8
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.1	0.3	0.9	16.2	50.2	32.4	82.6
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.2	0.0	2.1	12.3	50.2	35.4	85.6
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.9	1.5	3.9	21.6	46.8	26.1	73.0
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.2	0.0	2.4	15.3	45.3	36.9	82.3

III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.1	0.3	1.5	18.0	50.2	30.0	80.2
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	3.9	0.6	4.5	22.5	48.0	24.3	72.4
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.1	0.3	1.8	13.5	54.4	30.0	84.4
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.0	0.6	1.8	18.3	56.2	23.1	79.3
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.2	0.3	1.2	10.8	56.8	30.9	87.7
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	3.9	1.2	6.0	21.9	47.7	23.1	70.9
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.0	0.6	2.4	20.1	52.9	24.0	76.9
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.1	0.3	1.8	16.8	54.7	26.4	81.1
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.0	0.9	2.4	17.4	52.6	26.7	79.3
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.1	0.3	1.8	11.7	57.4	28.8	86.2
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.0	0.9	0.9	18.9	52.6	26.7	79.3
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.0	1.2	2.4	19.2	51.7	25.5	77.2
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.2	0.9	1.8	12.0	47.7	37.5	85.3
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.3	0.9	1.2	10.8	45.9	41.1	87.1
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.2	0.9	2.1	13.8	46.8	36.3	83.2
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.2	1.2	2.4	11.1	48.9	36.3	85.3
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.2	0.9	2.1	9.3	50.5	37.2	87.7
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.0	1.8	3.9	17.7	47.7	28.8	76.6
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.1	0.3	2.7	14.7	50.5	31.8	82.3

8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.2	0.9	0.9	9.9	50.8	37.5	88.3
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.0	0.9	4.2	18.9	45.3	30.6	76.0
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.3	0.6	0.6	8.7	51.7	38.4	90.1
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.3	0.6	1.2	5.7	47.7	44.7	92.5
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.1	0.3	0.9	13.5	54.4	30.9	85.3
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.1	0.3	0.9	13.5	55.9	29.4	85.3
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.1	0.6	1.8	13.2	54.1	30.3	84.4
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.1	0.0	2.1	14.4	55.3	28.2	83.5
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.2	0.3	1.8	12.0	52.6	33.3	85.9
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.1	0.9	2.4	18.7	46.5	31.4	77.9
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.1	0.3	2.4	18.7	45.3	33.2	78.5
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.2	0.6	2.4	11.6	47.7	37.7	85.4
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.1	2.1	2.4	15.3	43.8	36.3	80.2
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.2	0.9	0.9	11.4	46.7	40.1	86.7
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.2	1.5	0.9	11.2	50.6	35.8	86.4
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.1	0.0	2.1	17.4	48.0	32.4	80.4
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.1	0.3	1.3	19.9	46.8	31.7	78.5

9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.3	0.3	0.9	7.5	48.0	43.2	91.3
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.0	0.3	1.8	17.7	53.8	26.4	80.2
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.1	0.3	1.8	14.1	51.1	32.7	83.8
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.0	1.2	2.7	18.0	49.5	28.5	78.1
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.0	2.1	2.4	17.8	49.5	28.1	77.6
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.9	2.1	12.3	55.0	29.7	84.7
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	3.9	1.8	2.7	17.7	55.0	22.8	77.8
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	0.9	1.5	16.2	55.3	26.1	81.4
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.1	0.6	2.1	12.6	54.1	30.6	84.7
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.6	1.8	12.3	53.5	31.8	85.3
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.0	0.9	3.0	15.0	55.6	25.5	81.1
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.6	1.2	15.9	55.6	26.7	82.3
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.1	0.9	1.8	17.4	48.9	30.9	79.9
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	1.2	1.2	15.0	52.3	30.3	82.6
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.2	0.6	1.2	9.3	58.9	30.0	88.9

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

- Giảng viên giỏi, có uy tín trong nghề
- Được thực hành nhiều

Hết ạ.

1. Nhanh nhạy bắt kịp xu hướng
2. Đào tạo tốt phát huy được thế mạnh của người theo học
3. Bổ ích, sáng tạo

1. Đầy đủ
2. Thực tiễn
3. Xu hướng

- Đa dạng kiến thức và kỹ năng
- Cập nhật những xu hướng mới nhất
- Cơ hội thực hành và tự học

Ngành học tạo hứng thú cho sinh viên; Các giảng viên có chuyên môn, nhiệt tình; Cơ hội nghề nghiệp cao.

Năng động; sáng tạo; tự lập

Đa dạng , linh hoạt với xu thế , tạo môi trường học tập tốt

thực tế, trực quan, nhiều cơ hội

Sát thực tế- chính xác- cập nhật

Cập nhật, đổi mới, sáng tạo

- Có lịch trình, cơ sở nội dung rõ ràng, gắn kết với nhau .
- Gắn liền và mang tính thực tế cao.
- Áp dụng nhiều công nghệ hiện đại, cập nhật liên tục cho sinh viên trong phương pháp học tập.

chuyên sâu bắt kịp xu hướng dễ hiểu

- có chuyên môn
- có kết hợp thực hành
- thời gian tự học nhiều

1. Lộ trình học tập rõ ràng, sinh viên có thể nắm bắt được đầy đủ các kiến thức về chuyên ngành từ lý luận đến thực tiễn.
2. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, cập nhật xu hướng phát triển của ngành học để truyền tải đến sinh viên những bài học theo kịp thời đại với kiến thức thực tế sâu rộng.
3. Sinh viên được tạo điều kiện thực hành kết hợp với các tiết học lý thuyết khiến kiến thức không chỉ ở trong sách vở mà còn đúc rút ra từ việc sáng tạo tác phẩm, bài tập lớn.

Đa dạng
Đa năng
Chuyên môn cao

đào tạo nghiệp vụ tốt - giảng viên nhiệt tình, có chuyên môn - cơ hội nghề nghiệp cao.

Giảng viên tâm huyết, nhiều kinh nghiệm thực tế
Cọ sát thực tế nhiều trong quá trình học
Dạy học mở phát huy tư duy, sáng tạo của sv

Hiện đại, cập nhật xu hướng mới, gần với thực tế

Phù hợp với thực thế, thú vị, rèn luyện được nhiều kĩ năng

1. Tính thực tiễn cao, dễ áp dụng
2. Vận dụng linh hoạt được nhiều ngành nghề khác
3. Năng động,

tốt

Đa dạng, chuẩn, hay

Cơ hội nghề nghiệp tốt-giúp sinh viên tự tin-được thực hành nhiều

Thực tế, sáng tạo và thực hành nhiều

Trường đẹp, tiện nghi, thực hành nhiều

- Giảng viên có chuyên môn cao
- Các bài tập thực hành phát triển được khả năng sáng tạo, kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên
- Không quá nặng về lý thuyết, giảng viên luôn có hướng giảng dạy để sinh viên dễ tiếp thu kiến thức

Thực tế, sáng tạo, thu hút

Đội ngũ giảng viên chuyên môn cao, Giúp sinh viên chủ động học tập, đào tạo nhiệt tình

Giảng viên nhiệt tình, có trách nhiệm
Chuyên môn ngành đào tạo tốt
Điều kiện môi trường phát triển cho sinh viên tốt

Chương trình học phù hợp với nghề nghiệp thực tế
Kiến thức thiết thực
Phù hợp ngành nghề

Giảng viên giỏi, kiến thức chuyên ngành tốt, cơ hội nghề nghiệp cao

+ Môn học hay, thiết thực
+ Giảng viên tâm lý, chu đáo

Chương trình đào tạo đầy đủ
Những kiến thức chuyên ngành được vận dụng vào thực tế
Đào tạo toàn diện

1. Đào tạo kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ tốt
2. Được thực hành tác nghiệp nhiều, phục vụ được công việc tương lai
3. Chương trình học luôn nắm bắt được các xu hướng mới nhất của báo chí thế giới

Thực tế, tinh gọn, dễ hiểu

Các môn học đa dạng, thực hành nhiều

Sáng tạo, chuyên nghiệp, phù hợp

thực tiễn - sáng tạo - kĩ năng mềm cần thiết

- Phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu của sinh viên
- Chương trình đào tạo đa dạng

giúp cho sinh viên chủ động vs bài tập
Giup sv có được nhiều kĩ năng tốt như quay chụp ảnh
có kiến thức về các vấn đề xã hội

1. Thực hành nhiều
2. Mang lại nhiều kiến thức bổ ích
3. Rèn luyện được nhiều kĩ năng

Đươc thực hành nhiều. Đào tạo kỹ năng nghiệp vụ nhiều hơn lý thuyết cơ bản. Giảng viên trẻ, nắm bắt đúng xu thế, được học tập cùng các chuyên gia.

Năng động, Hấp dẫn, Sáng tạo

Ra trường có thể đi làm luôn
Được học chụp ảnh và quay phim
Được học bao quát

Đa dạng
Bổ ích
Thực tiễn

Về 3 điểm mạnh: trong quá trình học tập sinh viên có nhiều cơ hội được thực hành thực tế; giảng viên nắm bắt tốt xu thế phát triển hiện nay nên chia sẻ nhiều phần mềm và kiến thức gần gũi; giảng viên và sinh viên gần gũi, dễ dàng trao đổi.

1. Đội ngũ giảng viên trẻ, năng động, bắt kịp xu hướng. 2. Lịch học linh hoạt.

1: Chương trình đạo tạo phù hợp với chuẩn đầu ra của một sinh viên báo chí
2: các giảng viên có kiến thức và kỹ năng giảng dạy tốt. Hơn nữa rất tâm lý với sinh viên
3: môi trường học tập lành mạnh, an toàn tạo điều kiện để sinh viên phát triển toàn diện

có tính thực tiễn cao; có nhiều buổi thực hành, áp dụng vào cuộc sống rất nhiều; nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

- Nâng cao nhận thức xã hội
- Giảng viên tâm huyết
- Có nhiều cơ hội thực hành

Đào tạo tốt, chuẩn
Gắn liền thực tiễn
Đào tạo, bồi dưỡng khả năng suy luận, làm việc nhóm

Giảng viên, phương pháp, bài giảng

- Đào tạo đội ngũ phóng viên, nhà báo
- Chương trình phù hợp với sự phát triển của công nghệ, truyền thông trong thời điểm 4.0
- Được tiếp xúc nhiều chuyên gia trong nhiều lĩnh vực

- Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao
- Phát huy cao khả năng làm việc nhóm có hiệu quả
- Rèn luyện tư duy sáng tạo

Năng động, sáng tạo, cơ hội thực hành cao

1. Được giảng dạy bởi giảng viên có tiếng và có chuyên môn trong ngành
2. Cách thi đầu vào khác lạ, khiến sinh viên hứng thú với ngành học. Tuy nhiên, cách dạy và học vẫn hơi hướng mô hình cũ
3. Hình thức đánh giá kiểm tra đa dạng (bài tập lớn, dự án kết thúc môn)

- Chuyên ngành báo in nhưng được học theo hướng đa phương tiện kết hợp của tất cả các chuyên ngành báo
- Báo in sẽ có những tác phẩm báo chí chuyên sâu và có sự kĩ càng khi đăng tải hơn so với các báo khác
- Kết hợp hài hoà giữa lý thuyết và thực tế

Đa dạng, ứng dụng cao, chất lượng tốt

Được sáng tạo, làm việc nhóm, thực tế hiệu quả

Hấp dẫn, minh hoạ cụ thể, giảng viên có chuyên môn

Đầy đủ kiến thức nền tảng
Đào tạo kỹ năng tốt
Tham gia thực hành nhiều

1. Kết thúc kì thi, sinh viên được làm tiểu luận / bài tập lớn, không phải học thuộc lý thuyết quá nhiều như đối với sinh viên ngành lý luận
2. Các bộ môn trong chương trình học sinh viên được thực tế vào thực tiễn luôn ngay sau khi học lí thuyết.
3. Chương trình đào tạo có cơ hội việc làm cao tại các tòa soạn báo chí, đặc biệt là chuyên ngành báo mạng điện tử.

Khá nổi tiếng

- Có sự tương tác nhiều giữa giảng viên và sinh viên.
- Có sự thực hành phù hợp ở các bài giảng
- Có sự tham gia của chuyên gia, khách mời khiến bài giảng sinh động, trực quan.

- Các giảng viên của khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, thân thiện, có kiến thức chuyên môn tốt
- Các kiến thức về chuyên ngành hay, hấp dẫn, bổ ích, có thể áp dụng thực tế được

Đang là xu thế, thiết yếu và cuối cùng là e thích chuyên ngành này

phù hợp với nhu cầu của sinh viên, chương trình học vừa phải, đề cao năng lực tự học

sinh viên được thực hành nhiều, thầy cô có chuyên môn, các môn học có tính liên kết

Cơ hội việc làm khi ra trường

Nhiều giảng viên trẻ cách dạy năng động, nhiều bài tập thực hành đa dạng, môi trường học tập đề cao tinh thần chủ động của sinh viên

Khá thú vị, Cung cấp kiến thức và kỹ năng ở mức vừa đủ, năng động

Thiết thực, năng động, sáng tạo

Năng động, sáng tạo, thiết thực

1. Được học cách làm báo
2. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp
3. Hiểu về quy trình sản xuất báo in

Lý thuyết đầy đủ - thực hành tốt - giáo viên chất lượng

có sự đổi mới liên tục về giảng dạy

Bộ môn đa dạng, thiết thực, có giá trị ứng dụng trong thực tiễn; Giảng viên có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn đầy đủ, cởi mở, cập nhật; Hình thức đánh giá, kiểm tra kết quả học tập linh hoạt, xác đáng

- Tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành nhiều, Được học tập cùng nhiều giảng viên mời chất lượng, Điều kiện cơ sở vật chất tốt.

các môn học chuyên ngành rất hay và giúp ích cho công việc sau này, tăng kỹ năng làm việc nhóm,

1. Bám sát kiến thức và đào tạo kỹ năng phù hợp với thực tế xã hội
2. Khoa chủ quản quan tâm tâm tư nguyện vọng sinh viên
3. Giảng viên giàu kinh nghiệm đào tạo, sinh viên năng động

- Nhiều thời gian thực hành
- chương trình học bắt kịp xu hướng
- Trang thiết bị phục vụ môn học hiện đại

Đa dạng kiến thức, thiết bị hiện đại, thầy cô tâm huyết

1. Cung cấp kiến thức tương tối hoàn chỉnh và toàn diện về chuyên ngành theo học.
2. Thầy cô trẻ trung, năng động, gần gũi với sinh viên.
3. Sinh viên được thực hành nhiều.

Thực tế, giảng viên chuyên nghiệp, được thực hành nhiều

- Năng động
- Phù hợp với xu thế phát triển chung của báo chí.
- Tạo môi trường để sinh viên thể hiện khả năng bản thân.

- Có tính ứng dụng cao
- Là xu hướng hiện nay
- Học tập được nhiều kỹ năng khác

Hiện đại, dễ hiểu

Giảng viên nhiệt tình, môi trường học tập đầy đủ tiện nghi, các kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành đảm bảo đạo tạo tốt

môn học thú vị, thầy cô có nhiều kinh nghiệm và các hoạt động nhóm có ích

Giảng viên có trình độ chuyên môn cao
Các môn học đáp ứng được nhu cầu xã hội
Các bài tập phát triển được khả năng của sinh viên

Đầu ra hứa hẹn, môu trường học tập tốt, giảng viên giỏi

Được thực hành nhiều
Cho sinh viên cơ hội tự học và làm việc nhóm tốt
Các môn giảng dạy phục vụ tốt cho công việc sau này

- Phù hợp với xu thế của thời đại
- Đem lại mức thu nhập cao
- Giúp mở rộng quan hệ xã hội, tạo tiền đề phát triển rất tốt nếu biết nắm bắt

Bám sát giữa lý luận với thực tiễn
Trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và những vấn đề liên quan đến nghề nghiệp

1. Nhu cầu công việc nhiều
2. Thiết thực với cuộc sống
3. Có nhiều trải nghiệm thực tế

Năng động, sáng tạo, bao quát, đa phương tiện

Đa dạng, thực hành nhiều, tiêu chí đánh giá linh hoạt

Chú trọng thực hành/ Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu/ Nhiều giảng viên mời chất lượng

Ngắn ngọn, Linh hoạt, Phù hợp

1-kiến thức sát thực tế; 2-được thực hành nghiệp vụ; 3-kiến thức vừa đủ

Tính thực hành được chú trọng
Cập nhật xu hướng mới nhất về tác nghiệp báo chí
Tính đa phương tiện về ngành học

Cung cấp nền tảng kiến thức tốt, thực tế, kĩ năng mềm

Giảng viên tận tình, tâm huyết, các môn học có sự liên kết chặt chẽ đáp ứng chuẩn đầu ra, sinh viên được thực hành nhiều, có cơ hội thực hiện nhiều tác phẩm đúng chuyên ngành nâng cao kĩ năng và trải nghiệm

- Phát thanh vẫn là loại hình báo chí ko thể thiếu trong đời sống hiện nay.
- Tính bảo mật cao đối với thính giả
- Trau dồi kĩ năng ứng xử nhanh nhạy

1, luôn đổi mới và sáng tạo. 2, cập nhật với xu hướng hiện tại. 3, đội ngủ giảng viên có chuyên môn.

Thực tế- Ít lý thuyết- Thực hành nhiều

- Lí thuyết ít, thực hành nhiều
- Chấm điểm dựa trên sản phẩm
- Linh động

Đào tạo kiến thức chuyên ngành tốt
Môi trường năng động
Giảng viên tâm huyết

tự do sáng tạo, tư duy theo cách bản thân muốn. luôn chú trọng vào thực hành □□□

Thực hành và lý thuyết rất sát, giao tiếp là lợi thế, chau chuốt được ngôn từ tuyệt vời

Năng động, tiến bộ, phù hợp với định hướng xã hội.

Thầy cô tâm huyết, có cơ hội thực hành, cơ hội làm việc nhóm

Kiến thức nền tảng vững chắc, tạo điều kiện cho sinh viên hoạt động nghiệp vụ trong các CLB, giảng viên tâm lý

Giáo viên có chuyên môn.
Có nhiều tiết học thực hành, phù hợp với chuyên ngành.
Tâm lý với sinh viên.

Đúng chuyên môn
Rất sát thực tế
Sinh viên được làm và và chạm với nghề nhiều

- Cơ sở vật chất tốt
- Khoa PT-TH có đội ngũ giảng viên chất lượng
- Các môn học có tính thực hành cao

Sáng tạo
Phù hợp nhu cầu
Hợp thời đại

Chuyên nghiệp, có nền tảng, kỹ năng

Kĩ năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm đề cao, kiến thức đi đôi thực tiễn

Thiết thực, tạo hứng thú, thú vị

kỹ năng làm báo, giao tiếp, mối quan hệ

Củng cố lý thuyết vững vàng. Toàn bộ kiến thức lý thuyết được áp dụng ra thực tiễn. Sinh viên được rèn luyện nhiều kỹ năng cần thiết trước khi ra trường.

Sáng tạo - Tính thực hành cao - kiến thức đa dạng

- Giảng viên có kiến thức, có trình độ
- Chương trình đào tạo các môn chuyên ngành gần với yêu cầu thực tế
- Môi trường đào tạo thân thiện, tạo điều kiện phát triển các câu lạc bộ sinh viên

Năng động, sáng tạo, khả năng tự mày mò của sinh viên

- chú trọng vào thực hành
- ứng dụng thực tiễn với nghề nghiệp
- phát triển nhiều kĩ năng

Được thực hành nhiều, làm bài tập lớn thay cho kiểm tra viết, giáo viên của khoa tâm lí, vui vẻ

Chương trình đào tạo hiện đại, chất lượng và tạo điều kiện cho sinh viên

Thời lượng phù hợp, bải giảng phong phú, nhiều cơ hội được thực hành

- học được nhiều kỹ năng
- giảng viên ưu tú
- giáo trình bài bản

Cập ngập xu thế, tính thực hành cao, tăng khả năng tự học

Lý thuyết chắc, thực hành nhiều, kiến thức đa dạng

Chuyên nghiệp, năng động, bắt kịp xu hướng

- phù hợp
- theo sát thực tế
- cung cấp nhiều kiến thức đúng trọng tâm chuyên ngành

Giảng viên giỏi, thân thiện
Công cụ hỗ trợ dạy học phát triển, thuận lợi

- Các môn học hỗ trợ và cung cấp kiến thức chuyên ngành rất đầy đủ, đào tạo sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản.
- Thầy cô thân thiện, nhiệt tình với sinh viên.
- Có nhiều CLB nghiệp vụ để sinh viên được rèn nghề ngay khi đang học ở trường.

Sáng tạo, linh hoạt, dễ hiểu

- Một số giảng viên có phương pháp dạy học tương đối tốt.
- Cơ sở vật chất dạy học tốt.

Học lý thuyết đi đôi với thực hành
Bám sát với thực tế

Năng động, chủ động, sáng tạo

Ứng dụng thực tế nghề nghiệp cao, năng động, sáng tạo

Đội ngũ gv chuyên nghiệp, ứng dụng cao, thực hành nhiều

Được thực hành nhiều, bổ sung nhiều kiến thức nền tảng, tiếp thu được nhiều kiến thức thực tế

Kiến thức chuyên ngành rất sát đối với công việc tương lai
Đội ngũ giảng viên vô cùng tâm huyết và dầy dặn kinh nghiệm
Trang thiết bị phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khá đầy đủ

Trẻ trung, năng động, sáng tạo

1. Đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên ngành
2. Một số bộ môn sáng tạo trong cách giảng dạy và thực hành, tạo hứng thú cho sinh viên
3. Khung thời gian học và tự học khá hợp lý

Khả năng tự học, khả năng quay dựng và khả năng viết lách

1. Tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thực tế tốt
2. Các hoạt động, sự kiện của nhà trường đưa sinh viên năng động hơn, tới gần nhau hơn
3. Độ ngũ giảng viên trẻ góp phần đưa việc tương tác giữa giảng viên và học viên trở nên tốt hơn

Theo kịp xu hướng. Được học kết hợp đa dạng các loại hình khác. Thực hành nhiều

Cơ hội thực hành nhiều. Giảng viên nhiệt tình, trình độ chuyên môn cao. Môi trường học tập tốt

- Cung cấp lượng kiến thức đầy đủ
- Thực hành giúp sv có nhiều bài học
- Hiểu sinh viên

Đã và đang thay đổi theo xu hướng mới của thời đại, các môn học có khả năng ứng dụng cao vào thực tiễn, thời gian thực tập nhiều cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế nghề nghiệp.

Được học đa dạng các mảng khác nhau của truyền hình, được rèn luyện mạnh mẽ khi đi tác nghiệp và nhiều con trai :)))

Khá thực tế
Có nhiều bài học bổ ích
Thầy cô nhiệt tình

1. Chương trình tập trung phát triển kĩ năng chuyên ngành của SV
2. Tạo điều kiện tốt cho SV thực hành, giao lưu học hỏi với các anh chị khóa trên, nhà báo có kinh nghiệm..
3. Thúc đẩy tư duy sáng tạo và đam mê với nghề

Chất lượng tốt - nội dung phù hợp - sáng tạo

1. Giúp sinh viên có kĩ năng nghiệp vụ tốt
2. Phẩm chất đạo đức tốt
3. Sinh viên được thực hành nhiều hiệu quả

- thông tin nhanh
- tương tác tốt
- hội tụ nhiều kỹ năng làm báo

- Thúc đẩy tính tự học và sáng tạo của sinh viên
- Vừa học vừa thực hành trực tiếp lý thuyết ngay sau các buổi học
- Kiến thức gần gũi, thầy cô truyền cảm hứng

Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, trẻ trung. Chuyên ngành hot. Học tập thú vị

nhanh chóng
cập nhật
Được làm trong nhiều ngành nghề khác nhau

thông tin nhanh nhẹn, có cơ hội được công tác với các tờ báo, thầy cô trong khoa rất nhiệt tình

Nâng cao kĩ năng thực tế
Cung cấp đầy đủ kiến thức nghề nghiệp
Đào tạo phát triển đầy đủ, toàn diện

Có được kiến thức tổng hợp (đặc biệt là xã hội) phong phú, kỹ năng lm việc tổng hợp

Theo sát

hiện đại thông minh thực tiễn nhiều

1. Mang đến cho người học nhiều kiến thức
2. Giúp người học có thể làm được ở nhiều lĩnh vực khác nhau
3. Cung cấp cho người học kỹ năng phản ứng nhanh các vấn đề

Thiết bị học tập đầy đủ, giảng viên giàu kinh nghiệm, có nhiều cơ hội thực tế

- Môi trường học tập có sự năng động từ giảng viên cho tới sinh viên
- Giảng viên không ngừng đổi mới, sáng tạo để nâng cao chất lượng đào tạo
- Có các CLB nghiệp vụ để sinh viên tham gia, rèn luyện và phát triển về cả chuyên môn và kĩ năng mềm.

- Hợp xu hướng phát triển của báo chí hiện đại
- Đáp ứng mọi nhu cầu của sinh viên từ chương trình lý thuyết đến thực hành
- Khả năng việc làm sau ra trường cao

Giảng viên chuyên môn, nhiều hoạt động thiết thực, sinh viên năng động

Đa dạng môn học, cung cấp nhiều kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, bắt kịp xu hướng phát triển của báo chí hiện nay

Được thực hành nhiều
Có nền tảng chính trị xã hội tốt
Phát huy khả năng tự học, sáng tạo

1. Ngành học đào tạo chuyên nghiệp cho những người làm báo, làm truyền thống
2. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm cao
3. Có cơ hội việc làm tốt

- Kiến thức bám sát, cập nhật và phù hợp với nghề
- Có nhiều cơ hội tác nghiệp, thực hành nghề
- Thầy cô hỗ trợ rất rất nhiệt tình

- Thường xuyên thực hành, đi thực tế
- Bài tập phong phú, đa dạng
- Sinh viên phát triển được kỹ năng mềm: giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm

- Sinh viên được thực hành với những trang thiết bị tốt nhất tại trường
- Có cơ hội đi thực tế và thực tập thường xuyên
- Giáo viên tạo mọi điều kiện, hướng dẫn nhiệt tình

các môn học có kiến thức có thể áp dụng vào thực tiễn được

Tiết kiệm, tiếp thu tốt, giảng viên tuyệt vời

- Giúp sinh viên nắm chắc kiến thức chuyên ngành
- Có cơ hội thực hành,tác nghiệp
- Phù hợp với sinh viên

Hệ thống bài giảng chất lượng, dễ hiểu.
Giảng viên giảng dạy hiệu quả cao
Vận dụng kiến thức vào thực tế rõ ràng

Tích hợp chương trình, Thực hành bát sát thực tế, Trang thiết bị hiện đại hỗ trợ quá trình học tập và nghiên cứu

1. Tăng cường khả năng tư duy sáng tạo và phân tích tình huống
2. Có thêm nhiều kỹ năng phục vụ cho nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là kỹ năng viết và phân tích
3. Bài giảng thực tế, chuyên sâu

Năng động, sáng tạo, chất lượng

1. Đáp ứng được xu hướng thay đổi của xã hội vào việc học
2. Lượng bài tập vừa đủ và hiệu quả trong nâng cao kỹ năng của sinh viên
3. Môi trường học năng động

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Khuyến nghị về chương trình dạy học

Đề xuất Học viện tiếp cận với nhiều tổ chức NGO hoặc các tổ chức tư nhân khác, để tạo ra nhiều chương trình trao đổi du học sinh hoặc các chương trình học bổng (ngoài nguồn học bổng từ trường), giúp sinh viên có thêm cơ hội phát triển và thử thách bản thân ở phạm vi rộng hơn thay vì chỉ trong khuôn khổ trường. (VD: NEU, FTU, DAV,... đều có các chương trình exchange, các đợt cấp học bổng từ các tổ chức NGO/nguồn tư nhân dành cho sinh viên có hoạt động ngoại khoá xuất sắc, các chương trình giao lưu và trao đổi svien với nhiều trường ĐH quốc tế để sinh viên được mở mang đầu óc và tiếp nhận những xu hướng mới đang hiện hữu trên thế giới).

Có thêm nhiều chương trình thực tế hơn.

Để cải thiện chất lượng chương trình dạy học tôi xin kiến nghị một số nội dung sau:

1. Tăng cường ứng dụng thực tiễn, thực hành đối với các môn lý luận

2. Giảm lược các kiến thức lý luận, môn học không cần thiết đối với sinh viên khối nghiệp vụ

3. Tập trung đào tạo sinh viên khối nghiệp vụ theo xu hướng về kỹ năng

Tăng cường các môn học chuyên ngành từ những năm đầu đại học

Đẩy mạnh thực hành nhiều hơn nữa để tăng kic năng xử lí giải quyết vấn đề và sáng tạo tác phẩm.

Nhiều môn giảng viên lên lớp quá ít, chỉ 1-2 buổi dù môn học chuyên ngành 3-4 tín. Giảng viên giao bài tập lớn và sinh viên phải tự mày mò. Sinh viên cảm thấy hoang mang, lúng túng và thấy tiếp nhận được ít kiến thức của môn học vì không được giảng dạy chi tiết.

Đi thực tế nhiều hơn.

Giảm bớt các môn lý luận đại cương, tăng các môn nghiệp vụ chuyên ngành từ năm 2

Tăng thời gian thực hành nhiều hơn

Có thể hạ đầu ra tiếng Anh b2 thành b1 được chứ ạ?

Cho thực hành nhiều hơn, tập trung các môn chuyên ngành nhiều hơn, hạn chế các môn đại cương

Em thấy nên có nhiều tiết học thực hành trên lớp cho các môn thiết kế thông tin đồ họa hoặc các môn học liên quan đến thiết kế hơn.

Các môn đại cương cần thực tế hơn

Em nghĩ nhà trường nên đẩy mạnh việc xây dựng kỹ năng chuyên ngành cho sinh viên trước khi học các môn đại cương. Bên cạnh việc củng cố lý thuyết cần cân nhắc hơn vấn đề cải thiện các kỹ năng cơ bản ứng dụng với ngành nghề thự tế

Em có một số góp ý sau quá trình học tập tại khoa như sau: Những môn học về các kỹ năng như sử dụng các phần mềm dựng video PR, âm thanh AU, thiết kế đồ họa PS, AI... nên được đẩy lên dạy trước để chúng em có thể tự học thêm và biết cách sử dụng trước khi học những môn phải làm tác phẩm luôn như Tác phẩm truyền hình, phát thanh, mạng điện tử. Bởi những môn này thầy cô đi sâu vào hướng dẫn chúng em về nội dung còn kỹ thuật thì quá ít để có thể thực hành. Nên khi bọn em bắt đầu vào học các tác phẩm, một số bạn chưa có thông thạo các phần mềm này nếu không đi học thêm một số lớp đồ họa ở trung tâm chuyên về đào tạo đồ họa. Trong thời gian đó, đa số các bạn trong lớp vừa phải làm nội dung vừa dựng sao cho hay và đặc sắc vừa ngồi mò mẫm các phần mềm thì rất áp lực. Và đôi khi làm bài nhóm ví dụ nhóm 10 người, thì chỉ có 1-2 bạn biết dựng bài thì công việc đối với các bạn đó gánh team quá nặng. K36 chúng em học chương trình chuyên ngành từ các tác phẩm rồi mới đến kỹ thuật, giá như khoa có thể đảo trình tự môn học lại như cách em trình bày thì sẽ mang lại hiệu quả cao, tăng khả năng sáng tạo cho sinh viên, tạo động lực cho sv làm bài và yêu thích nghề báo hơn.

Một số môn học của năm cuối nên có giáo trình để sinh viên có thể tiện hơn trong việc ghi nhớ kiến thức.

Nên có sự tương tác cao giữa sinh viên và giảng viên. Giao các phần bài đọc lý thuyết ở nhà. Trên lớp sẽ là các hoạt động thực hành nhiều hơn.

Cải thiện đài nghe cho sinh viên thi tiếng anh để đạt chất lượng hơn.

Đề xuất các hoạt động thực tiễn hơn là lý thuyết, sinh viên có được nhiều mối quan hệ với tòa soạn ngay từ năm 1, năm 2 để có định hướng với nghề sớm hơn

Cần cho sinh viên tiếp cận với các phương tiện kĩ thuật hiện đại hơn nữa ạ

Nhà trường có thể sắp xếp thứ tự các môn học tốt hơn để tăng hiệu quả học tập

Tập trung nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho sinh viên nhiều hơn

Có thể tạo cơ hội thực hành nhiều hơn cho sinh viên năm cuối trước khi ra trường

Thêm nhiều giờ học thực hành, trao đổi với các nhà báo

Nên gia tăng hàm lượng lý thuyết cơ bản trong những môn nghiệp vụ; đẩy mạnh cập nhật những hỗ trợ công nghệ (app, thiết bị) hiện hành có thể hỗ trợ sinh viên trong quá trình hoàn thành bài tập

Dạ kéo dài thời gian kiến tập và thực tập ạ.

tăng giờ thực hành

tăng thời gian thực hành các học phần dành cho sinh viên

Đề xuất nâng cao khả năng dạy và học ngoại ngữ để đáp ứng chuẩn đầu ra tốt hơn.

Tăng số tiết môn chuyên ngành, tăng số buổi của giáo viên mời

Nên giảm các môn đại cương

Cho sinh viên có nhiều cơ hội được tiếp cận với các cơ hội việc làm liên quan đến chuyên ngày học ngay từ năm nhất

Thêm các môn kĩ năng phản biện, xử lý tình huống và kĩ năng phỏng vấn

Rất tốt ạ? em không có ý kiến gì thêm, chúc trường em luôn mạnh khoẻ và thành công rực rỡ

Nên có sự thứ tự các môn học logic hơn

Giảng viên nên giảng dạy nhiều hơn trước khi yêu cầu sinh viên ra ngoài thực tiễn

- Các môn học đề cương và lí luận cần gắn với thực tế và có tính ứng dụng nhiều hơn

Theo em, có thể tăng thêm số buổi lên lớp ở một vài môn và các thày cô cần sát sao hơn nữa trong việc kiểm tra, điểm danh, đánh giá điểm của từng bạn để đảm bảo công bằng. Tăng thêm các bài tập cá nhân để tránh trường hợp làm nhóm nhiều bạn không thực sự làm, ỷ lại.

Nên có thêm nhiều thời gian học thực tế chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho sinh viên thực hành, thực tập làm nghề nhiều hơn

Tăng giờ thực hành

Kính mong Học viện và phòng Đào tạo xem lại việc sắp xếp môn học, mặc dù các môn có sự liên kết nhưng không theo trình tự logic. Các môn học nền tảng cần phải được học trước, để phục vụ cho các môn chuyên ngành quan trọng hơn (ví dụ, cần học môn Thiết kết thông tin đồ họa trước môn Báo chí dữ liệu).

Em nghĩ cần sắp xếp môn học phù hợp hơn, ví dụ như nên dạy các môn về kĩ thuật sử dụng, quay video, inforgraphic trước các môn sản xuất các sản phẩm truyền thông

Các môn chuyên ngành cần đa dạng hơn, đặc biệt là đối với các môn học chuyên ngành tự chọn

Kính mong học viện có thể đưa ra những thay đổi trong việc áp dụng kiến thức học tập vào thực tiễn và tập trung hơn các môn chuyên ngành đồng thời cũng là chuyên môn của sinh viên.

Nên cho sv thực hành thêm và tiếp xúc nhiều với các máy móc thiết bị mới

Nhà trường nên dạy nhiều môn chuyên ngành hơn cho sv và tạo nhiều điều kiện thực hành nhiều hơn

2.2. Khuyến nghị về công tác kiểm tra đánh giá

Bài tập nhóm thường được chia nhóm >5 người, thậm chí là 10 người/nhóm, điều này khiến cho nhóm trưởng rất khó để quản lí sát sao các thành viên. Dẫn đến hiện tượng đùn đẩy, người làm ít người làm nhiều, báo cáo cuối môn vì "nể" nhau (địa vị gia đình, vị trí cá nhân trong lớp,...) mà vẫn báo cáo tốt.

Coi thi chặt hơn, vẫn có nhiều trường hợp quay cóp mà điểm cao, như vậy không công bằng cho những sinh viên chăm chỉ ôn thi thật sự. Chấm điểm bài tập lớn không nhìn tên để cho điểm.

Nhiều điểm thành phần chưa được rõ ràng về cách cho điểm, khiến nhiều sinh viên phải suy nghĩ

Cho sinh viên làm nhiều bài tập thực hành để kết thúc môn

Em không thấy giáo viên chủ nhiệm lớp em phản hồi gì về kết quả học tập ạ

Cần báo lịch sớm và kiến thức ktra thực tế

Bên cạnh việc thông qua các bài khảo sát cần có thêm các buổi thảo luận công khai để công tác đánh giá được chất lượng hơn

Em nghĩ việc đánh giá của thầy cô luôn khách quan. Chỉ một số lúc chưa thực sự đúng và chúng em đã có những kiến nghị riêng để khắc phục.

Một số môn nên bổ sung hình thức thi Trắc nghiệm

Cần đẩy mạnh sự phản hồi định kỳ và kịp thời về kết quả học tập giúp sinh viên kịp thời điều chỉnh trước khi kết thúc môn học

đề cao công bằng trong đánh giá kết quả học tập

Đề xuất nên đa dạng hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập hơn.

Có thể tiến hành thi thêm vấn đáp

Cần thông báo đáp án các bài thi đến người học để có thể biết mình đúng sai ở đâu

Kiểm tra vấn đáp kĩ năng với câu hỏi mở hơn là về lý thuyết

Phòng đào tạo nên đẩy sớm tiến độ công bố lịch thi.

Bài tập cuối môn cần nhất quán, ít đưa ra thay đổi để sinh viên chủ động hơn

Việc kiểm tra, đánh giá cần công khai những tiêu chí đánh giá, cho điểm. Nếu không, cần đánh giá chất lượng dựa trên sự sáng tạo và linh hoạt của sinh viên, không nhất thiết phải bám sát sách vở. Đôi khi, sinh viên đã tự tin hoàn thành tốt bài thi nhưng lại bị đánh giá điểm thấp mà không rõ tiêu chí đánh giá là gì.

Theo em, nên tăng cường các bài tập cá nhân

Kính mong Học viện và các phòng khoa giảm tải việc báo cáo kết quả học tập và rèn luyện (làm bảng điểm), hoặc thống nhất 1 hình thức báo cáo nhất định, để bớt gánh nặng và không tốn thời gian của Ban cán sự các lớp và các phòng khoa. Ngoài ra, cần có sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các khoa và phòng CTCT.

Các bài kiểm tra cần sáng tạo hơn nữa và có thể đánh giá được mức độ tự nghiên cứu của sinh viên đại học

Phiếu đánh giá học tập quá nhiều,ô tích lại bé. Nhiều sv thậm chí còn không xem mà cứ vậy đánh giá cho xong

2.3. Khuyến nghị về cơ sở vật chất

Trần hành lang toà B5 có nhiều mảng bong tróc lớn; Học viện lắp Điều hoà nhưng nhiều hôm rất nóng sinh viên vẫn không được bật điều hoà vì ko có điều khiển, ko liên lạc được ai

thêm các phòng sinh hoạt chung

Tăng các phòng thực hành cho sinh viên truyền hình

Vẫn chưa biết vào được trang thông tin thư viện của trường

Máy chiếu mic cần tốt hơn

Thêm mái cho sinh viên để xe ạ

Em không có ý kiến gì về cơ sở vật chất ạ. Bởi Học viên tạo điều kiện học tập cho chúng em như thế này đã quá tốt rồi ạ, mọi thứ cần có thời gian, điều kiện tài chính

Sinh viên truyền hình có cơ hội sử dụng đồ nghề nhiều hơn

Cơ sở vật chất về thể dục thể thao nên được cải thiện hơn

Máy tính nhiều phòng bị hỏng. Phải dùng chung

Cần đầu tư thêm các thiết bị cho các lớp học chuyên ngành ạ

Cần đẩy mạnh công tác hoạt động của thư viện và đơn giản hóa quy trình hoạt động tại thư viện, tạo điều kiện cho sinh viên tìm kiếm và tra cứu tài liệu học tập

đầy đủ cơ sở vật chất, tuy nhiên cần nâng cấp để đạt hiệu quả cao hơn

Cơ sở vật chất của lớp phát thanh còn thiếu, mong nhà trường có thể hỗ trợ nâng cao chất lượng cơ sở vật chất cho chuyên ngành này

các máy tính ở b11-102 hay bị đơ hoặc hỏng

Vì trường có rất nhiều hoạt động, sự kiện nên em nghĩ học viện nên có thêm 1 phòng tập nhảy, múa, hát, võ,... để sinh viên trong các clb k phải tập ở sảnh htl, sảnh thư viện, sân nền đá. Đó là những nơi duy nhất chúng em có thể tập phục vụ các sự kiện lớn của trường nhưng thỉnh thoảng vẫn bị thầy cô nhắc nhở và đôi khi là "đuổi" đi ạ

Thêm điều hoà

Nhà trường sửa nhà vệ sinh và nhà xe để sinh viên có thể để xe dưới mái che ạ

micro của trường khó điều khiển, em nghĩ nên cải thiện thêm ạ.

Xây dựng phòng tập thể hình chuyên dụng

Bảo vệ tại KTX có phần khắt khe, khó khăn không cần thiết với sinh viên. Nhà trường có thể xem xét giảm mức thu gửi xe tại KTX với sinh viên.

cần các thông báo kịp thời cập nhật

Về cơ sở vật chất học
- Y tế:
+ E thấy chưa tốt, khi bảo hiểm y tế có thời hạn bắt đầu được sử dụng thì đến hơn 1 tháng không thấy cô y tế thông báo đến lấy. Bạn em bị bệnh đã phải tự chi trả 100% mà không được nhận trợ cấp từ bảo hiểm. Và như tình hình dịch bệnh kéo dài, cũng sắp được 5 tháng sử dụng bảo hiểm mà chúng em vẫn chưa được nhận bảo hiểm y tế.
- An ninh/ KTX:
+ Em có ở khu KTX B10, em và những bạn sinh viên ở đây đã từng một thời gian bị một số sinh viên trường ngoài không đăng ký chính thức, vào ở "chui" nhờ có anh người quen đã ký hợp đồng trước trong KTX B10. Họ thường xuyên quấy rối trật tự lúc 12-3 giờ đêm (như đập cửa phòng; dùng đũa, bàn chải chốt cửa ngoài của chúng em lại; hút thuốc và nhả khói thuốc thông qua khe cửa vào phòng chúng em lúc đêm...) Tuy nhiên, sau khi báo cáo với bác Thủy, tình trạng này đã được giải quyết và nhóm sinh viên đó đã bị đuổi.
+ Về nhà xe B10, em nghĩ mỗi khi chúng em đóng tiền gửi xe, bác bảo vệ nên làm biên lai thu tiền xe cho chúng em, tránh trường hợp thu tiền linh tinh, lúc 100.000, lúc 150.000 đồng, có khi thu rồi lại bảo chưa đóng tiền. Nên làm vé tháng khác với vé xe thông thường. Xe chúng em nên được để dưới mái che, không vứt vạ vật và gây tổn hại tài sản.
+ Một số buổi tối, người nhà của bác bảo vệ (một số nam thanh niên) thường mở cửa lúc đêm vào rất ồn ào buổi tối khi tụ tập ăn nhậu, chơi game cũng ảnh hưởng đến quá trình học tập, nghỉ ngơi của chúng em.

Các buổi đối thoại với sinh viên nên được tổ chức nhiều hơn và hiệu quả hơn

Em không được tham gia những buổi tiếp xúc với lãnh đạo nhà trường nên em không biết, nhưng nên để sinh viên nào có thắc ắc thì được tham gia buổi tiếp xúc đó chứ không chỉ là lớp trưởng các lớp.

Vấn đề hỗ trợ đào tạo có những lỗ hổng nhất định: Các thông báo về các chương trình học tự nguyện không được phổ biến rộng rãi đến từng đơn vị lớp mà chỉ trong các nhóm riêng tư trên facebook khiến một số sinh viên không tìm được lớp học.

Cần cho sinh viên thực tập nhiều hơn; dạy thêm nhiều phần mềm công nghệ phục vụ làm báo thời đại công nghệ số; giáo viên cần lên lớp nhiều hơn

Bổ sung môn chuyên ngành, đào sâu hơn kiến thức chuyên ngành, giảm tải các môn học không liên quan tới chuyên ngành

tăng thực hành, tăng sự gắn kết với các cơ quan báo chí

Bám sát thực tế, giảm tải chương trình

- Giảm lý thuyết, tăng thực hành.
- Đẩy mạnh hình thức học trực tuyến.
- Giảm bớt khối lượng kiến thức đại cương cơ bản.

- Giảng viên lên lớp nhiều hơn, đảm bảo sinh viên tiếp thu được cơ bản kiến thức rồi mới giao bài tập để sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực hành.
- Nâng cao chất lượng dạy và học Ngoại ngữ.
- Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận nhiều hơn với thư viện số để học tập nghiên cứu.

nâng cao chất lượng bài giảng cơ sở vật chất thực tế hơn

- nâng cao chất lượng chuyên môn
- nâng cao chất lượng cơ sở vật chất
- có lộ trình học tập rõ ràng, không dàn trải

Tập trung hơn vào các môn chuyên ngành
Điều chỉnh phương thức kết thúc môn một số môn học cho phù hợp
Điều chỉnh phương pháp dạy một số môn

Nâng cấp kỹ thuật, cơ sở vật chất
Tăng các giờ thực hành có hướng dẫn từ giảng viên

1. Giảm tải các môn đại cương
2. Nên học các môn chuyên ngành từ sớm, bắt đầu từ kì 2 năm nhất
3. Bổ sung thêm 1 số giảng viên là khách mời để tăng tính thực tiễn cho môn học

Nên học chuyên ngành sớm hơn, các môn học liên quan đến nhau nên xếp cạnh nhau, giảng viên nên tương tác nhiều hơn với sinh viên.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi đối thoại sinh viên rất tốt, tuy nhiên đa số các kiến nghị của sinh viên vẫn chưa được giải quyết triệt để. Nhiều thông báo, lịch học, lịch thi được thông báo khá bất chợt khiến sinh viên không kịp chuẩn bị. Ví dụ: Lịch thi sáng hôm sau thi thì tối hôm trước mới có, thậm chí là bị đổi lịch, cổng thông tin thường xuyên bị lỗi, điểm cập nhật muộn,...

Tổ chức nhiều buổi hội chợ việc làm hơn

Mong nhà trường mở rộng cơ hội hỗ trợ, giới thiệu việc làm để sinh viên không bỡ ngỡ khki vừa mới ra trường.

2.6. Khuyến nghị chất lượng phục vụ

đôi lúc không được thoải mái với sinh viên

Thường xuyên cải thiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

Cập nhật cổng thông tin nhanh hơn

Bản thân em đa số đều có trải nghiệm khá tốt với các thày cô. Các thày cô đều nhiệt tình, hỗ trợ sinh viên rất tốt. Nhưng em cũng thấy khá nhiều bạn ý kiến đôi khi mang đên lên khoa hay phòng đào tạo thì một số thày cô khá khó khăn, thái độ nóng giận.

2.7. Khuyến nghị chung về CTĐT

- Mời thêm nhiều người đang trực tiếp làm nghề đến chia sẻ với sinh viên, nhất là các môn liên quan đến Truyền thông Xã hội. Các giảng viên hầu như đang áp dụng chương trình đã khá lâu, hầu như không còn được áp dụng trong các công ty truyền thông ở thời đại này.
- Tổ chức nhiều chương trình trao đổi và giao lưu với các trường ĐH nước ngoài
- Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá liên quan đến chuyên môn, lĩnh vực nghề nghiệp giảng dạy

1. Tăng cường tương tác giữa giảng viên và sinh viên về phản biển, trao đổi ý kiến bình đẳng
2. Cập nhập xu hướng đào tạo (cụ thể là các xu hướng báo chí mới) cần nhiều hơn nữa
3. Trang bị kỹ năng làm nghề càng chi tiết càng tốt

Bổ sung tiết học lý thuyết và hướng dẫn thực hành về các phần mềm để sinh viên có khả năng có khả năng thực hiện tác phẩm báo chí đa phương tiện tốt hơn.

- cần cho sinh viên được thực hành nhiều hơn
- đào tạo ít nhưng chất lượng thay vì 1 lớp học quá đông gần 100 sinh viên
- khoá luận, tác phẩm cuối môn nên nộp bằng hình thức online vừa tiết kiệm chi phí, thời gian, bảo vệ môi trường, tránh lãng phí.

Tăng tiết thực hành
Cập nhật nhiều môn học phù hợp với xu hướng báo chí hiện nay

trong quá trình học sinh viên mong muốn được giảng viên chữa phần bài tập chi tiết hơn, các bài tập cuối môn hiện tại mới dừng lại ở việc biết được điểm số, nếu như có thể có được phân tích cụ thể bản thân em cho rằng sẽ nhận thấy nhiều điều mình cần thay đổi hơn; một số môn học vẫn đang khá nặng về phần lý thuyết; giờ học của một buổi học hiện đang hơi dài nên nếu học liên tục sinh viên dễ bị nản ngay trong ca học đó.

1. Nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên. 2. Giảng viên cần có những bài tập vag yêu cầu phù hợp với sinh viên. 3. Lịch thi, phòng thi, sbd cần thông báo sớm trước 2 tuần cho sinh viên

1: nên đưa thêm các ứng dụng công nghệ vào giảng dạy
2: những giờ học lý thuyết cần cải thiện
3: ngoại ngữ cần được đầu tư hơn

Cần có nhiều hoạt động thực tế hơn nữa
Các môn học cần liên kết với nhau hơn
Giảng viên cần theo sát sinh viên hơn

- Cải thiện thứ tự học các bộ môn
- Nên đẩy mạnh đào tạo kỹ năng làm kỹ thuật nhiều hơn
- Cho sinh viên đi thực tế nhiều hơn

- Một số môn nên bổ sung giáo trình để sinh viên nắm kiến thức cơ bản
- Tăng giờ thực hành để sinh viên thâm nhập thực tế nhiều hơn
- Tổ chức nhiều hơn những buổi gặp gỡ giữa sinh viên với những nhà báo, nhất làm truyền thông, truyền hình nổi tiếng, nhiều kinh nghiệm để sinh viên học hỏi

Em đề nghị giữ nguyên việc chia chuyên ngành ngay từ đầu với điểm thi đại học, bởi xét điểm 2 năm học để chia chuyên ngành rất vô lí, em bị nằm viện và xin hoãn thi nhưng vẫn xét điểm các môn hoãn thi của em làm em không đc học chuyên ngành em mong muốn mặc dù điểm học tập các môn còn lại của em khá cao, còn có lúc được học bổng!

Đổi mới một số phương pháp giảng dạy
Cải thiện cơ sở vật chất kỹ thuật
Thay đổi phương thức thi

Tăng thời gian thực tập-giảm bớt số lượng môn lý luận-Thực hành nhiều hơn

Áp dụng đi thực tế nhiều hơn, kiến thức chuyên nghành cần được phân tích kỹ và cơ sở vật chất cần được cải thiện

Có thể đổi các môn lý thuyết thành trắc nhiệm thay vì thi tự luận.

Mong trường đổi thi B2 cho khối nghiệp vụ thành B1

Lịch thi, điểm thi được cập nhật kịp thời
Tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động câu lạc bộ liên quan đến ngành học dành cho sinh viên
Có nhiều môn học liên quan đến chuyên ngành hơn, ví dụ chuyên ngành báo in nên có nhiều môn học liên quan hơn

Đi thực tế nhiều hơn

Giảng viên quan tâm sinh viên hơn
Cung cấp nhiều kiến thức thực tiễn để vận dụng
Sinh viên cần tự học, nghiên cứu nhiều hơn

1. Gia tăng các tiết thực hành, làm việc với phần mềm thiết kế đồ họa
2. Nên bổ sung tiếng Anh chuyên ngành

Cần tăng cường việc thực hành nhiều hơn nữa, giảm bớt số giờ lý thuyết. Cần giúp sinh viên nắm rõ thực tiễn nhiều hơn

Đầu tiên em thấy việc cần phải chú trọng đến các trang thiết bị phục vụ môn học như mic, máy chiếu,... để phục vụ tốt nhất cho môn học. Thứ 2 về vấn đề nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho sinh viên bằng nhiều cách khác nhau để tất cả các sinh viên đồng đều về kỹ năng chuyên ngành của mình.

- Nâng cao chất lượng giảng viên
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học
- Tăng cường kiến thức chuyên ngành

Nên dạy môn dựng và dẫn chương trình truyền hình sớm hơn

Nâng cao giảng dạy tiếng anh cho người mới bắt đầu.

Nên liên hệ thêm nhiều cơ hội việc làm và phổ cập rộng đến sinh viên, mời thêm nhiều nhà báo đến các buổi học để chia sẻ kinh nghiệm cho sinh viên, tăng cường các buổi chữa bài cho sinh viên

nâng cao giáo dục nghiệp vụ cho sinh viên nhiều hơn, giảng viên cần hỗ trợ sinh viên trong các tiết thực hành, phủ sóng wifi rộng toàn trường

Tạo cơ hội làm báo cho sinh viên, giảng viên gần gũi với sinh viên hơn, tăng cường các lớp học thực hành

1. Tăng nhiều thời gian thực hành
2. Mời nhà báo ở toà soạn để trao đổi với sinh viên
3. Dành thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu

Tăng giờ thực hành- tăng độ khó đề thi - tăng mức học bổng

phương pháp giảng dạy của giảng viên

Nên gia tăng hàm lượng lý thuyết vĩ mô, có tính nghiên cứu và quản lý báo chí; Nên đẩy mạnh công tác hỗ trợ của các phòng ban liên quan; Nến hoàn thiện và đẩy mạnh hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Mở thêm phòng xem phim, thêm thời gian kiến tập và thực tập ạ.

môn chuyên ngành nên học ngay từ năm 2, nên sắp xếp các môn chuyên ngành theo thứ tự hợp lý(ví dụ: môn dựng phim nên học ngay từ đầu để có kỹ năng trong các môn khác như TP báo Truyền hình,...)

1. Thầy cô nên tạo ra nhiều những giờ thực hành để sinh viên có thể áp dụng cũng như nắm bắt được những kiến thức trên lớp một cách triệt để nhất
2. Tạo ra thêm những cuộc nói chuyện, tọa đàm về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên
3. Kiến nghị giảm bớt những môn học đại cương, có ít những tác động ảnh hưởng đến kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên và tăng những môn cơ sở ngành, chuyên ngành chuyên sâu để sinh viên có thêm kiến thức nền thật tốt

1. Nên cải thiện, đa dạng các hình thức thông báo để đảm bảo sự tương tác giữa sinh viên và nhà trường
2. Linh hoạt trong hình thức giảng dạy (online, offline); vừa học lý thuyết vừa thực hành trong cùng 1 buổi học để sinh viên tiếp thu hiệu quả hơn.
3. Nên tạo các kỳ kiểm tra, đánh giá cho các sinh viên để có thể chuyển đổi chuyên ngành sau khi học hết năm 1.

- Yêu cầu tiếng anh chuẩn đầu ra cần giảm điểm hơn.
- Cải thiện loa nghe khi đi thi tiếng anh
- Mic 1 số phòng học đôi lúc còn bị trục trặc

Tăng thêm các kĩ năng chuyên ngành, ứng dụng thêm các kĩ năng thực tế

Giảm các môn lí luận, tăng thực hành các môn chuyên ngành

Lồng ghép nhiều hơn nữa giữa lý thuyết và thực hành
Trang bị đầy đủ trang thiết bị kỹ thuật, phần mềm đáp ứng việc học

1. Sinh viên có thể được thực hành nhiều hơn ở trong các phòng thực hành của học viện.
2. Bỏ bớt hoặc thay thế một số môn đại cương
3. Thời gian thực tập dành cho sinh viên dài hơn so với hiện tại (khoảng 3 tháng).Thời gian nên để ở kỳ 2 năm cuối, để sau khi sinh viên kết thúc kì thực tập có thể được làm việc ngay tại chính tòa soạn báo đó.

Cần giảng dạy hiệu quả hơn

- TB Kỹ thuật cần đầy đủ hơn
- Cần đưa thêm các phần thực hành
- Thêm các tương tác sáng tạo hơn từ bài học

Đề xuất chương trình đào tạo có những buổi thực tế ngay từ năm 1, năm 2 để sinh viên được tiếp xúc với môi trường tòa soạn báo chí sớm hơn, có thêm các mối quan hệ và cơ hội việc làm theo đúng chuyên ngành thay vì loay hoay làm các công việc khác không hỗ trợ cho việc học tập

Cần cho sinh viên phản biện nhiều hơn nữa ạ

Thông báo kịp thời, cải thiện trang thiết bị đặc biệt là lớp phát thanh, Sáng tạo hơn

1-nhà trường bán giáo trình vì giáo trình hơi khó tìm mua; 2-một số môn học kiến thức nhiều nên kéo dài số tín (thời lượng môn học); 3-môn đại cương nên đi vào thực tiễn hơn

Em nghĩ là thầy cô nên nhận xét rõ hơn để sinh viên nắm đc yếu điểm. Đồng thời tăng thêm tiết lý thuyết để bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về các vấn đề.

Số buổi học trên studio nên nhiều hơn số buổi học ly thuyết trên lớp

- Mời thêm khách mời hoặc các Phát thanh viên đến chia sẻ
- Tăng tần suất đi thực tế

Nếu đổi chương trình đào tạo, cần in hoặc thông báo đến các sinh viên. K36 tụi em khá chật vật ban đầu vì không biết chương trình đào tạo, những môn cụ thể cho khóa mình. Các môn trên cổng thông tin thời đó không đúng với các môn học trong thực tế.

Giảm lí thuyết hơn- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu dưới sự chỉ dẫn của giảng viên- Cho sinh viên đi thực tế ở các cơ quan báo chí.

Giảm môn đại cương và thay thế bằng môn chuyên ngành mới.
Phân chuyên ngành sớm từ cuối năm nhất, đào tạo sớm chuyên ngành, giảm sự khập khiễng trong chuyên môn giữa người tham gia những câu lạc bộ chuyên môn và người không tham gia.
Tạo điều kiện giới thiệu sinh viên năng động trong những sự kiện báo chí lớn để nâng cao tính cạnh tranh với sinh viên chuyên ngành các trường khác.

Tăng cường tính thực hành trong các bài giảng; Chú trọng đánh giá toàn diện năng lực của sinh viên; Tăng sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên

Cho sinh viên thực hành nhiều hơn.
Giảng dạy kiến thức thực hành hơn khi học chuyên môn
Đi thực tế tập thể nhiều hơn để nâng cao kỹ năng thực hành.

- gv cần sát xao hơn với sv trong quá trình thực tập
- tăng cường giao lưu với các phóng viên nhà báo

1. Thay đổi cách kiểm tra đối với sinh viên bằng nhiều hình thức đa dạng hơn.
2. Áo dụng các yếu tố khoa học kỹ thuật nhiều hơn trong quá trình dạy và học.
3. Nâng cao chuẩn đầu ra.

Giảm giờ học lý thuyết, tăng cường thời gian đi kiến tập, thực tập

- Có nhiều thêm những chuyến thực tế.
- Các bài tập về chuyên ngành được nhiều hơn.
- Hỗ trợ tối đa SV tối đa trong công tác liên hệ nhân vật, thực hiện 1 số chương trình.

- Các môn lý luận cần có nhiều hình thức dạy học mới giúp sinh viên hứng thú hơn
- Các thông báo về phòng thi, ngày giờ thi cần được cập nhật sớm để sinh viên không bị lỡ thi
- Em khá hài lòng nên chỉ có 2 ý vậy thôi ạ :))
Cảm ơn AJC ❤□

- Nội dung cần đa dạng hơn
- Đánh giá năng lực cá nhân sát sao hơn
- Bài tập thực tế hơn

- Cần giảm bớt lý thuyết và đưa thực hành vào nhiều hơn
- Nếu sinh viên chủ động học và làm được thì nên tăng cường việc cho nghỉ buổi trên lớp để thay vào đó làm bài tập, làm càng nhiều càng tốt. Rồi chọn ra những bài cao điểm nhất để lấy vào hệ thống điểm
- Giáo trình nên cập nhật thêm các xu hướng kỹ thuật, công nghệ mới

1. Thực hiện các buổi thực hành nhiều hơn
2. Dạy nhiều thêm các kĩ năng cần thiết
3. Dạy tiếng anh chuyên ngành

Nên đưa các chương trình môn học chuyên khoa sớm hơn
Hạn chế các môn học đại cương
Thêm nhiều môn học chuyên ngành, học chuyên sâu hơn

Cho sinh viên tiếp cận cơ hội việc làm sớm hơn/ Đánh giá điểm rèn luyện công bằng hơn và không giới hạn khen thưởng đầu năm ở mỗi lớp/ Nâng cao chất lượng giảng viên

Cải thiện chất lượng trang thiết bị, thực hành nhiều hơn

Tăng giờ thực hành, tăng lượng bài tập, tổ chức nhiều buổi hội chợ việc làm hơn

- giảm tải các môn học đại cương
- tăng thêm nhiều chương trình đạo tạo
- tăng số buổi lý thuyết

Sắp xếp các buổi học nhiều hơn, thực hành nhiều hơn.

Thực hành nhiều hơn, đưa ra nhiều case study phù hợp, mời diễn giả/ người có chuyên môn trong lĩnh vực đến chia sẻ với sinh viên

- Sắp xếp hợp lý và logic hơn lịch học và các môn học để đảm bảo sự liên kết
- Đề nghị học viện và các giảng viên kiểm tra kỹ chất lượng giảng viên mời trước khi lên lớp.

Sắp xếp các học phần học hợp lý hơn
Cần công khai học phí đã nộp hoặc chưa nội trên cổng thông tin cá nhân

Nhiều hoạt động thực hành hơn (dạy các phần mềm cơ bản), công cụ thi cử tốt hơn (loa TA chưa tốt),

Năm nay sinh viên K36 gặp khá nhiều khó khăn do dịch bệnh, hy vọng việc thi chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học nhà trường có biện pháp linh động giúp sinh viên ra trường đúng hạn ạ.

1. Tăng cường các bài tập thực hành cho sinh viên
2. Cải tiến phương thức giảng dạy
3. Trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại vào giảng dạy

Trang thiết bị âm thanh cần đc đổi tốt hơn phục vụ cho việc dạy và học

Linh hoạt hơn
Thực hành nhiều hơn
trải nghiệm thực tế nhiều hơn

Học thực hành nhiều hơn
Bỏ qua những môn lý luận không cần thiết
Giảm bớt số lượng sv 1 lớp

giảng viên.chất lượng giảng dạy, kiến thức

Đẩy mạnh các môn học chuyên ngành. Giảm tải một số môn học đại cương. Các câu lạc bộ chuyên môn cần ưu tiên định hướng và tạo điều kiện cho sinh viên chuyên ngành tham gia.

- Có các khung tiêu chí để đánh giá điểm số sinh viên trong thi cử đối với các môn thi lý thuyết
- Cải tạo chất lượng cơ sở vật chất hệ thống trang thiết bị trong phòng học
- Có thêm các hình thức phổ biến thông tin, thông báo đến sinh viên rộng rãi hơn

Tăng cường thực hành, các thày cô nên sát sao hơn, đánh giá khách quan hơn

Thực tế nhiều hơn, rèn luyện kĩ năng mền cho sinh viên, được học với khách mời

- cho học sinh tiếp cận nhiều máy móc kĩ thuật hiện đại hơn
- gặp gỡ nhiều nhân vật, tiếp thu kĩ năng kiến thức
- thực tế nhiều hơn

Cải thiện cơ sở vật chất, sắp xếp trình tự môn học hợp lí

Đã quá tốt ạ

- Sắp xếp lại các môn học theo trình tự học hợp lý với từng năm học

Nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ, tin học. Lựa chọn chuyên ngành từ năm nhất. Tăng thời lượng thực hành các môn học

Nên có nhiều ví dụ thực tế hơn trong buổi học

cải tiến lại máy chiếu vì nhiều phòng học khó mở và chất lượng thấp
Hệ thống loa, míc

Các môn học chuyên ngành nên được học sớm hơn
Phát triển theo hướng kĩ thuật nhiều hơn
Giới thiệu, gợi ý việc làm cho sinh viên khi kết thúc chương trình đào tạo

Được thực hành nhiều

Liên kết nhiều cơ hội làm việc, nâng cấp các trang thiết bị học tập

- Các học phần nên có sự sắp xếp hợp lí hơn. (Nên học "Dựng phim truyền hình" ngay từ năm 3)
- Đối với những môn học như "Dẫn CTTH", " Tổ chức sản xuất",... nên học tập tại Studio nhiều hơn
- Nên có các buổi đi tham quan tại đài truyền hình để quan sát và học tập quá trình sản xuất trực tiếp.
- Nên mời những khách mời là các nhà báo giỏi, các BTV, PTV tại các cơ quan báo chí uy tín về chia sẻ và trao đổi.

- Cần đào tạo lý thuyết chuyên sâu hơn nữa
- Giảng viên nên theo sát sinh viên trong quá trình thực hành
- Nâng cấp hệ thống trang thiết bị trong quá trình học chuyên ngành báo mạng điện tử

Bỏ bớt những môn học gần giống nhau trong chuyên ngành, tập trung khai thác những môn học sát với thực tiễn
Các giờ lý thuyết chưa thực sự bổ ích ở các môn thực hành

Cải thiện trang thiết bị dạy học; giáo viên cần cho sinh viên nhiều thời gian làm bài tập thực hành hơn

1. Cải thiện bộ wifi trường tốt hơn
2. Những môn về kỹ năng nghề nghiệp nên được đẩy lên, những môn đa phương tiện đẩy về sau để trước khi sinh viên đi kiếm tập và thực tập để sinh viên có những kiến thức nền tảng tốt hơn
3. Bắt đầu từ khóa 36, môn Thực tế chính trị - xã hội là môn vô cùng thú vị và giúp sinh viên trải nghiệm được sát nhất với chuyên ngành mình theo học. Bởi vì hy vọng chương trình đào tạo sẽ tiếp tục phát huy về môn này để giúp sinh viên có những trải nghiệm nghề tốt nhất.

1. Một số môn cơ sở ngành nên được gộp lại thành một môn lớn để có sự toàn diện hơn trong môn học.
2. Khóa luận tốt nghiệp của chuyên ngành Ảnh Báo chí nên được thực hiện/sáng tạo tác phẩm ảnh thay vì làm khóa luận.
3. Cần đề cao và khích lệ những sinh viên có sự sáng tạo và phản biện, thay vì chấm điểm chỉ dựa trên việc học thuộc hay đi học đầy đủ, đúng giờ.

1. Đẩy mạnh các môn học chuyên môn
2. Cần đưa ra thông báo rõ ràng hơn trong việc đăng kí tín chỉ, các chương trình của lớp và nhà trường
3. Cần hỗ trợ và đổi mới tốt hơn các cơ sở vật chất như studio, sân tập kí túc xá,...

Sắp xếp trình tự các môn học logic hơn. ~~Ví dụ: nên học~~ sử dụng các phần mềm, ảnh báo chí,... trước các môn thực hành nghiệp vụ. Cần được trải nghiệm thực tế nghề nghiệp nhiều hơn.

lắp đặt dàn máy tính hiện đại và ổn định hơn.

Trình tự sắp xếp các môn học cần logic hơn, cần tăng số tiết thực hành trong các môn học, kiến thức trong các môn học đại cương cần cô đọng và dễ hiểu hơn.

1. Có những buổi học thực tế nhiều hơn (vừa áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế và học hỏi)
2. Trang bị hệ thống wifi trong khuôn viên trường
3. Tổ chức cuộc thi, buổi giao lưu giữa các trường bạn với nhau để phát triển kĩ năng chuyên ngành, sáng tạo, giao tiếp.

Nhiều chuyến đi thực tế hơn - đi sâu hơn nữa các nội dung về chuyên ngành -

1. Trường nên cho sinh viên có thêm nhiều cơ hội tác nghiệp thực tiễn
2. Nên đào tạo nhiều hơn về kiến thức chuyên ngành
3. Mong muốn nhà trường có thêm nhiều giảng viên khách mời, những nhà báo phóng viên có nhiều kinh nghiệm để SV được học tập trao đổi tốt hơn

Em khá hài lòng với chương trình đào tạo của học viện và cũng cảm thấy đúng đắn khi chọn môi trường học tập tại đây suốt 4 năm Đại học!

- Giảm bớt môn lý luận, tăng cường các môn nghiệp vụ.
- Cho sinh viên đi thực tế chính trị- xã hội nhiều hơn
- Hướng dẫn sinh viên thực hành nhiều hơn, bám sát với nhu cầu thực tế của xã hội

- trang bị thêm trang thiết bị để phục vị giảng dạy đặc biệt là hệ thống âm thanh
-thêm nhiều hoạt động thực tế
- không chia lớp

- Nên có wifi.
- Nên được thực hành nhiều hơn.
- Có thể kết hợp với học Online

Các bài giảng nên kết hợp chữa bài cho sinh viên nhiều hơn
Có nhiều bài tập thực hành kỹ năng nghiệp vụ cần được hướng dẫn chi tiết hơn

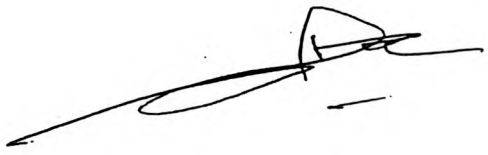
Sắp xếp các môn học theo các kì để phù hợp với khả năng tiếp nhận và thực hành của SV
Tăng các buổi hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế cho sinh viên các lớp
Khuyến khích SV tham gia nghiên cứu khoa học và tham gia các cuộc thi liên quan đến lĩnh vực/ngành nghề đang theo học

1. Cần thêm nhiều cơ hội để sinh viên được thực hành thực tiễn
2. Bài giảng cần đi sâu vào vấn đề , không rườm rà
3. Trang bị thêm những trang thiết bị kỹ thuật phù hợp đáp ứng nhu cầu học tập và thực hành của sinh viên

Nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, đề xuất môn học thực tế, bớt lý thuyết

1. Môi trường học trẻ trung hơn nữa
2. Thực hành tốt hơn
3. Gần gũi sinh viên hơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Biên dịch Tiếng Anh
Số lượng sinh viên phản hồi: 19

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.0	0.0	0.0	21.1	57.9	21.1	78.9
2. Kiến thức chuyên ngành	4.3	0.0	0.0	5.3	63.2	31.6	94.7
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	3.9	0.0	0.0	31.6	47.4	21.1	68.4
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.1	0.0	0.0	15.8	63.2	21.1	84.2
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.1	0.0	5.3	10.5	52.6	31.6	84.2
6. Kỹ năng ngoại ngữ	4.1	0.0	5.3	5.3	63.2	26.3	89.5
7. Kỹ năng tin học	3.8	0.0	5.3	26.3	52.6	15.8	68.4
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.0	0.0	5.3	21.1	42.1	31.6	73.7
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.8	0.0	5.3	26.3	47.4	21.1	68.4
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	3.8	0.0	10.5	15.8	57.9	15.8	73.7
11. Kỹ năng giao tiếp	3.9	0.0	5.3	21.1	47.4	26.3	73.7
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.8	0.0	10.5	21.1	47.4	21.1	68.4
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.2	0.0	0.0	21.1	42.1	36.8	78.9
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.5	0.0	0.0	10.5	31.6	57.9	89.5
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.4	0.0	0.0	5.3	52.6	42.1	94.7
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.1	0.0	5.3	10.5	52.6	31.6	84.2
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.2	0.0	5.3	10.5	42.1	42.1	84.2
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	15.8	36.8	47.4	84.2
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.2	0.0	0.0	15.8	47.4	36.8	84.2
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	4.0	0.0	5.3	15.8	52.6	26.3	78.9
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.3	0.0	0.0	21.1	31.6	47.4	78.9
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%

1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	10.5	47.4	42.1	89.5
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.1	0.0	15.8	0.0	47.4	36.8	84.2
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.1	0.0	5.3	15.8	42.1	36.8	78.9
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.3	0.0	0.0	5.3	63.2	31.6	94.7
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.3	0.0	0.0	10.5	52.6	36.8	89.5
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.5	0.0	0.0	5.3	42.1	52.6	94.7
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.3	0.0	0.0	15.8	42.1	42.1	84.2
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.2	0.0	0.0	21.1	42.1	36.8	78.9
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.4	0.0	0.0	10.5	42.1	47.4	89.5
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.5	0.0	0.0	0.0	52.6	47.4	100.0
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.2	0.0	0.0	10.5	57.9	31.6	89.5
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.1	5.3	0.0	10.5	52.6	31.6	84.2
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.5	0.0	0.0	10.5	31.6	57.9	89.5
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.6	0.0	0.0	5.3	26.3	68.4	94.7
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.4	0.0	0.0	10.5	42.1	47.4	89.5
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.6	0.0	0.0	0.0	36.8	63.2	100.0
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.6	0.0	0.0	0.0	42.1	57.9	100.0
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.2	0.0	5.3	15.8	36.8	42.1	78.9
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	3.9	0.0	5.3	26.3	42.1	26.3	68.4
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.2	0.0	0.0	10.5	57.9	31.6	89.5

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.2	0.0	0.0	21.1	36.8	42.1	78.9
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.3	0.0	0.0	5.3	57.9	36.8	94.7
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.5	0.0	0.0	0.0	47.4	52.6	100.0
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.3	0.0	0.0	15.8	42.1	42.1	84.2
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.3	0.0	0.0	10.5	52.6	36.8	89.5
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.0	0.0	0.0	31.6	36.8	31.6	68.4
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.2	0.0	0.0	21.1	36.8	42.1	78.9
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.1	0.0	0.0	21.1	47.4	31.6	78.9
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	3.8	0.0	5.3	31.6	36.8	26.3	63.2
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	3.9	5.3	0.0	21.1	42.1	31.6	73.7
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.1	5.3	0.0	5.3	57.9	31.6	89.5
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.0	5.3	0.0	21.1	36.8	36.8	73.7
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.1	5.3	0.0	15.8	42.1	36.8	78.9
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.3	0.0	0.0	10.5	52.6	36.8	89.5
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	3.9	5.3	5.3	15.8	42.1	31.6	73.7
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	3.9	0.0	6.3	25.0	43.8	25.0	68.8
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.2	0.0	0.0	10.5	63.2	26.3	89.5

10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.0	0.0	0.0	21.1	57.9	21.1	78.9
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.0	0.0	0.0	21.1	57.9	21.1	78.9
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.0	0.0	0.0	31.6	36.8	31.6	68.4
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.0	0.0	5.3	15.8	52.6	26.3	78.9
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	5.3	5.3	63.2	26.3	89.5
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	3.9	0.0	5.3	21.1	52.6	21.1	73.7
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	0.0	5.3	15.8	52.6	26.3	78.9
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.1	0.0	0.0	21.1	47.4	31.6	78.9
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	0.0	0.0	15.8	52.6	31.6	84.2
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	3.9	0.0	5.3	26.3	42.1	26.3	68.4
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	5.3	10.5	52.6	31.6	84.2
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.0	0.0	5.3	21.1	42.1	31.6	73.7
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	5.3	10.5	52.6	31.6	84.2
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.3	0.0	0.0	5.3	63.2	31.6	94.7

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

hiệu quả, chuyên sâu, linh hoạt

- Giảng viên hỗ trợ sinh viên nhiệt tình
- Tài liệu học tập thú vị, bổ ích
- Phân bổ lịch học, lịch thi hợp lý

- Thiết thực. phù hợp với xu thế hội nhập của đất nước
- Đa dạng cơ hội ngành nghề khi nắm được cơ bản kiến thức ngành
- Linh hoạt trong chuyển đổi công việc, học hỏi thêm kỹ năng mới

Giúp ích cho công việc sau này; sát thực tế; hiệu quả

tốt

Kiến thức đầy đủ, chi tiết, đáng tin cậy
Có nhiều hoạt động thú vị để sinh viên phát huy sở trường
Giảng viên có trình chuyên môn tương đối vững vàng

tập trung chuyên môn; giảng viên chuyên nghiệp; môi trường học tập năng động, sáng tạo

1. Sinh viên được kiến tập, thực tập tại đúng môi trường nghề nghiệp được đào tạo trong chương trình, được thầy cô hướng dẫn kĩ càng.
2. Chương trình đào tạo khá sát với định hướng nghề nghiệp.
3. Giảng viên mời có kiến thức chuyên môn, có thể trực tiếp cung cấp những kinh nghiệm và vấn đề thực tế về công việc cho sinh viên

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Với tư cách sinh viên học khoa Ngôn ngữ, em mong về phần dạy ngoại ngữ trường tạo điều kiện tốt hơn về các tài liệu tham khảo trên thư viện bằng tiếng Anh, bản thân em thấy việc tìm tài liệu ngoại ngữ ở trường còn nhiều hạn chế ạ

Em nghĩ học viện nên sắp xếp các môn đại cương, môn chung vào năm 2 và năm 3 ạ. Vì lớp em phải học một môn chung vào năm 4 cộng với môn chuyên ngành với khối lượng kiến thức nhiều nên rất khó cho chúng em ạ.

1. Chương trình học nên được giới thiệu chi tiết với sinh viên từ khi mới vào trường để sinh viên nắm rõ được tiến độ học tập.
2. Nên có nhiều môn học tự chọn cho sinh viên lựa chọn khi học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp
3. Nên xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo điện tử của từng khoa để sinh viên thuận tiện trong học tập và nghiên cứu

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Em mong trường bổ sung thêm tài liệu ngoại ngữ ạ

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

Em mong về công tác làm BHYT của trường được thực hiện nhanh chóng, dễ dàng hơn cho sinh viên ạ

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

- Tạo một môi trường năng động hơn để sinh viên phát huy tối đa sự sáng tạo và phát triển năng lực bên trong.
- Tạo thêm nhiều cơ hội tiếp cận thực tiễn hơn để nâng cao hứng thú học tập cho sinh viên.
- Giáo dục kỹ năng tự học hiệu quả hơn cho sinh viên.

- Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc nhiều hơn với giảng viên ngoại ngữ bản xứ
- Bổ sung thêm tài liệu tham khảo ngoại ngữ cho sinh viên (em xin recommend trường nên liên kết với một trường đại học nước ngoài mở tài khoản thư viện trực tuyến kho thư viện của thư viện trường đó, kho tài liệu online của các trường nước ngoài rất nhiều và còn miễn phí nữa nhưng có điều chỉ người được cấp tài khoản mới vào được ạ nếu liên hệ được để sinh viên tham khảo thêm thì rất tốt, nhất là sinh viên ngoại ngữ hoạt động mảng báo chí thì rất cần tham khảo nhiều tài liệu liên quan của nước ngoài ạ)
- Cập nhật bổ sung nhiều hơn nữa kiến thực nghiệp vụ báo chí căn bản cho sinh viên khoa ngoại ngữ vì em thực sự thấy phải hiểu được văn phong và hoạt động báo chí của nước nhà thì mới có nền tảng tốt để biên dịch báo chí nước nhà sang tiếng nước ngoài và ngược lại ạ.

- Tăng cường hoạt động nhóm của sinh viên trên đầu môn học
- Tăng cường tính tự học, tự nghiên cứu của sinh viên
- Bố trí lại không gian lớp học để người học là trung tâm.

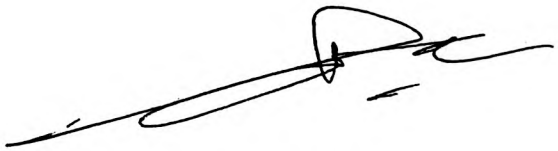
Cần công nghệ hoá hơn

Giáo viên nên đúng giờ và sáng tạo hơn trong cách dạy một số môn lý luận như triết, kinh tế chính trị, vì những môn này khá là khó nhớ.

Dành nhiều thời gian cho sinh viên thực hành hơn; đội ngũ bảo vệ (cổng chính) cần thân thiện hơn;

1. Nên có nhiều môn học tự chọn cho sinh viên lựa chọn khi đăng kí các môn tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp
2. Nên phân bổ hợp lý hơn giữa thời gian học các môn chuyên ngành và giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng
3. Việc kiểm tra đánh giá nên được bổ sung nhiều hình thức hơn.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Chủ nghĩa xã hội
Số lượng sinh viên phản hồi: 38

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	3.9	2.6	7.9	7.9	55.3	26.3	81.6
2. Kiến thức chuyên ngành	4.1	2.6	7.9	5.3	50.0	34.2	84.2
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.0	2.6	0.0	7.9	73.7	15.8	89.5
4. Kỹ năng nghề nghiệp	3.7	5.3	2.6	23.7	50.0	18.4	68.4
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	3.7	5.3	7.9	21.1	39.5	26.3	65.8
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.6	5.3	5.3	31.6	44.7	13.2	57.9
7. Kỹ năng tin học	3.7	2.6	2.6	28.9	52.6	13.2	65.8
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.1	2.6	0.0	10.5	60.5	26.3	86.8
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.9	2.6	2.6	15.8	63.2	15.8	78.9
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.0	2.6	5.3	7.9	60.5	23.7	84.2
11. Kỹ năng giao tiếp	4.2	2.6	0.0	10.5	50.0	36.8	86.8
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.9	2.6	5.3	15.8	55.3	21.1	76.3
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.2	2.6	0.0	5.3	55.3	36.8	92.1
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.0	5.3	0.0	15.8	50.0	28.9	78.9
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.8	5.3	2.6	18.4	55.3	18.4	73.7
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.9	5.3	2.6	15.8	50.0	26.3	76.3
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	3.9	5.3	2.6	18.4	42.1	31.6	73.7
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.1	5.3	0.0	7.9	55.3	31.6	86.8
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.0	5.3	0.0	15.8	47.4	31.6	78.9
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.9	5.3	5.3	10.5	47.4	31.6	78.9
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	3.9	5.3	5.3	15.8	44.7	28.9	73.7
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%

1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	3.9	5.3	5.3	21.1	34.2	34.2	68.4
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	3.9	5.3	2.6	18.4	44.7	28.9	73.7
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	3.8	5.3	2.6	21.1	50.0	21.1	71.1
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	3.8	5.3	0.0	15.8	65.8	13.2	78.9
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	3.9	5.3	5.3	13.2	50.0	26.3	76.3
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	3.8	5.3	2.6	21.1	44.7	26.3	71.1
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	3.7	7.9	2.6	15.8	55.3	18.4	73.7
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	3.8	5.3	2.6	13.2	60.5	18.4	78.9
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	3.9	5.3	2.6	18.4	47.4	26.3	73.7
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.1	5.3	0.0	2.6	68.4	23.7	92.1
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.0	5.3	0.0	10.5	60.5	23.7	84.2
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	3.7	5.3	0.0	28.9	52.6	13.2	65.8
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.1	5.3	0.0	13.2	44.7	36.8	81.6
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.2	5.3	2.6	5.3	36.8	50.0	86.8
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.2	5.3	0.0	10.5	39.5	44.7	84.2
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.0	5.3	0.0	21.1	36.8	36.8	73.7
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.0	5.3	2.6	10.5	50.0	31.6	81.6
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	3.8	5.3	5.3	18.4	47.4	23.7	71.1
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.0	5.3	0.0	13.2	52.6	28.9	81.6
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.1	5.3	2.6	5.3	52.6	34.2	86.8

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	3.9	5.3	2.6	15.8	44.7	31.6	76.3
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.1	5.3	0.0	15.8	42.1	36.8	78.9
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.2	5.3	0.0	5.3	47.4	42.1	89.5
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.1	5.3	0.0	7.9	50.0	36.8	86.8
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	3.9	5.3	0.0	18.4	50.0	26.3	76.3
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	3.9	5.3	0.0	10.5	63.2	21.1	84.2
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.0	5.3	2.6	0.0	71.1	21.1	92.1
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	3.9	5.3	2.6	15.8	52.6	23.7	76.3
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	3.9	7.9	2.6	13.2	42.1	34.2	76.3
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.0	5.3	0.0	10.5	57.9	26.3	84.2
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.1	5.3	0.0	7.9	55.3	31.6	86.8
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.1	5.3	2.6	10.5	44.7	36.8	81.6
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.0	5.3	2.6	5.3	57.9	28.9	86.8
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.2	5.3	2.6	5.3	44.7	42.1	86.8
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.0	5.3	5.3	10.5	42.1	36.8	78.9
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	3.9	5.3	2.6	15.8	52.6	23.7	76.3
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.0	5.3	5.3	13.2	36.8	39.5	76.3

10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	3.9	5.3	0.0	10.5	63.2	21.1	84.2
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	3.9	5.3	0.0	18.4	50.0	26.3	76.3
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	3.8	5.3	5.3	13.2	57.9	18.4	76.3
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	3.8	7.9	0.0	21.1	47.4	23.7	71.1
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	5.3	2.6	7.9	50.0	34.2	84.2
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	3.8	5.3	0.0	21.1	57.9	15.8	73.7
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.9	5.3	2.6	10.5	60.5	21.1	81.6
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.0	5.3	0.0	10.5	57.9	26.3	84.2
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	5.3	2.6	5.3	57.9	28.9	86.8
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	3.9	5.3	0.0	23.7	44.7	26.3	71.1
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.9	5.3	2.6	13.2	52.6	26.3	78.9
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	3.9	5.3	2.6	15.8	44.7	31.6	76.3
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	5.3	0.0	15.8	47.4	31.6	78.9
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.1	5.3	2.6	5.3	50.0	36.8	86.8

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

Kĩ lưỡng, chi tiết, khá phù hợp

Sáng tạo, hiệu quả, tính thực tế cai

Môi trường năng động, tiếp thu nhiều luồng kiến thức, thoả sức sáng tạo

Sinh viên được chủ động lựa chọn môn học vào thời gian phù hợp của bản thân
Trong quá trình học tập được đào tạo cả về lí thuyết và thực hành nghề nghiệp
Môi trường học tập thuận lợi, đầy đủ cơ sở vật chất

Bám sát vào kiến thức, môn học đa dạng, kiến thức bổ trợ tốt

Có nhiều kiến thức áp dụng được vào thực tiễn
Nội dung chương trình phong phú
Hệ thống môn học trong chương trình logic hợp lí

Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, có kiến thức chuyên môn cao. Phương pháp học tập đa dạng. E vô cùng hài lòng với khoa CNXHKH

- Nội dung kiến thức rộng, bao quát về lý luận, là nền tảng của các cơ sở lý luận khác
- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn để tuyên truyền giáo dục lý tưởng của Đảng
- Có nhiều cơ hội xin việc làm

Học được nhiều kĩ năng. GV chất lượng. Được cọ xát

Tạo nhiều nền tảng kiến thức hay có chuyên môn

Cung cấp tri thức lý luận, khả năng tư duy, nghiên cứu tài liệu

Cho em kiến thức tốt, các thầy cô rất tâm huyết, cơ sở vật chất tốt đủ để em có cơ hội tiếp thu

Các môn học liên kết chặt chẽ, dễ hiểu, rõ ràng

1/ Giúp SV nâng cao nhận thức của bản thân! Luôn tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và Nhà nước với những chính sách phát triển đất nước mọi mặt
2/ SV tự tin hơn trong giao tiếp, thuyết trình
3/ SV được trang bị đầy đủ những kiến thức về CNXHKH và thực tiễn hiện nay.

Giảng viên giỏi, môi trường hoà đồng lành mạnh, kiến thức thu được tốt

Thực tế ứng dụng cao

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Có nhiều môn học đáp ứng được nhu cầu thực hành nghề nghiệp của sinh viên

Mở thêm các buổi ngoại khoá, tham quan

Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy

Tôi đề xuất việc nhà trường nên sắp xếp một cách hợp lý hơn các môn học đại cương sẽ được đảm bảo học trước môn chuyên ngành để có thể đảm bảo đủ kiến thức phục vụ cho các moon chuyên ngành!

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Kiểm tra bằng hình thức vấn đáp

Nhiều năng lực còn bị bỏ sót

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Nhà vệ sinh cần có sự tu sửa

Đề xuất cần phải Nâng cao chất lượng wifi

Cần có wifi khu vực sân trường và lớp học để sv tiện trong tra cứu sách vở

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Dạy học có sử dụng phương pháp dạy học mới

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Hỗ trợ đầu ra cho sv

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Bài giảng cần phong phú hơn

Nâng cao trang thiết bị học tập, đội ngũ cán hộ có thêm nhiều phương pháp giảng dạy hơn.

Cần đưa thêm những môn học có tính thực hành hơn
Tăng thêm về học ngoại ngữ, tin học
Thêm ngoại ngữ về chuyên ngành

Cần đa dạng các hình thức thi, kiểm tra
Bổ sung thêm các giờ học ngoại khóa
Tăng cường những môn học thực hành

- Trong quá trình đào tạo nên:
Rút ngắn thời gian học đại cương trong 1 năm
Học lý luận chuyên ngành trong 2 năm
Còn năm cuối tập trung vào thực hành giảng dạy và thời gian thực tập kéo dài hơn để có thêm cơ hội tiếp xúc và cọ sát với công việc sau này

Sinh viên được chủ động lựa chọn môn học vào thời gian phù hợp của bản thân
Trong quá trình học tập được đào tạo cả về lí thuyết và thực hành nghề nghiệp
Môi trường học tập thuận lợi, đầy đủ cơ sở vật chất

Bám sát vào kiến thức, môn học đa dạng, kiến thức bổ trợ tốt

Có nhiều kiến thức áp dụng được vào thực tiễn
Nội dung chương trình phong phú
Hệ thống môn học trong chương trình logic hợp lí

Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, có kiến thức chuyên môn cao. Phương pháp học tập đa dạng. E vô cùng hài lòng với khoa CNXHKH

- Nội dung kiến thức rộng, bao quát về lý luận, là nền tảng của các cơ sở lý luận khác
- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn để tuyên truyền giáo dục lý tưởng của Đảng
- Có nhiều cơ hội xin việc làm

Học được nhiều kĩ năng. GV chất lượng. Được cọ xát

Tạo nhiều nền tảng kiến thức hay có chuyên môn

Cung cấp tri thức lý luận, khả năng tư duy, nghiên cứu tài liệu

Cho em kiến thức tốt, các thầy cô rất tâm huyết, cơ sở vật chất tốt đủ để em có cơ hội tiếp thu

Các môn học liên kết chặt chẽ, dễ hiểu, rõ ràng

1/ Giúp SV nâng cao nhận thức của bản thân! Luôn tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và Nhà nước với những chính sách phát triển đất nước mọi mặt
2/ SV tự tin hơn trong giao tiếp, thuyết trình
3/ SV được trang bị đầy đủ những kiến thức về CNXHKH và thực tiễn hiện nay.

Giảng viên giỏi, môi trường hoà đồng lành mạnh, kiến thức thu được tốt

Thực tế ứng dụng cao

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Có nhiều môn học đáp ứng được nhu cầu thực hành nghề nghiệp của sinh viên

Mở thêm các buổi ngoại khoá, tham quan

Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy

Tôi đề xuất việc nhà trường nên sắp xếp một cách hợp lý hơn các môn học đại cương sẽ được đảm bảo học trước môn chuyên ngành để có thể đảm bảo đủ kiến thức phục vụ cho các moon chuyên ngành!

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Kiểm tra bằng hình thức vấn đáp

Nhiều năng lực còn bị bỏ sót

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Nhà vệ sinh cần có sự tu sửa

Đề xuất cần phải Nâng cao chất lượng wifi

Cần có wifi khu vực sân trường và lớp học để sv tiện trong tra cứu sách vở

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Dạy học có sử dụng phương pháp dạy học mới

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Hỗ trợ đầu ra cho sv

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Bài giảng cần phong phú hơn

Nâng cao trang thiết bị học tập, đội ngũ cán hộ có thêm nhiều phương pháp giảng dạy hơn.

Cần đưa thêm những môn học có tính thực hành hơn
Tăng thêm về học ngoại ngữ, tin học
Thêm ngoại ngữ về chuyên ngành

Cần đa dạng các hình thức thi, kiểm tra
Bổ sung thêm các giờ học ngoại khóa
Tăng cường những môn học thực hành

- Trong quá trình đào tạo nên:
Rút ngắn thời gian học đại cương trong 1 năm
Học lý luận chuyên ngành trong 2 năm
Còn năm cuối tập trung vào thực hành giảng dạy và thời gian thực tập kéo dài hơn để có thêm cơ hội tiếp xúc và cọ sát với công việc sau này

Cần Đánh giá đúng năng lực sv hơn. Bổ sung kĩ năng mềm. Giảm số giờ học/ ngày

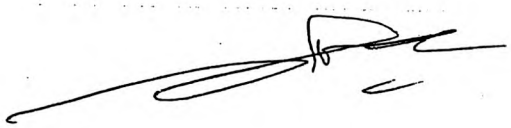
Thầy cô quá tâm huyết và thương yêu sinh viên như con, có thầy liêm, cô hậu, nên không có đề xuất gì thêm ạ

Nên rút ngắn nd chương trình, nên đi thực tế

Cần đổi mới hơn nữa phương pháp dạy tránh nhàm chán, đổi mới phương pháp làm bài cuối kì bằng cách tiểu luận đánh máy, viết tay rất bất tiện.

Trang bị nhiều thiết bị phương pháp giảng dạy hơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Chính trị học
Số lượng sinh viên phản hồi: 196

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.3	0.0	0.5	9.2	52.0	38.3	90.3
2. Kiến thức chuyên ngành	4.3	0.0	0.5	10.2	51.0	38.3	89.3
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.1	0.0	1.5	17.3	49.0	32.1	81.1
4. Kỹ năng nghề nghiệp	3.9	0.0	3.1	26.5	46.4	24.0	70.4
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.1	0.0	0.0	16.8	55.1	28.1	83.2
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.6	1.0	5.6	36.7	44.9	11.7	56.6
7. Kỹ năng tin học	3.8	1.5	2.0	29.6	50.0	16.8	66.8
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.1	1.0	0.0	16.8	53.6	28.6	82.1
9. Kỹ năng tư duy phản biện	4.0	0.5	3.1	19.9	47.4	29.1	76.5
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.0	1.0	1.5	19.9	53.6	24.0	77.6
11. Kỹ năng giao tiếp	4.2	0.0	1.0	13.8	46.9	38.3	85.2
12. Kỹ năng lãnh đạo	4.1	0.5	2.0	14.8	54.1	28.6	82.7
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.4	0.5	1.0	6.6	46.4	45.4	91.8
. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ	4.1	0.5	2.6	17.9	42.3	36.7	79.1
i lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục ẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.1	0.5	1.0	19.4	49.5	29.6	79.1
at động học tập đáp ứng được mục tiêu, của chương trình đào tạo	4.1	0.0	2.0	15.3	55.1	27.6	82.7
c môn học phù hợp với định hướng nghề nôn của SV	4.1	0.5	1.5	19.4	46.9	31.6	78.6
ong chương trình có sự gắn kết, liên	4.2	1.0	0.5	11.2	47.4	39.8	87.2
học cập nhật, phù hợp với xu ghiệp chuyên môn	4.1	0.0	1.5	19.4	46.9	32.1	79.1
hội tham gia hoạt động nghiên	3.9	0.5	5.1	21.4	45.9	27.0	73.0

8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.0	0.0	5.6	20.9	44.4	29.1	73.5
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.2	0.0	1.0	13.8	50.5	34.7	85.2
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.1	0.0	1.0	14.3	56.6	28.1	84.7
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.1	0.0	4.1	16.8	49.0	30.1	79.1
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.2	0.5	1.5	9.7	55.1	33.2	88.3
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.2	0.5	1.0	12.8	49.5	36.2	85.7
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.2	0.5	1.5	12.8	48.0	37.2	85.2
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.2	0.0	2.0	11.2	54.6	32.1	86.7
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.0	1.0	3.6	23.0	40.8	31.6	72.4
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.2	0.0	2.0	14.3	49.0	34.7	83.7
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.3	0.0	0.5	10.2	49.0	40.3	89.3
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.2	0.0	1.5	13.3	47.4	37.8	85.2
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.2	0.0	3.1	13.3	48.0	35.7	83.7
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.4	0.0	1.5	7.1	37.2	54.1	91.3
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	4.5	1.0	0.5	7.7	33.2	57.7	90.8
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.4	1.0	1.0	5.6	38.8	53.6	92.3
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.2	1.0	2.0	13.8	42.3	40.8	83.2
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.2	0.5	2.6	14.3	40.8	41.8	82.7
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.0	1.5	7.1	12.2	43.4	35.7	79.1
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.2	1.0	3.1	11.2	44.9	39.8	84.7

8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.5	0.5	0.0	6.1	38.3	55.1	93.4
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.2	1.0	1.5	11.7	44.9	40.8	85.7
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.4	0.0	0.0	7.7	41.3	51.0	92.3
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.6	0.0	0.0	4.6	35.7	59.7	95.4
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.2	0.5	0.5	11.2	50.0	37.8	87.8
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.2	0.0	1.5	14.3	50.5	33.7	84.2
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.2	0.0	1.0	13.3	48.5	37.2	85.7
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.2	0.0	1.5	15.3	45.9	37.2	83.2
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.2	0.0	1.0	14.3	48.5	36.2	84.7
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.2	0.0	2.6	14.3	46.4	36.7	83.2
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.2	0.0	3.6	9.7	50.0	36.7	86.7
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.3	0.0	0.5	8.8	51.0	39.7	90.7
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.3	0.5	2.0	9.7	41.8	45.9	87.8
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.3	0.0	1.0	8.2	46.9	43.9	90.8
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.3	0.0	1.0	11.8	45.1	42.1	87.2
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.2	0.0	1.0	14.9	45.6	38.5	84.1
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.2	0.5	2.6	12.7	41.3	42.9	84.1

9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.5	0.5	0.0	6.1	39.8	53.6	93.4
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.2	0.5	0.5	17.9	42.9	38.3	81.1
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.3	0.0	1.0	12.8	44.9	41.3	86.2
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.0	1.0	2.6	19.9	44.4	32.1	76.5
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.2	0.5	2.6	13.8	47.4	35.7	83.2
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.0	0.5	10.7	46.9	41.8	88.8
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.1	0.5	1.5	13.8	51.5	32.7	84.2
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.0	0.0	9.7	52.0	38.3	90.3
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.3	0.0	0.0	11.2	48.5	40.3	88.8
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.0	0.0	12.2	46.4	41.3	87.8
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.2	1.0	0.5	13.3	46.4	38.8	85.2
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.5	1.0	8.7	47.4	42.3	89.8
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.2	0.5	2.0	13.3	42.9	41.3	84.2
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.0	1.5	10.7	44.4	43.4	87.8
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.2	0.0	0.5	8.7	57.7	33.2	90.8

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

Sát với thực tế, đúng với chuyên ngành em đang học, có tính ứng dụng cao trong cuộc sống ạ

Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm

Sát với thực tiễn - Trau dồi khả năng nói - Làm người học tự tin hơn trong giao tiếp

- Giúp sinh viên hiểu đúng về nền chính trị nước nhà, sinh viên tư duy đúng hướng về chính trị
- Sinh viên tiếp nhận chính xác nền tảng của lĩnh vực chính trị
- Trau dồi phẩm chất chính trị, có ý thức phục vụ nhân dân

Có một số môn có kiến thức thực tiễn cao
Một số môn chuyên ngành thú vị như VHPĐ VHPT LSVMTG GLTBVII XDVIICD
Có cô Hồng dạy học, cô giảng siêu hay siêu tâm huyết siêu nhiệt tình

Giáo viên chất lượng
Giảng dạy nhiệt huyết
Cơ sở vật chất tốt

Phù hợp với định hướng nghề nghiệp, Đa dạng nội dung đào tạo, kiến thức phong phú

- Áp dụng nhiều trong thực tế
- Chuyên ngành rộng, có thể học đc sang các ngành khác
- Nội dung phong phú, k nhàm chán. Đầu ra ổn định

Phù hợp, thiết thực, khoa học

Giúp sinh viên nâng cao năng lực tư duy
Giúp sinh viên chủ động trong học tập
Giúp sinh viên có thêm kỹ năng mềm

Hệ thống môn học chất lượng
Đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp, kiến thức sâu rộng

Cung cấp đầy đủ kiến thức chuyên nghành
Thúc đẩy sinh viên phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên nghành

Giúp sinh viên tự tin hơn

Nâng cao kĩ năng giao tiếp
Nhận biết kiến thức chính trị
Giáo dục chất lượng

Đào tạo không mất học phí
Chương trình đào tạo phù hợp
Đội ngũ giảng viên của khoa tốt

Được trang bị kiến thức lý luận tốt, nhiều giảng viên chất lượng, trang bị thêm nhiều kỹ năng mềm

Rèn luyện kỹ năng viết
Rèn luyện kỹ năng nói
Rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống

khả năng giao tiếp, nền tảng chính trị tư tưởng vững vàng

Có định hướng nghề nghiệp sau học, chương trình đào tạo rõ ràng và sát với chuyên ngành

đội ngũ cán bộ, giảng viên có nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình.

Dễ hiểu - Thực tế - Hiệu quả

Thứ nhất, là có đội ngũ giảng viên nhiệt tình, giàu kinh nghiệm giảng dạy.
Thứ hai, là có nguồn tư liệu, tài liệu đa dạng phong phú phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên.
Thứ ba, là thông qua chương trình đào tạo sinh viên không chỉ được hoàn thiện về mặt kiến thức xã hội, mà còn được phát triển hơn về mặt nhân cách, tư duy, đạo đức bản thân.

- Kiến thức phong phú đa dạng
- Giảng viên tâm huyết
- Hệ thống thiết bị học tập đầy đủ

Biết nhiều kiến thức xã hội
Yêu Đảng, Yêu Nhà nước xã hội chủ nghĩa
Trở thành người công dân tốt cho xã hội

- Giúp sinh viên có tư tưởng chính trị vững vàng
- Nâng cao phẩm chất đạo đức
- Có định hướng về nền chính trị

1.Chương trình có nội dung chi tiết
2. Giúp sinh viên có tinh thần và lập trường chính trị vững vàng
3. Thêm yêu lịch sử đất nước phục vụ tốt các công việc liên quan tới nhiều lĩnh vực như chính trị, văn hóa, lịch sử...

Nâng cao khả năng lý luận
Tư duy sáng tạo
Nhận thức rõ hơn về bản thân

1. Các Thầy cô dạy tốt
2. Nhà trường quản lý sinh viên tốt
3.Những cơ sở vật chất trong việc giảng dạy-học của nhà trường khá tốt

khả năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện

Nói tốt hơn, tự tin hơn, khả năng viết được cải thiện hơn

Kỹ năng giao tiếp
Tư duy sáng tạo, phản biện
Kỹ năng làm việc nhóm

Áp dụng được 3 kĩ năng viết, nói, nghe

1. Thầy cô quan tâm sát sao, nhiệt tình hỗ trợ trong việc học tập.
2. Chương trình đào tạo phù hợp với sinh viên.
3. Kiến tập và thực tập phù hợp và chương trình đào tạo, giúp sinh viên tiếp xúc được với thực tiễn ngành học.

Nắm chắc lý thuyết.

Thứ nhất: chupwng trình đào tạo không phải cứng nhắc về hệ thống chính trị và các đảng phái như nhiều người nghĩ. Ngành chính trị phát triển đem đến cho sinh viên những kỹ năng, Cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề rất hueux ích trong cuộc sống.
Thứ hai: CTĐT học tổng hợp được nhiều môn học, nhiều kiến thức của các môn học như xã hội, kinh tế, tâm lý, tư duy logic, ... giúp cho sinh viên có cái nhìn đa chiều về thế giới quan và nhân sinh quan.
Thứ ba: ngành học tích luỹ được nhiều kỹ năng như kỹ năng lãnh đạo quản lý, kỹ năng giao tiếp ứng xử trong cuộc sống và trong cơ quan nơi làm việc. Ngoài ra ngành học còn tổng hợp được các kỹ năng mềm cho sinh viên.

Giảng viên có trình độ và tận tuy
Cung cấp đủ kiến thức lý luận chính trị cơ bản
Cơ sở vật chất của trường khá tốt

Kiến thức thực tế, áp dụng được nhiều hoàn cảnh, phù hợp với nhiều ngành nghề

Giảng viên có chuyên môn giỏi

Xây dựng hệ thống cho Gv và Sv có thể trao đổi ndung bài học, kiểm tra đánh giá online

Chương trình học phù hợp với sinh viên, giảng viên có trình độ chuyên môn và kỹ năng, môi trường phù hợp để phát triển

- Chất lượng đào tạo tốt
- Học gắn với thực tiễn
- Giảng viên quan tâm tới sinh viên

- Tự học
- Môi trường tốt
- Điều kiện học tập ổn

Kiến thức chuyên sâu, kĩ năng nghiệp vụ tốt

Thực tế, nhiều cơ hội việc làm

Đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm và kiến thức, môn học hấp dẫn, tính định hướng nghề nghiệp cao

Các môn học có sự phù hợp với thực tế, sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn

Có năng khiếu nói diễn thuyết trước đám đông

1. Lý luận sâu sắc, chặt chẽ
2. Bám sát thực tế
3. Cung cấp kĩ năng nói và kĩ năng viết hiệu quả

Nhiều kiến thức hay
Đang còn mới ở việt nam
Hiểu rõ hơn vấn đề chính trị hiện nay

- Đào tạo kiến thức về kĩ năng tuyên truyền
- Xây dựng cho sinh viên nền tảng tư tưởng vững vàng, niềm tin vào Đảng và Nhà Nước
- Rèn luyện khả năng viết lách, kĩ năng nói

Giảng viên nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo, chương trình học liên kết chặt chẽ với nhau

Phù hợp vs sinh viên, không quá khó, gắn với thực tế

1. Lượng kiến thức chuyên ngành sâu, tính logic giữa các môn học cao giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về ngành học.
2. Hoạt động tự nghiên cứu thúc đẩy nhận thức và khả năng tự học, tự tổng hợp kiến thức.
3. Phương pháp học thúc đẩy tư duy phản biện của sinh viên trong từng vấn đề và từng môn học, tăng khả năng phán đoán, nhìn nhận các vấn đề xã hội.

Tư duy về lý luận tốt, có chính sách cho sv rõ ràng, vận dụng tốt

Cung cấp đầy đủ kiến thức nền và kiến thức chuyên ngành, tạo đc kĩ năng giao tiếp ứng xử,tư duy sáng tạo

- giúp SV học cách tư duy, giải quyết vấn đề
- nâng cao khả năng nói, thuyết trình
- tạo thói quen đọc báo, xem thời sự các vấn đề xã hội và đặc biệt liên quan tới chính trị

1. Kiến thức nền tảng tốt
2. Có cơ hội phát triển
3. Giảng viên chất lượng

- Chương trình có sẵn không khó khăn trong việc đăng kí tín chỉ

Kiến thức chuẩn đúng với ngành học. Chương trình đào tào hợp lý khá phù hợp. Tạo nhiều điều kiện cho sinh viên được học tập và rèn luyện trong môi trường tốt nhất.

- đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao
- chương trình đào tạo phù hợp
- cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đầy đủ

- Định hướng nghề nghiệp cụ thể
- Bồi dưỡng nhận thức tốt về mặt lý luận và thực tiễn

Dễ hiểu, cơ sở vật chất ổn, tương tác tốt

1. Theo đúng xu thế thời đại
2. Cung cấp kiến thức nền tảng và chuyên sâu
3. Trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên

Cung cấp những kiến thức nền về chính trị xã hội, rèn luyện kĩ năng lý luận

- Giúp sinh viên có khả năng giao tiếp tốt
- Kỹ năng thuyết trình và xử lý tình huống tốt
- Mở rộng mối quan hệ có tiếp cận với nhiều người giỏi

ngoài chuyên ngành học sinh viên được học thêm một số môn của ngành khác giúp cải thiện hiểu biết
chất lượng giảng dạy của giảng viên tốt, có nhiều giảng viên dạy giỏi nên sinh viên tiếp thu được nhiều kĩ năng
quá trình kiến, thực tập sinh viên được tự do lựa chọn địa điểm nên không có sự gì bó trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi ra trường

Giảng viên có đủ trình độ chuyên môn, có đủ trang bị dạy - học

Đưa được ra những kiến thức chuyên ngành để sinh viên có thể áp dụng, bài học thực tiễn, lời khuyên hiệu quả của các thầy cô giáo

Thú vị, Thiết thực, đi đúng trọng tâm chuyên ngành

Thân thiện, chân thực, trình độ cao

Được đào tạo bài bản, chương trình học áp dụng được vào thực tiễn

Có truyền thống lâu đời, có sức truyền cảm lớn, giúp rèn luyện nhiều kĩ năng

Rõ ràng , sát với chuyên ngành

Sát với nội dung ngành học, đội ngũ giảng viên có chuyên môn rất tốt,

Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về lý luận chính trị, cải thiện kỹ năng giao tiếp, cải thiện kỹ năng làm việc nhóm

- Chương trình thực tế
- Cần thiết đối với bất cứ sinh viên nào không riêng gì chuyên ngành
- Giang viên có chuyên môn sâu

1. học viên được học tập các môn học đại cương và chuyên ngành phù hợp lý luận, sát thực tế
2. Được tạo điều kiện thực hành, học tập bên ngoài môi trường giảng đường
3. Được đội ngũ thầy cô giảng viên tâm huyết, truyền đạt những kiến thức sâu, nâng cao cho sinh viên

Phù hợp
Tính ứng dụng
Rèn luyện bản thân

Phù hợp
Kiến thức mở
Tính ứng dụng

Đào tạo kỹ năng nói, viết, xây dựng bài phát biểu

Phù hợp với năng lực sinh viên
Chương trình học chuyên sâu về lý luận
Có tính ứng dụng cao tới hoạt động thực tiễn

Mang tính thời sự, giúp người học có lập trường vững vàng, giúp người học có đánh giá khách quan mọi sự việc

Giao tiếp, kiến thức, kỹ năng mềm

1. Biết thêm nhiều kỹ năng: nói trước đám đông, kỹ nắng quản lý,...
2. Hiểu biết hơn về Đảng, NHà nước...
3. Biết thêm nhiều kiến thức về Chính trị

Nhiều môn học hay
Giảng viên tâm huyết, khả năng truyền đạt tốt
Tương tác tốt

Khả năng phát biểu, kiến thức xã hội, ý thức làm việc

- Giảng viên đa phần rất nhiệt tình hướng dẫn sinh viên khi gặp khó khăn trong quá trình học tập
- Có các buổi tự học trên thư viện
- Bài tập áp dụng sát với thực tế

1. trình độ chuyên môn của dội ngũ giảng viên và sự nhiệt tình, tận tâm cảu thầy cô.
2. Kiến thức khá sâu, rõ ràng, cũng cấp được cả các kiến thức thực tế về các vấn đề xã hội

Tạo nền tảng tư tưởng chính trị vững chắc
Cải thiện kỹ năng làm việc nhóm
Tự tin về bản thân hơn

chặt chẽ - hàn lâm - thời đại

thuyết trình tốt, hiểu biết về tâm lí con người, cách thức tổ chức hoạt động sự kiện

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Em nghĩ học viện nên cho các môn chuyên ngành bên khối Lý luận được trải nghiệm thực tế, thực hành nhiều hơn. Như thế chúng em sẽ hiểu rõ hơn về kiến thức từ cả xã hội chứ không chỉ trên lý thuyết ạ

Cần đan các giờ học ngoại khoá hơn

Nhiều môn học lý thuyết quá nhiều, em muốn được thực hành hoặc làm những bài tập thực tế để sinh viên có cơ hội trải nghiệm, năng động hơn

Rất mong nhà trường tăng thời lượng thực hành nhiều hơn để sinh viên có thể trải nghiệm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn tốt hơn.

Tốt

Em nghĩ rằng về chuyên ngành đào tào Chính sách công cần có tiếng anh chuyên ngành và kinh tế để đảm bảo phù hợp với đúng chuyên ngành theo chuẩn quốc tế và phù hợp với thực tiễn chuyên ngành. Bên cạnh đó cần thêm các môn chuyên ngành thay vì có nhiều môn không liên quan.

Đẩy mạnh thực hành hơn nữa

Cần cải tiến hơn chất lượng trong chương trình dạy học

Cần có thêm nhiều hoạt động thực tế hơn nữa

tôi cảm thấy hài lòng về chất lượng giảng dạy của trường

Theo e nên học thực tế nhiều hơn là lý thuyết nhiều Để cho sv có cơ hội tự lập và phát triển sáng tạo

Em cảm thấy chương trình học có sự trùng lặp nội dung học ở khá nhiều môn học.

thực hành nghề nghiệp còn ít, chương trình học chưa thực sự định hướng cho nghề nghiệp của sinh viên nên cần tăng thêm khối lượng thời gian để sinh viên tiếp xúc với ngành nghề thực tế

Cần nhiều tiết thực hành hơn

Cần có các hoạt động kết hợp thực tiễn với lý thuyết

Với tư cách một sinh viên thuộc khối Lý luận đã dành thời gian 4 năm học tập và rèn luyện tại Học viện, em xin phép có một số ý kiến như sau a:
1. Đối với chuyên ngành của bản thân là Chính trị phát triển, em cảm thấy trong quá trình học mình còn phải học quá nhiều môn đại cương mà không được học và trải nghiệm các môn học liên quan tới chuyên ngành mình. Theo em nhà trường có thể đưa các môn Đại cương cho sinh viên tự chọn và để cho sinh viên chuyên ngành bọn em được học các môn chuyên ngành nhiều hơn
Em biết việc đưa các môn đại cương thành các môn học tự chọn sẽ gây khó khăn cho Học viện trong việc tổ chức lớp học và cân đối thời gian biểu cho các thầy cô. Em có một giải pháp như sau:
- Thầy cô có thể chia sinh viên các chuyên ngành thành nhiều nhóm trong 1 học kỳ, ví dụ 5 Chuyên ngành 1 nhóm.
- Yêu cầu mỗi nhóm kỳ này phải đăng kí lựa chọn 1 trong 3 môn đại cương để học để học, ví dụ: Xã hội học đại cương, Chính trị học đại cương, Cơ sở văn hóa. Mỗi lớp 60 chỗ và yêu cầu sinh viên phải tự đăng kí.
- Cuối cùng thì các lớp vẫn sẽ đủ chỉ tiêu và bọn em vừa có thể học môn Đại cương mong muốn, đồng thời dành nhiều thời gian học các môn học khác thuộc chuyên ngành cũng như nâng cao kỹ năng.

2. Thời gian học: Theo em việc học từ 4 đến hơn 4 tiếng cho 1 buổi học sẽ không thực sự hiệu quả. Bản thân các thầy cô cũng sẽ phải làm việc quá sức và ảnh hưởng tới trạng thái cũng như sức khỏe, sinh viên sẽ cảm thấy dễ nản và có xu hướng "bỏ cuộc" trong việc tiếp thu kiến thức. Em có một giải pháp mong thầy cô tham khảo:
Tăng cường thời gian thực hành trong môn học. Việc này nên xuất phát từ việc điểm 10% không chỉ nên dành để đánh giá ý thức chuyên cần và điểm 30% dùng để làm 1 bài kiểm tra ngắn (vì đa số cuối kỳ bọn em vẫn sẽ thi viết). Các thầy cô có thể tang cường việc thuyết trình hoặc bài tập nhóm. Việc này sẽ tạo ra rất nhiều tác động tích cực đến cả giảng viên và sinh viên:
- Đối với Giảng viên:
  - Giảm thời lượng thầy cô phải giảng quá nhiều kiến thức trên lớp, ảnh hưởng tới sức khỏe và công việc của thầy cô.
  - Kiểm tra và đánh giá sinh viên một cách dễ dàng hơn để cho điểm (ví dụ bài tập nhóm/thuyết trình sẽ có thể giúp thầy cô đánh giá sinh viên chi tiết hơn)
  - Phân loại sinh viên rõ rệt giữa người có ý thức khá, trung bình, tốt hoặc những sinh viên không tham gia (thường là đánh giá sinh viên dựa trên việc có lên lớp nhưng cuối cùng lại không lắng nghe và đầu tư vào bài tập).
- Đối với sinh viên:
  - Công bằng giữa các sinh viên khi những bạn cố gắng thật sự sẽ được hưởng thành quả nỗ lực của mình.
  - Sinh viên thật sự đầu tư và chú tâm nghiên cứu cho bài tập nhóm/thuyết trình sẽ nhớ kiến thức lâu hơn, hiểu sâu vấn đề hơn (Tất nhiên thầy cô sẽ phân vân với những bạn không chăm chỉ học sẽ có điểm cao hơn thức. Nhưng cá nhân em thấy rằng, đối với những bạn lười biếng và không chú tâm học trên lớp hay làm nhóm các bạn cũng sẽ không chú tâm học. Quá trình học Đại học yêu cầu sự tự giác, em nghĩ là nếu các bạn không có ý thức cố gắng thì không ai có thể cố gắng hộ các bạn được.

3. Hình thức đào tạo tiếng Anh và thi chuẩn đầu ra: Theo em nghĩ, việc Học viện cho các sinh viên học 4 Học phần tiếng Anh trong 2 năm đầu và sau đó cho thi chuẩn đầu ra thực sự không hề có tác dụng và sẽ làm tang thêm gánh nặng cho nhà trường trong việc tổ chức thi (thầy cô giáo trong thi, có sở vật chất, thời gian...)
Về cơ bản bài thi đầu ra của Học viện sẽ không có giá trị khi ra trường và em nghĩ mục tiêu của nhà trường là muốn các bạn nâng cao khả năng tiếng Anh cũng không có hiệu quả. Dẫn chứng:
+ Các bạn lên lớp học tiếng Anh cũng chỉ coi nó như một buổi học 4 tiếng và không chú tâm học
+ không nghiêm túc thi cử vì biết chứng chỉ của Học viện không có giá trị

Vì vậy bản thân em có một số kiến nghị:
+ Nhà trường thay vì yêu cầu chuẩn đầu ra cho sinh viên là bài thi ở năm 4 thì nên yêu bắt buộc sinh viên trong trường phải nộp được chứng chỉ TOEIC hoặc IELTS. Yêu cầu điểm số có thể không quá cao nhưng em nghĩ việc yêu cầu sinh viên nộp chứng chỉ tiếng Anh được công nhận sẽ có tác dụng hơn rất nhiều.
+ Chứng chỉ TOEIC/IELTS sẽ có tác dụng thực tiễn cho sinh viên khi ra trường có thể sử dụng được luôn, thuận lợi cho công việc tương lai.
+ Nếu sinh viên năm Nhất đã biết phải nộp chứng chỉ TOEIC/IELTS thì các bạn sẽ cố gắng đi học tiếng Anh, chc dù học từ năm nhất hay năm tư thì cũng sẽ bắt buộc cố gắng phải học, đạt được mục tiêu là có khả năng sử dụng ngoại ngữ. Em nghĩ với yêu cầu cơ bản là 450 TOEIC thì dù là sinh viên chưa biết gì về tiếng Anh, trong 4 năm vẫn có thể cố gắng đạt được số điểm này.
+ Nếu nhà trường muốn tiếp tục dạy tiếng Anh thì có thể thay đổi chương trình dạy phù hợp với chương trình dạy TOEIC với mục tiêu các bạn có thể thi để đạt chứng chỉ trong tương lai.

4. Bìa thi hết học phần. Theo em đối với bài thi hết học phần vẫn còn những bất cập nhất định trong việc phân h sinh viên cũng như đánh giá đúng năng lực của sinh viên.
Hiện nay bài thi hết môn đa số vẫn là học thuộc lòng đề cương, nếu bạn nào chăm chỉ hơn có thể cung cấp ví dụ hoặc một số kiến thức bên lề. Tuy nhiên về cơ bản chỉ cần học thuộc là các bạn có thể qua môn hay thâm chí đạ được mức điểm cao trong bài thi này.
Theo em, bài thi hết môn chỉ nên chiếm 50% trong tổng điểm môn học, điều này sẽ giúp làm tăng điểm chuyên c cũng như điểm làm bài tập nhóm/thuyết trình trên lớp (như em đã trình bày ở mục 2), nâng cao khả năng thực h cũng như loại bỏ tư tưởng của sinh viên "chỉ cần học thuộc để thi cuối kỳ để qua môn, trên lớp không cần chú tâ học". Biện pháp này sẽ làm sinh viên học tập trên lớp một cách có sự đầu tư cũng như nâng cao ý thức sinh viê Tiếp theo, bài kiểm tra hết môn nên đề cao tính chất thực tiễn của môn học. Thay vì chỉ hỏi những câu hỏi lý thu để bọn em học thuộc và chép lại trên mặt giấy, em nghĩ cần đề cao việc vận dụng kiến thức đó trong các tình huống thực tế, đề cao việc sinh viên tìm hiểu thêm, tự đọc và vận dụng kết hợp với kiến thức thực tiễn. Điều này đáp ứng phần nào đáp ứng như cầu của việc học là vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, đánh giá và phân loại sinh viên rõ ràng, khuyến khích sinh viên cố gắng học tập và nâng cao kiến thức. Đồng thời cũng làm giảm gánh nặng của sinh viên trong việc học thuộc, tạo ra tấm lý "nản lòng thoái chí".
Mục tiêu xa hơn chính là nhằm góp phần xóa bỏ định kiến các môn khoa học xã hội đều khô khan, nhàm chán v chỉ nhằm mục đích học thuộc ăn điểm. Biện pháp này về lâu về dài có thể tạo ảnh hưởng tích cực đến cái nhìn c mọi người về các chuyên ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn của nhà trường.

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Nhà trường nên có nhiều cách kiểm tra đánh giá khác nhau đối với mỗi môn học để đánh giá chính xác hơn năng lực của sinh viên, đồng thời nên có các biện pháp nghiêm hơn đối với những trường hợp gian lận trong thi cử để đảm bảo tính công bằng cho các sinh viên.

Tốt

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Em thấy thư viện chưa có nhiều sách lắm ạ. Một số sách em không thể tìm thấy được ở thư viện trường mình mà nó lại có thể đóng góp nhiều kiến thức cho chúng em. Ví dụ như: Tinh hoa văn hoá Trung Quốc của tác giả Đàm Quang Thiện,... Mong học viện có thể bổ sung thêm ạ.

Chưa có nhà thể dục thể thao

Theo em cảm thấy là hài lòng với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Tốt

Học viện cần xem xét thay thế toàn bộ thiết bị loa và mic, thay thế một số máy chiếu đã cũ không đáp ứng yêu câu giảng dạy, nâng cấp phòng tin học, cho phép sinh viên được sử dụng điều hòa thay vì kiểm soát chặt chẽ dẫn đến cảnh "ngày nắng không được bật điều hòa, ngày lạnh lại bật" hay "điều hòa chỉ dùng để trang trí chứ không để sử dụng"

Cần chú ý đến các vật dụng như máy chiếu, mic, dây loa vì hay có lỗi kĩ thuật

Thư viện nên nhiều tài liệu chuyên ngành hơn

E mong muốn có thêm nhiều sách ở thư viện hơn và cải thiện wifi ở các phòng học ah

1 số quạt ở các lớp cần phải thay công tắc đi ạ vì bị hỏng rồi ạ

thay đổi các cơ sở vật chất quá cũ, không sử dụng được: máy chiếu, loa, mic, quạt...

Cơ sở vật chất đầy đủ, sạch sẽ, hiện đại

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Mong khoa tổ chức các buổi học ngoại khoá, đến nghe hội nghị báo cáo viên

Em cảm thấy hài lòng về các phương pháp dạy học tại nhà trường hiện nay.

Tốt

Áp dụng vào thực tiễn nhiều hơn

Em mong thầy cô sẽ có thêm nhiều tương tác (cho đi ngoại khoá, thực hành, ...) hơn là chỉ thuyết giảng vì như vậy sẽ mang lại tâm lý chán cho sinh viên và kiến thức sẽ không được vận dụng vào thực tiễn ạ.

Cần thực hành thực tiễn nhiều hơn

Cần có những phương pháp tăng cường khả năng phân tích của sinh viên

Cho sinh viên được thực hành nhiều hơn

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Tốt

Em nghĩ nhà trường nên hợp tác với một số nhà tuyển dụng để ngoài hướng nghiệp, dinh viên còn có thêm cơ hội việc làm đúng ngành nghề hoặc có thêm kinh nghiệm ạ.

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

Tốt

bảo vệ côn đồ, bảo vệ vô văn hóa là thứ duy nhất mà nhà trường nên thay thế

Cần phải quan tâm đến sinh viên nhiều hơn

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

có thể đi thực tế nhiều hơn, tạo những tình huống để xử lý trong bài học sát với thực tế thay vì chỉ học lý thuyết, tập trung vào thực hành nhiều hơn lý thuyết trên giấy ạ

Thực hành nhiều hơn, có nhiều buổi làm việc nhóm, thực tế nhiều hơn

Cắt giảm bớt 1 số môn học không liên quan lắm đến chuyên ngành như môn Quản lý kinh tế - Cho SV thực tập nói nhiều hơn - Giảng viên nên sát sao hơn nữa với việc thực hành nói của SV

SV không có đề xuất gì.

Cần liên kết tổ hợp môn phù hợp, năm 4 nhưng khoa tuyên truyền vẫn chưa được học môn Soạn thảo văn bản

Môn chuyên ngành nên có nhiều tín hơn hoặc có tiết thực hành nhiều hơn để bọn em có thể thực sự được trải nhiệm bản chất của môn học đó và có thể có cơ hội thử áp dụng những kiến thức mình đã học vào đời thực Một số môn có tính thực tiễn cao thay vì thi viết thì nên thi bằng dự án để sinh viên không bị lâm vào tình trạng "học cho có", cả bốn năm học lớp em mới được có hai lần thi bằng dự án, thực hành, và cả hai lần lớp em làm đều rất thành công, hiểu rõ được bản chất môn học và có cơ hội phát triển được bản thân nhiều hơn

Thêm nhiều trải nghiệm thực tế

Nâng cao hiệu quả của nghiên cứu khoa học, hệ thống hoá giáo trình, lược bỏ bớt các môn học không cần thiết

Cần lắng nghe ý kiến của sinh viên hơn
Thêm nhiều hoạt động ngoại khóa
Tăng thêm các tiết học thực tế

Chương trình học còn hơi nặng
Thời gian học còn bó buộc, kéo dài

Thực hành và thực tế nhiều hơn để sinh viên tiếp thu nhạy bén hơn so với trên sách vở

Giáo viên cần tăng hơn những buổi học ngoại khóa để trao đổi những ý kiến giữa gv và học sinh được thoải mái hơn

Chất lượng đào tạo
Kỹ thuật công nghệ

Thay đổi hình thức kiểm tra, thi cử

Mong muốn có thêm nhiều buổi học ngoại khoá: nghe hội nghị báo cáo viên cấp trung ương
Mong muốn tăng giờ học thực hành: những môn chuyên ngành

Thực hành nhiều hơn, Hình thức kiểm tra cuối môn nên có thêm nhiều hình thức khác

Thứ nhất, là tăng thời lượng thực hành nhiều hơn
Thứ hai, đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá
Thứ ba, có nhiều hơn các chương trình học bổng, hỗ trợ sinh viên sau ra trường.

Bổ sung thêm chương trình đào tạo thực tiễn
Đổi mới phương pháp giảng dạy

1. Chương trình học nên cần bổ sung cập nhật theo tình hình chính trị phát triển của đất nước hơn nữa
2. Nên có các tiết học ngoại khóa, thêm nhiều bài tập đi kèm để tăng chất lượng buổi ngoại khóa
3. Nên cho sinh viên làm bài tập cá nhân đan xen với bài tập nhóm, tránh việc làm bài tập nhóm quá nhiều gây tâm lý ỷ lại không có trách nhiệm làm bài tập tập thể ở một số cá nhân sinh viên

Cần cải thiện hơn như wifi, loa, mic,..

Cần học những môn học liên quan đến chuyên ngành hơn.
Đảm bảo chất lượng kiến thức học tập cho SV.
Cần có những buổi học để SV thực hành và đi thực tế nhiều hơn

Áp dụng thực tiễn nhiều hơn

1. Tăng thêm môn chuyên ngành và giảm bớt số lượng môn đại cương.
2. Với những môn chuyên ngành (trụ cột chuyên ngành) khoa nên chọn giảng viên phù hợp để dạy thay vì mời giảng viên trường ngoài (giảng lan man, không cô đọng) ảnh hưởng đến chất lượng tiếp thu của sinh viên.
3. Cần có thêm thời gian trải nghiệm thực tiễn hơn thay vì chỉ có mỗi kiến tập và thực tập.

Thứ nhất: cần tập trung nghiên cứu vào đúng chuyên đề đúng ngành, tránh học nhiều môn lan man.
Thứ hai: cần tạo hứng thú cho sinh học tập. Tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội đi tham quan thực tế.
Thứ ba: Hình thúc kiểm tra đánh giá không nên quá cứng nhác. CTĐT có thể đề xuất ra nhiều phương hướng, có thể cho sinh viên lựa chọn.

Tăng cường thực hành cho các môn học
Để sinh viên tự nghiên cứu tài liệu nhiều hơn
Tăng bài tập nhóm

hạn chế lý thuyết, hạn chế hình thức thi viết, lắp đặt wifi

Chương trình học chưa đi sát với chuyên ngành đào tạo
Một số tài liệu còn chưa được cập nhật kịp thời

Tổ chức hoạt động ngoại khoá cho SV nhiều hơn

Tốt

- Học đi đôi với hành nhiều hơn
- Cần quan tâm tới chất lượng đào tạo
- Bổ sung chất lượng bài giảng

Cần nhiều buổi học ngoại khoá hơn
Tăng cường kĩ năng làm bài tập nhóm

Cần thực hành với thực tiễn nhiều hơn

1. Cần tăng cường thực hành
2. Có những phương pháp thủ hút sự chú ý của sinh viên
3. Có những chương trình thực tế phù hợp

Nên được đi thực tế gắn với môn học
Nên có giáo trình các môn chuyên ngành

- Chương trình học giảm nhẹ lý thuyết và tăng cường các trang bị các kiến thức thực tiễn
- Cổng thông tin thường xuyên bị lỗi, gây khó khăn cho sinh viên trong việc đăng ký học và theo dõi

Nên gắn với thực tiễn nhiều hơn

1. Có thể thay đổi phương pháp thi một số môn học bằng phương pháp vấn đáp kết hợp tự luận. (vấn đáp 50%, tự luận 50% số điểm để tăng cường phương pháp đánh giá 1 môn học, tăng tính minh bạch và đánh giá đúng khả năng sinh viên hơn).
2. Tăng cường các buổi học ngoại khóa, tăng cường các hoạt động thực tiễn liên quan đến ngành học và định hướng việc làm.(do khoa chủ quản và nhà trường liên hệ sắp xếp, có thể lấy đấy làm các bài tập lớn lấy điểm)
3.Giảm bớt việc quản lý như đóng cổng trường hay giờ học vì sinh viên là những người đủ khả năng nhận thức cũng như đánh giá tầm quan trọng của việc hoc. Thay vì vậy, nhà trường tăng cường đánh giá bằng kết quả học và khả năng tiếp nhận kiến thức bằng nhiều phương pháp sẽ hiệu quả hơn.

Cần cho SV tham gia các buổi thực hành nhiều hơn để SV có thể vận dụng lý thuyết vào thực tiễn

1. Giảng viên cần gần sinh viên hơn
2. Cô trên thư viện cần gần sinh viên và chân thật hơn. Vì nghỉ dịch không rõ được thư viên có làm việc không. Em cùng 1 số bạn khác đã đến thư viện tuy nhiên bác lao công nói không làm việc và chắc chắn hôm đó chưa có bảng thông báo thư viện vẫn làm việc kèm theo khi lên tầng 2 cũng không có người túc trực. Khi được phản ánh thì lại nói sinh viên sai.như vậy rất không tốt

- Nên có những môn học lquan đến chuyên ngành thay vì quá nhiều môn đại cương

Giảm bớt những môn học quá thiên về lý thuyết nâng cao thực hành ngoài thực tế (ví dụ cho đi thực tế). Nên khuyến khích sinh viên thi thoảng lên thư viện tự đọc tự học tự nghiên cứu để tự rút ra nhiều kiến thức hay và dễ nhớ thay vì ngồi chép lý thuyết trên lớp (ví dụ 2 tín có 7 buổi rưỡi thì cho 1 buổi lên thư viện ngồi học rồi buổi hôm sau giáo viên bộ môn chữa bài). Trong các kì thi nên cho thời gian các ngày thi dãn cách nhau không quá dồn dập trong 1 tuần để sinh viên thấy thoải mái tâm lý bớt áp lực và có kết quả tốt hơn.

- Đối với sinh viên nước ngoài như chúng em nhà trường cần tập trung nhiều hơn nữa về chất lượng học tiếng Việt của sinh viên
- hình thức thi: đối với lớp học có nhiều sinh viên Lào, muốn nhà trường cho thi vấn đáp nhiều hơn thi viết hoặc có thể thi bằng hình thức giao bài tập lớn cho sv Lào chép tay.

- Cần có thêm nhiều những chuyến đi thực tế cho sinh viên liên quan đến ngành học

Thêm nhiều hoạt động thực tiễn
Tương tác hơn vvs sinh viên
Thêm nhiều cuộc đối thoại định hướng nghề nghiệp

1. Tăng cường tính tự học cho học viên
2. Phát huy những điểm mạnh của sinh viên
3. Cần thêm những buổi trao đổi thông tin khoa học giữa giảng viên và sinh viên

Thêm nhiều buổi phát biểu miệng hơn, tổ chức thi hình như làm tiểu luận nghiện cứu đề tài nhiều hơn trong các môn chuyên ngành,giành thêm thời gian đi thực tế

Tăng cường nghiên cứu khoa học trong sinh viênLồng ghép học lý thuyết và thực hành bằng nhiều hình thức k

giảm tải lý thuyết tăng thực hành, thường xuyên tổ chức các buổi đi thực tế

Cần được trang bị một số kỹ năng mềm trong chuyên ngành tốt hơn , các tình huống thực tế đưa vào nhiều hơn

Đối với các sinh viên học các chuyên ngành lý luận cần được thực hành giảng dạy nhiều để có thêm nhiều kĩ năng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Công tác xã hội
Số lượng sinh viên phản hồi: 31

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.1	0.0	0.0	9.7	67.7	22.6	90.3
2. Kiến thức chuyên ngành	4.3	0.0	3.2	9.7	38.7	48.4	87.1
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.3	0.0	0.0	12.9	45.2	41.9	87.1
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.0	0.0	6.5	16.1	45.2	32.3	77.4
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.2	0.0	3.2	6.5	58.1	32.3	90.3
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.4	0.0	6.5	51.6	35.5	6.5	41.9
7. Kỹ năng tin học	4.0	0.0	3.2	16.1	61.3	19.4	80.6
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.2	0.0	3.2	6.5	54.8	35.5	90.3
9. Kỹ năng tư duy phản biện	4.3	0.0	0.0	6.5	58.1	35.5	93.5
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.1	0.0	3.2	16.1	45.2	35.5	80.6
11. Kỹ năng giao tiếp	4.5	0.0	0.0	6.5	38.7	54.8	93.5
12. Kỹ năng lãnh đạo	4.1	0.0	0.0	16.1	54.8	29.0	83.9
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.5	0.0	0.0	3.2	41.9	54.8	96.8
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.1	0.0	6.5	9.7	48.4	35.5	83.9
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.1	0.0	6.5	9.7	51.6	32.3	83.9
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.3	0.0	3.2	6.5	48.4	41.9	90.3
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.1	3.2	3.2	9.7	45.2	38.7	83.9
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.5	0.0	0.0	9.7	35.5	54.8	90.3
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.4	0.0	3.2	9.7	29.0	58.1	87.1
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	4.4	3.2	0.0	6.5	38.7	51.6	90.3
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.4	0.0	0.0	16.1	32.3	51.6	83.9
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%

1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	12.9	48.4	38.7	87.1
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.3	0.0	0.0	12.9	48.4	38.7	87.1
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.3	0.0	3.2	6.5	48.4	41.9	90.3
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.2	0.0	0.0	19.4	45.2	35.5	80.6
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.4	0.0	0.0	0.0	58.1	41.9	100.0
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.2	0.0	0.0	16.1	48.4	35.5	83.9
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.3	0.0	0.0	6.5	54.8	38.7	93.5
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.4	0.0	0.0	6.5	48.4	45.2	93.5
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.2	3.2	0.0	9.7	51.6	35.5	87.1
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.4	0.0	0.0	6.5	51.6	41.9	93.5
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.1	0.0	3.2	12.9	54.8	29.0	83.9
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.2	0.0	0.0	19.4	38.7	41.9	80.6
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.3	0.0	0.0	9.7	51.6	38.7	90.3
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.3	0.0	0.0	16.1	35.5	48.4	83.9
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.2	0.0	0.0	19.4	41.9	38.7	80.6
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	3.8	0.0	16.1	22.6	22.6	38.7	61.3
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	3.9	0.0	9.7	22.6	32.3	35.5	67.7
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.1	0.0	6.5	9.7	54.8	29.0	83.9
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.2	0.0	0.0	22.6	38.7	38.7	77.4
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.5	0.0	0.0	9.7	29.0	61.3	90.3

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.2	0.0	0.0	19.4	38.7	41.9	80.6
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.6	0.0	0.0	3.2	35.5	61.3	96.8
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.6	0.0	0.0	6.5	22.6	71.0	93.5
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.4	0.0	0.0	9.7	45.2	45.2	90.3
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.3	0.0	0.0	9.7	48.4	41.9	90.3
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.3	0.0	0.0	12.9	41.9	45.2	87.1
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.4	0.0	0.0	0.0	58.1	41.9	100.0
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.4	0.0	3.2	3.2	48.4	45.2	93.5
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.1	0.0	3.2	19.4	45.2	32.3	77.4
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.4	0.0	3.2	6.5	38.7	51.6	90.3
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.3	0.0	3.2	9.7	38.7	48.4	87.1
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	3.8	3.2	9.7	22.6	35.5	29.0	64.5
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.4	0.0	3.2	9.7	35.5	51.6	87.1
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.4	0.0	3.2	3.2	41.9	51.6	93.5
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.4	0.0	3.2	3.2	41.9	51.6	93.5
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.3	0.0	0.0	19.4	29.0	51.6	80.6
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.5	0.0	3.2	0.0	38.7	58.1	96.8

10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.4	0.0	0.0	9.7	45.2	45.2	90.3
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.3	0.0	0.0	12.9	41.9	45.2	87.1
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp da dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.2	0.0	3.2	9.7	48.4	38.7	87.1
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.3	0.0	0.0	6.5	58.1	35.5	93.5
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	0.0	58.1	41.9	100.0
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.3	0.0	3.2	6.5	48.4	41.9	90.3
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	0.0	61.3	38.7	100.0
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.4	0.0	0.0	9.7	45.2	45.2	90.3
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	3.2	51.6	45.2	96.8
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.4	0.0	0.0	3.2	51.6	45.2	96.8
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	3.2	51.6	45.2	96.8
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.2	3.2	6.5	0.0	48.4	41.9	90.3
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	3.2	0.0	3.2	45.2	48.4	93.5
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.4	0.0	0.0	3.2	54.8	41.9	96.8

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

sinh viên được tiếp cận lượng kiên thức mới phù hợp với chuyên nghành đào tạo
sinh viên được tiếp cận các phương pháp học tập mới, có sự kích thích phat huy tinh thần sáng tạo cho sinh viên
sinh viên được tiếp cận với các chương trình thực hành để làm quen dần với các môi trường làm việc sau khi ra trường

Giáo viên gần giũ, nhiệt tình, cách dạy học thay đổi hàng ngày

Chương trình chúng em đang được học có 3 điểmmạnh mà em thấy như sau:
+ Chương trình sắp xếp các môn học cơ bản có sự bổ trợ kiến thức rất logic
+ Chúng em có thêm nhiều kỹ năng ngoài những kiến thức học chuyên môn
+ Được thực hành bên ngoài nhiều nên các môn học ứng dụng vào thực tế cao

Phương pháp đổi mới, linh hoạt, cơ hội thực hành nhiều, giảng viên tâm huyết

tiên tiến, năng động,phù hợp

Năng động, sáng tạo, thoải mái

Thầy cô chuyên môn, giảng hay áp dụng thực tế vào môn học
Đào tạo được nhiều kỹ năng cho sinh viên
Chuyên ngành hay đang dần được phổ biến ở nhiều lĩnh vực

Thầy cô nhiệt tình, sáng tạo
Kiến thức thực tế
Dễ dàng trong khâu đăng ký tín chỉ

Tham gia nhiều hoạt động
Biết nhiều về các kiến thức xã hội và chuyện ngành
Giao lưu với nhiều nhóm đối tượng xã hội khác nhau

Thầy cô tận tình hỗ trợ Trong quá trình học tập và nghiên cứu.
Ngành học đa dạng, nhiều trải nghiệm.
Được đi thực tế nhiều

- Được tham gia nhiều hoạt động thực tiễn liên quan đến môn học
- Đội ngũ giảng viên có kiến thức, kinh nghiệm giảng dạy. Nhiệt tình hỗ trợ khi sinh viên cần giúp đỡ
- Lý thuyết và thực hành được thực hiện song song. Vận dụng được kiến thức lý thuyết vào thực hành thực tế

Vốn kiến thức xã hội sâu rộng, được trải nghiệm thực tế nhiều

Thầy cô nhiệt tình, chu đáo hướng dẫn
Tiếp xúc với nhiều môi trường khác nhau
Tăng khả năng giao tiếp, làm việc nhóm

1. Cân đối giữa lý thuyết và thực hành
2. Thúc đẩy tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên
3. Cung cấp đủ kiến thức, phù hợp với chuẩn đầu ra

Sáng tạo, bám sát thực tế, Đa dạng

- cơ hội tiếp cận kiến thức mới cao.
- Được tham gia nhiều chương trình và khoá tập huấn thực tế nghề nghiệp.
- Được tham gia vào các cuộc thi sáng tạo do khoa tổ chức để bồi dưỡng kiến thức chuyên môn.

- Được chủ động trong cách thức học
- đội ngũ Giang viên có chuyên môn cao
- Sinh viên được đăng ký tín chỉ học phù hợp vs bản thân

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Về ngành CTXH khoa Xã Hội Học và phát triển, những kiến thức đã học trên lớp áp dụng được vào thực tế khá ít, ngay cả lúc đi thực hành môn chúng em cũng k áp dụng được gì nhiều vào thực tiễn mà phải làm theo yêu cầu riêng bên cơ sở kiến tập, thực hành, thực tế... khác xa với những kiến thức đã được học và kế hoạch theo GV bộ môn đề ra. Có lần em đi thực hành nhưng công việc được bên đó giao k có gì khác ngoài pha chè, trông trẻ, sai vặt, hoàn toàn k có cơ hội tham vấn, hay làm theo tiến trình ctxh như được giao, điều đó khiến em mất niềm tin vào nghề. Nên e cho rằng ngành học nên bớt hình thức lại, đào tạo gắn liền với thực tế hơn, đổi những dạng bài tập gần như không áp dụng được vào thực tiễn mà bình thường chúng em toàn phải tự suy diễn ra như một biên kịch để hoàn thiện. VD: Vẽ bản đồ tại thôn xã ABC nhưng lại theo bố cục, cấu trúc toà nhà tại chính học viện và tự đo bằng bước chân mình ??, tìm phỏng vấn sâu và gỡ băng các đối tượng gái mại dâm, bệnh nhân HIV...

Giảng viên khoa XHH đều là những thầy cô có chuyên môn cao, giảng dạy tận tình, luôn yêu thương và truyền lửa cho sinh viên, em nghĩ đó là một trong những lí do giữ chân sv khoa tại học viện. Song, suy cho cùng điều chúng em mong muốn vẫn là được đào tạo gắn liền với thực tiễn nhất, để khi ra ngoài xã hội có thể vẫn dụng được những kĩ năng bản thân và phát huy được những điểm mạnh đó, từ đó có cơ hội nghề nghiệp cao hơn. Em xin cảm ơn thầy cô đã đọc.

Tăng nhiều buổi thực hành và trải nghiệm thực tế

Bớt môn đại cương thay vào đó giành thêm thời gian cho môn chuyên ngành, năm 4 rồi em chưa được học công tác xã hội trong bệnh viên.

Cần thực hành nhiều hơn

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập đan xem giữa hình thức trắc nghiệm và tự luận

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

cơ sở vật chất trang thiết bị cơ bản ổn xong nên có nhiều phòng để sinh viên có thể học và thực hành tại trường

Nhà vệ sinh siêu bẩn

Cơ sở vật chất nhất là quạt trần, cửa lớp học cần sửa lại

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Phương pháp dạy cần ít chữ mà dễ hiểu

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Cố vấn học tập Phạm Võ Quỳnh Hạnh siêu hay quên chúng em, nên vài lần chúng em chạy deadine cô gửi cũng khá mệt. Mong cô nhớ là cô đã và vẫn còn là cố vấn của K36 chúng em.

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

có nhiều thời gian thực hành hơn
có được tiếp cận nhiều hơn với các hội thảo liên quan đến chuyên nghành để phát huy tính sáng tạo
có được nhiều giáo trình phù hợp và thiết thực bổ ích hơn
liên kết nhiều hơn với các bên liên quan đến chuyên nghành tạo không gian cho sinh viên được kết nối việc làm

Có nhiều tiếp thực hành hơn, giáo viên gần gũi hơn, kiểm tra qua nhiều hình thức hơn ngoài tự luận

- Tích hợp việc học đi đối với thực hành thực tế
- Có nhiều tài liệu để sinh viên có thể tham gia vào quá trình tự học và sáng tạo
- Quá trình thứ tự các môn học nên sắp xếp khoa học để các môn có thể bổ trợ kiến thức cho nhau

Nên cho sinh viên thực hành nhiều hơn nữa, giảm tối đa các giờ dạy lí thuyết. Thường xuyên thay đổi phương pháp dạy và học để giảm bớt stress, căng thẳng, nhàm chán đối với các tiết lí thuyết.

Cố vấn học tập đừng quên tin nhắn của chúng em
Cổng thông tin hãy xịn lên đi ạ, vào bấm chọn môn cho có mà cũng sập nữa ạ.

Nâng cao cách xếp lịch học của sinh viên
Có các phương pháp dạy học sáng tạo dễ hiểu
Nâng cao kiến thức của các giảng viên đào tạo

Cải thiện việc đào tạo tạo tin học chất lượng hơn
Cải thiện mạng công nghệ số,trang web trường cho học sinh
Đưa nhiều mô hình lồng ghép trong môn học

- một số vấn đề vẫn chưa hiểu rõ
Sinh viên phai chủ động trong việc xin thực hành

- xây dựng nội dung giảng dạy tập trung nhiều hơn vào công tác xã hội

Cần có thêm có môn học chuyên ngành cho ngành công tác xã hội

Cần phải được thực hành, trải nghiệm thực tế nhiều hơn nữa trong mỗi khoá học

Đi thực tế nhiều hơn

- Tăng giờ học thực hành nhiều hơn.
- Cần có nhiều cách thức truyền tải kiến thức tới sinh viên bằng nhiều cách khác nhau.
- Nên cho sinh viên đi thực tế nhiều hơn nữa.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Kinh tế
Số lượng sinh viên phản hồi: 72

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.1	1.4	0.0	19.4	47.2	31.9	79.2
2. Kiến thức chuyên ngành	4.0	1.4	1.4	20.8	51.4	25.0	76.4
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	3.9	1.4	2.8	23.6	48.6	23.6	72.2
4. Kỹ năng nghề nghiệp	3.6	5.6	2.8	33.3	43.1	15.3	58.3
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.0	1.4	4.2	13.9	50.0	30.6	80.6
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.6	2.8	9.7	31.9	40.3	15.3	55.6
7. Kỹ năng tin học	3.8	2.8	4.2	26.4	43.1	23.6	66.7
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	3.9	1.4	2.8	22.2	47.2	26.4	73.6
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.9	1.4	4.2	23.6	44.4	26.4	70.8
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	3.8	2.8	8.3	23.6	36.1	29.2	65.3
11. Kỹ năng giao tiếp	4.0	2.8	2.8	18.1	45.8	30.6	76.4
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.9	4.2	4.2	19.4	45.8	26.4	72.2
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.1	2.8	2.8	8.3	51.4	34.7	86.1
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	3.9	1.4	8.3	19.4	41.7	29.2	70.8
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.9	1.4	8.3	13.9	51.4	25.0	76.4
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.8	4.2	8.3	15.3	48.6	23.6	72.2
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	3.7	4.2	12.5	19.4	38.9	25.0	63.9
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.0	1.4	5.6	19.4	40.3	33.3	73.6
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	3.9	2.8	5.6	19.4	43.1	29.2	72.2
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.8	1.4	12.5	16.7	41.7	27.8	69.4
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	3.7	4.2	11.1	20.8	37.5	26.4	63.9
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%

1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.0	1.4	5.6	16.7	44.4	31.9	76.4
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	3.8	2.8	6.9	22.2	40.3	27.8	68.1
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	3.8	2.8	6.9	20.8	41.7	27.8	69.4
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.0	1.4	4.2	15.3	51.4	27.8	79.2
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	3.9	1.4	4.2	25.0	37.5	31.9	69.4
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.0	4.2	4.2	12.5	44.4	34.7	79.2
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	3.9	1.4	5.6	20.8	43.1	29.2	72.2
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	3.8	1.4	9.7	18.1	44.4	26.4	70.8
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.0	1.4	1.4	20.8	45.8	30.6	76.4
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.1	1.4	2.8	12.5	48.6	34.7	83.3
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.0	1.4	5.6	13.9	52.8	26.4	79.2
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	3.9	2.8	5.6	18.1	45.8	27.8	73.6
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.3	1.4	2.8	12.5	34.7	48.6	83.3
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.2	1.4	1.4	18.1	31.9	47.2	79.2
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.3	1.4	0.0	12.5	38.9	47.2	86.1
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.0	1.4	2.8	23.6	36.1	36.1	72.2
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.1	1.4	1.4	20.8	41.7	34.7	76.4
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	3.9	4.2	4.2	19.4	37.5	34.7	72.2
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.2	1.4	2.8	13.9	38.9	43.1	81.9
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.3	1.4	0.0	12.5	38.9	47.2	86.1

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.2	1.4	1.4	16.7	40.3	40.3	80.6
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.2	1.4	0.0	13.9	50.0	34.7	84.7
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.3	1.4	1.4	8.3	38.9	50.0	88.9
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.1	1.4	1.4	13.9	50.0	33.3	83.3
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.1	1.4	2.8	16.7	40.3	38.9	79.2
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.0	1.4	1.4	18.1	51.4	27.8	79.2
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.0	1.4	5.6	16.7	47.2	29.2	76.4
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	3.9	4.2	4.2	12.5	51.4	27.8	79.2
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.1	1.4	2.8	15.3	45.8	34.7	80.6
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.0	1.4	4.2	16.9	43.7	33.8	77.5
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.1	2.8	1.4	11.3	47.9	36.6	84.5
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.2	1.4	2.8	11.1	47.2	37.5	84.7
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.0	2.8	0.0	22.2	41.7	33.3	75.0
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.2	1.4	1.4	13.9	47.2	36.1	83.3
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.2	1.4	0.0	15.3	45.8	37.5	83.3
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.2	1.4	1.4	10.1	52.2	34.8	87.0
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.3	1.4	0.0	11.3	42.3	45.1	87.3

10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.1	1.4	0.0	15.3	51.4	31.9	83.3
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.1	1.4	0.0	20.8	41.7	36.1	77.8
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	3.9	1.4	4.2	20.8	45.8	27.8	73.6
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		**%**	**%**	**%**	**%**	**%**	**%**
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	3.8	4.2	5.6	18.1	47.2	25.0	72.2
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	2.8	2.8	12.5	45.8	36.1	81.9
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	3.8	2.8	5.6	22.2	44.4	25.0	69.4
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.9	2.8	2.8	23.6	41.7	29.2	70.8
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.0	2.8	0.0	19.4	45.8	31.9	77.8
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	2.8	0.0	13.9	48.6	34.7	83.3
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	3.9	4.2	2.8	18.1	48.6	26.4	75.0
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	4.2	1.4	18.1	44.4	31.9	76.4
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.1	4.2	1.4	11.1	50.0	33.3	83.3
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	2.8	0.0	12.5	51.4	33.3	84.7
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		**%**	**%**	**%**	**%**	**%**	**%**
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.0	1.4	1.4	15.3	56.9	25.0	81.9

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

1, đảm bảo về kiến thức chuyên môn
2, thúc đẩy sv tư duy, sáng tạo
3, có thể làm nhiều ngành nghề khác nhau

thực tế, đủ kiến thức, cung cấp đủ kĩ năng thực hành cho sinh viên

Năng lực quản lý lãnh đạo
Khả năng làm việc nhóm
Khả năng tìm hiểu về kinh tế

Nội dung chương trình đào tạo thiết thực nhưng chưa vận dụng vào thực tiễn trong quá trình học tập

Có kiến thức cơ bản về chuyên ngành
Áp dụng được vào một số công việc trên thực tế
Có kiến thức cơ bản để tìm được những ngành, nghề đa dạng

Đào tạo nhiều mảng
Thời gian học tập thoải mái
Yêu cầu với môn học không quá khắt khe

Tính logic, triển vọng, nhiều ngành nghề phù hợp

Free - Giảng viên tốt - bạn bè thân thiên

Thầy cô giáo có năng lực,kiến thức sâu rộng, truyền tải kiến thức tốt
Có nhiều kiến thức bổ ích, thực tế trong cuộc sống được thầy cô chỉ dẫn

1. Phù hợp với thời đại
2. Nội dung kiến thức phong phú
3. Ngoài đào tạo kiến thức chuyên môn còn rèn luyện nhiều kỹ năng mềm

Tổng hợp, nhiệt tình và giáo viên kiến thức tốt

Tư duy, năng động, sự nhạy bén

Giáo viên tận tâm tận lực
Cơ sở vật chất tốt
Bạn bè cùng lớp tốt

Khoa học, thực tế, toàn diện

Kiến thức đầy đủ thực tiễn, Hình thức dạy học đảm bảo, Đội ngũ giảng viên nhiệt huyết

Hợp lý, toàn diện, chuyên nghiệp

Kiến thức rộng, kĩ năng thuyết trình cao, nắm bắt kinh tế

Hiện đại/chuẩn mực/cuốn hút

- thích hợp với nhiều ngành nghề
-

Đội ngủ giảng viên rất nhiệt huyết/ Kiến thức trong chương trình đào tạo phù hợp/ Các bạn sinh viên năng lượng.

Khá nhiều lý thuyết

Tạo nền tảng tư tưởng vững chắc, tạo niềm tin sâu sắc với Đảng và Nhà nước, rèn luyện kĩ năng tư duy độc lập và làm việc nhóm

nội dung cập nhật, lý luận cao, khối lượng đồ sộ

Kiến thức phong phú, giáo viên nhiệt tình, ứng dụng thực tế

thực tế, giàu kiến thức, bài tập vận dụng

Có đầu ra tốt, sát với thực tiễn về nghề nghiệp, có cái nhìn khách quan về các vấn đề trong cuộc sống

1.Được tiếp thu kiến thức về kinh tế gắn với ví dụ cụ thể trong nền kinh tế thế giới
2. Hoạt động trao đổi làm việc nhóm diễn ra thường xuyên gắn với kiến thức phù hợp
3.được tiếp thu kỹ những kiến thức trọng tâm của môn học

Đánh giá kết quả nghiêm túc, khách quan
Trang bị khá đầy đủ tri thức về nghề nghiệp cho sv
Cơ sở vật chất đầy đủ, tương đối thuận tiện và hiện đại

Tốt

- các cán bộ giảng viên chuyên môn giỏi
- kiến thức rộng lớn bắt buộc sv tự học và nghiên cứu
- lộ trình học rõ ràng

1. Đội ngũ giảng viên chuyên ngành rất thân thiện và có phương pháp giảng dạy hiệu quả
2. Hình thức kiểm tra, đánh giá năng lực sinh viên phù hợp và công bằng
3. Định hướng nghề nghiệp

- Các thầy cô trẻ thân thiện, rất tạo điều kiện cho sinh viên. - Lịch học phù hợp. -

Hiểu rõ triết học MacLenin, kĩ năng giảng dạy, thuyết trình trước đám đông

1. Có cơ hội thực tập tại các trường đại học
2. Bao quát được nhiều kiến thức về kinh tế chính trị
3. Áp dụng được nhiều vào thực tế

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Liên hệ chặt chẽ với thực tiễn
Có thể thay đổi nhiều hình thức kiểm tra, thi phong phú (dự án, thuyết trình ...)

Thay đổi trình tự học các môn

Tạo điều kiện thực hành nhiều hơn, nhất là môn tiêng anh.

Cần có những buổi thực hành ngoại khóa bên ngoài nhà trường để sv năng động hơn

Chương trình giảng dạy chuyên ngành cần thực tế hơn, cải tiến giáo trình

Thực hành nhiều hơn

Phối hợp logic các môn học

Nên tổ chức đi thực tế nhiều hơn

Nên có thêm thi đầu ra tiếng trung

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Có nhiều hình thức kiểm tra hơn như bài tập lớn, lựa chọn những vấn đề phân tích mới hơn, không nhất thiết phải bám vào giáo trình

Đề ra cần mang hướng mở hơn, tránh hiện tượng chép bài nhau

Nên thay đổi hình thức làm tiểu luận chép tay vì có nhiều bất cập

Cập nhật lịch thi kịp thời

Nên tiến hành tổ chức hình thức kiểm tra bằng những bài tập lớn, làm việc nhóm để sinh viên tìm hiểu thay vì thi viết như thông thường

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Mở rộng thư viện

Cải tiến thiết bị điện tử hơn nữa, nhất là hệ thống âm thanh và trình chiếu thường xuyên bị lỗi. điều hoà có lắp đặt tuy nhiên chưa được sử dụng kịp thời

Wifi cần lắp đặt để phục vụ giảng dạy, nhiều phòng quạt đã bị hư hỏng, máy chiếu một số phòng không rõ. Mong học viện cải tiến trong tương lai

Sửa wifi ở thư viện

Bật điều hoà nhiều hơn ạ

Các phòng khu B1 có máy chiếu hay bị lỗi khi sử dụng

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Phát triển hơn nữa kỹ năng làm việc nhóm và nghiên cứu đánh giá

Sáng tạo hơn ạ

Nên để sinh viên làm việc nhóm và thuyết trình nhiều hơn để nâng cao kỹ năng mềm

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Mở thêm nhiều chương trìn định hướng và phat triển nghề nghiệp

Tạo điều kiện hơn nữa cho sinh viên

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

Thái độ tích cực hơn

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1,cần chú trọng hơn về kiến thức chuyên ngành
2, tăng giờ thực hành
3,các hình thức kiểm tra đánh giá cần phong phú hơn

Cần có những buổi đi thực tế để áp dụng song song lý thuyết vào thực tiễn
Đào tạo ngoại ngữ cơ bản cho toàn bộ chuyên ngành Kinh Tế

Vì nhiều mảng nên mỗi môn chưa chuyên sâu ngoài môn Kinh tế chính trị
Nâng cao trình độ ngoại ngữ hơn
Bố trí thay đổi lịch học linh hoạt hơn
Có thêm các môn về kĩ năng mềm

tăng thực hành, đề kiểm tra mở hơn, nhiều hoạt đồng ngoài giờ

Sắp xếp môn học hợp lý hơn
Một số bộ môn nên tăng học thực hành thực tế thay vì học lý thuyết

1. Liên tục cập nhật để phù hợp với tình hình
2. Phân bổ các buổi học Lý thuyết - Thực hành hợp lý
3. Tạo điều kiện tổ chức các chuyến đi thực tế

Linh hoạt, bổ sung, thay thế môn học mới

Ứng dụng tiếng Anh chuyên ngành
Các bài thi Đại cương làm trắc nghiệm

Học đi đôi với hành, tổ chức ngoại khoá, tự nghiên cứu

Cần tăng số tiết thực hành, Giảm thiểu lý thuyết, hình thức thi cần đa dạng hơn

Cứng nhắc

Cho sinh viên đi thực tế ở một số đơn vị , thời gian thực tập lâu hơn, nâng cao khả năng nói cho sinh viên

thực hành nhiều hơn/cập nhật giáo trình mới/đưa nhiều kiến thức thực tế vào bài giảng đối với những môn nặng lí luận

- giảm bớt môn đại cương
- hình thức thi tiểu luận nhiều hơn
- đừng oái oăm

1. Cần nâng cao tính thực hành của các môn học
2. Bổ sung thời gian tự nghiên cứu của sv
3. Nâng cao độ khó của chuẩn đầu ra tiếng anh.

Củng cố giáo trình/ Nâng cao khâu kiểm tra, tổ chức thi/ Cải tiến trang thiết bị kĩ thuật

Gắn lí thuyết vào thực tiễn, sáng tạo trong phương pháp giảng dạy, tổ chức thực tập phong phú

tăng cường thực hành, gặp gỡ chuyên gia, mở rộng môn học ứng dụng

Tăng việc làm việc nhóm cho sinh viên

1. Nên tổ chức đi thực tế nhiều hơn
2. Nên làm những bài tập nhóm, bài tập lớn để sinh viên nghiên cứu thay vì làm các bài kiểm tra viết trên lớp
3. Nên giảm tải hơn những nội dung không thực sự cần thiết đối với sinh viên

Đổi hình thứ tiểu luận từ viết tay sang đánh máy.
Lịch thi và ôn tập cần gián cách hơn 1 chút
Mở thêm 1 số môn học, lớp kĩ năng mềm

- cải tiến chương trình bằng cách thống nhất giáo trình, và ctrinh
- nâng cao tinh thần học tập của sv bằng cách cho tự nghiên cứu nhiều , thảo luận nhóm
- nâng cao tinh thần nghiên cứu khoa học, thực hành giảng

Cần đào tạo chuyên sâu hơn chuyên ngành giảng dạy, không dàn trải các môn học quá nhiều

1. Các thông báo đột xuất về thay đổi chương trình học, thời gian thi cử,...cần được thông báo sớm hơn để đạt hiệu quả cho cả sinh viên và giảng viên
2. Quá trình dạy cần được chú trọng hơn, không đi lan man quá nhiều dẫn đến không kịp thời lượng giảng và sinh viên bị dồn ép kiến thức trong những tiết cuối
3. Công tác trao đổi, phản hồi ý kiến giữa khoa, giảng viên chủ nhiệm và sinh viên cần được đảm bảo nhanh và chính xác

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Lịch sử
Số lượng sinh viên phản hồi: 35

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.2	2.9	0.0	8.6	54.3	34.3	88.6
2. Kiến thức chuyên ngành	4.3	2.9	0.0	5.7	42.9	48.6	91.4
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.1	2.9	0.0	5.7	62.9	28.6	91.4
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.0	2.9	5.7	17.1	40.0	34.3	74.3
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.0	2.9	2.9	17.1	42.9	34.3	77.1
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.5	2.9	8.6	34.3	40.0	14.3	54.3
7. Kỹ năng tin học	3.9	2.9	5.7	17.1	48.6	25.7	74.3
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	3.9	2.9	5.7	8.6	60.0	22.9	82.9
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.9	2.9	2.9	17.1	51.4	25.7	77.1
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.0	2.9	0.0	20.0	48.6	28.6	77.1
11. Kỹ năng giao tiếp	4.2	2.9	2.9	8.6	42.9	42.9	85.7
12. Kỹ năng lãnh đạo	4.1	2.9	0.0	14.3	54.3	28.6	82.9
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.3	2.9	0.0	5.7	48.6	42.9	91.4
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.1	2.9	2.9	11.4	42.9	40.0	82.9
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.3	2.9	0.0	5.7	45.7	45.7	91.4
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.2	2.9	2.9	2.9	51.4	40.0	91.4
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.4	2.9	0.0	5.7	34.3	57.1	91.4
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	2.9	2.9	5.7	42.9	45.7	88.6
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.3	2.9	2.9	8.6	34.3	51.4	85.7
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	4.3	2.9	0.0	8.6	45.7	42.9	88.6
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.2	2.9	0.0	8.6	48.6	40.0	88.6
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%

1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.2	2.9	2.9	8.6	42.9	42.9	85.7
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.1	2.9	2.9	14.3	42.9	37.1	80.0
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.2	2.9	0.0	14.3	40.0	42.9	82.9
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.2	2.9	2.9	8.6	45.7	40.0	85.7
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.3	2.9	0.0	5.7	48.6	42.9	91.4
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.1	0.0	5.7	5.7	57.1	31.4	88.6
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.0	0.0	11.4	11.4	45.7	31.4	77.1
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.1	0.0	5.7	11.4	54.3	28.6	82.9
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.1	0.0	8.6	5.7	48.6	37.1	85.7
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.3	0.0	2.9	8.6	45.7	42.9	88.6
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.3	0.0	2.9	5.7	54.3	37.1	91.4
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.2	0.0	2.9	2.9	62.9	31.4	94.3
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.4	0.0	2.9	5.7	37.1	54.3	91.4
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	4.4	2.9	0.0	8.6	34.3	54.3	88.6
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.3	2.9	0.0	8.6	40.0	48.6	88.6
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.2	5.7	0.0	2.9	48.6	42.9	91.4
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.2	2.9	2.9	2.9	51.4	40.0	91.4
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.0	5.7	2.9	11.4	45.7	34.3	80.0
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.2	2.9	0.0	11.4	42.9	42.9	85.7
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.3	2.9	2.9	5.7	40.0	48.6	88.6

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.2	2.9	0.0	14.3	37.1	45.7	82.9
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.4	2.9	0.0	2.9	45.7	48.6	94.3
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.4	2.9	0.0	8.6	28.6	60.0	88.6
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.2	2.9	0.0	8.6	51.4	37.1	88.6
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.2	2.9	0.0	11.4	48.6	37.1	85.7
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.3	2.9	0.0	8.6	45.7	42.9	88.6
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.1	2.9	0.0	11.4	51.4	34.3	85.7
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.2	2.9	0.0	5.7	57.1	34.3	91.4
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.2	5.7	0.0	5.7	48.6	40.0	88.6
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.1	2.9	5.7	8.6	48.6	34.3	82.9
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.4	0.0	2.9	11.4	28.6	57.1	85.7
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.0	2.9	8.6	8.6	45.7	34.3	80.0
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.2	0.0	5.7	14.3	31.4	48.6	80.0
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.3	0.0	2.9	8.6	40.0	48.6	88.6
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.4	0.0	5.7	5.7	34.3	54.3	88.6
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.3	0.0	5.9	11.8	32.4	50.0	82.4
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.3	0.0	2.9	2.9	51.4	42.9	94.3

10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.1	0.0	2.9	11.4	54.3	31.4	85.7
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.2	0.0	5.7	5.7	54.3	34.3	88.6
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.0	2.9	5.7	14.3	45.7	31.4	77.1
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.1	2.9	0.0	17.1	40.0	40.0	80.0
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	2.9	0.0	14.3	40.0	42.9	82.9
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.1	2.9	0.0	14.3	51.4	31.4	82.9
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	2.9	0.0	20.0	40.0	37.1	77.1
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.2	2.9	0.0	14.3	40.0	42.9	82.9
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	2.9	0.0	14.3	37.1	45.7	82.9
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.2	2.9	0.0	14.3	42.9	40.0	82.9
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	2.9	0.0	14.3	42.9	40.0	82.9
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.1	5.7	0.0	8.6	45.7	40.0	85.7
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	5.7	0.0	8.6	45.7	40.0	85.7
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.1	2.9	0.0	14.3	48.6	34.3	82.9

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

1. Miễn học phí
2. Thầy cô trong khoa tạo mọi điều kiện học tập
3. Là chuyên ngành không thể bỏ trong hệ thống giáo dục

Có kỹ năng làm giảng viên, kiến thức lịch sử được vững chắc khơi gợi tình yêu nước và lòng tin vào Đảng, có kỹ năng về công tác tuyên giáo

có khả năng lãnh đạo, làm việc nhóm hiệu quả, sáng tạo

Kiến thức chuyên ngành sâu
Giảng viên có kiến thức sâu rộng
Cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu học tập

Môi trường đào tạo tốt, cơ sở vật chất tốt, cán bộ gv thân thiện

1. kiến tức chuyên nghành chuyên sâu
2. kỹ năng nghề nghiệp tốt
3. nắm bắt được nhiều kiến thức ngoài nghành

Kiến thức phong phú, tư duy

- Kết hợp hài hoà học lý thuyết và thực hành
- Cung cấp đầy đủ kiến thức nền cho sinh viên
- Giảng viên tâm huyết, nhiệt tình

1. Đi thực tế
2. Môi trường tốt
3. Kiến thức mở

Kiến thức đầy đủ, giảng viên nhiệt tình, môi trường lành mạnh

Được nghiên cứu lịch sử , hiểu sâu hơn về Lịch sử.
Được rèn luyện các kĩ năng cần thiết cho chuyên ngành Lịch sử ĐCS VN.
Được học tập nhiều kinh nghiệm

Bám sát thực tiễn
Rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp hiệu quả
Chương tình học phù hợp với thời gian học

Phù hợp, trang bị kĩ năng tốt, giảng viên nhiệt tình

Củng cố tinh thần yêu nước yêu Đảng.
Củng cố kỹ năng nói trước đám đông
Thầy cô có kiến thức sâu rộng

Có kiến thức về lịch sử
Giao tiếp cơ bản ổn, tự tin

Trang bị cho sinh viên kiến thức tốt, kỹ năng tốt, cơ hội việc làm tốt

kỹ năng, tư duy và thực hành

có tính logic cao
củng cố lòng yêu nước
bồi dưỡng tư tưởng chính trị

Kiến thức - kĩ năng đc khoa chủ quản đào tạo tốt; đội ngũ giảng viên giỏi giàu kinh nghiệm và quan tâm sinh viên;

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Cần tăng các hoạt động ngoại khóa của sinh viên nhiều hơn nữa

Em đề xuất cho thời gian sinh viên đi kiến tập, thực tập ở cơ sở nhiều hơn vì đó là cơ hội để chúng em học hỏi và áp dụng kiến thức đã học vào công việc thực tế và có sự va chạm xã hội

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Đối với mỗi sinh viên cần có phần ghi chú điểm mạnh, điểm yếu để sinh viên khắc phục trong kì học sau ví dụ sau bảng điểm cần có thống kê môn học nào điểm cao nhất và môn học điểm thấp nhất

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Wifi có nhưng k cung cấp mật khẩu rộng rãi, thư viện số còn ít tài liệu có thể xem trực tuyến

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Nhà trường nên cho sinh viên đi thực tế nhiều hơn để có thêm kiến thức xã hội,cách xử lí tình huống trong môi trường ngoài giảng đường

Trong chương trình học nên có thêm nhiều buổi thực hành ngoại khoá ạ

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Không có vì trường tạo điều kiện quá tốt rồi ạ

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Một số môn cơ sở ngành còn rất khó
2. Tăng thêm kiểm tra vấn đáp cho sinh viên
3. Ứng dụng công nghệ 4.0

Cần sắp xếp lại logic môn học phù hợp với các năm, tăng cường thực hành thực tế, cần quan tâm sát sao tới việc học của sinh viên hơn

Cần phối hợp nhiều hình thức giảng dạy và học tập hơn
Cho sinh viên thực hành nhiều hơn
Nâng cao hơn nữa cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ cho công việc học tập và giảng dạy

1. nên đưa thêm các tiết thực hành
2. tăng buổi ngoại khóa tạo cảm hứng học tập cho sv
3. thư viện nên cập nhật thêm nhiều tư liệu nghiên cứu

- Nên tăng thời gian đi kiến tập và thực tập
- Tăng các hoạt động thực tế bên ngoài nhà trường
- Có thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu

Em mong nhà trường tạo điều kiện hết sức cho Sinh viên có thể ra trường đúng hạn ạ.

Tăng cường thực hành nghề nghiệp
Tăng cường những buổi ngoại khóa
Tăng cường áp dụng các phương pháp học tích cực: thảo luận nhóm,...

Đưa ra những đề tài gắn liền với thực tế
Tổ chức nhiều hơn nữa chuyến đi thực tế
Giới thiệu cho sinh viên nhiều tài liệu hơn nữa

tổ chức lớp học sinh động, thực hành nhiều hơn lý thuyết, tăng cường vốn ngôn ngữ nước ngoài

Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá trong chương trình giảng dạy
Hình thức kiểm tra, đánh giá các điều kiện tốt nghiệp như tin học cần phù hợp với trình độ của sinh viên
Nên học thực hành nhiều hơn lý thuyết với các ngành nghiệp vụ

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

PHỤ LỤC 2

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Quảng cáo
Số lượng sinh viên phản hồi: 23

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.0	0.0	0.0	13.0	73.9	13.0	87.0
2. Kiến thức chuyên ngành	4.0	0.0	0.0	17.4	60.9	21.7	82.6
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	3.7	0.0	4.3	34.8	47.8	13.0	60.9
4. Kỹ năng nghề nghiệp	3.7	0.0	0.0	39.1	56.5	4.3	60.9
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	3.9	0.0	4.3	13.0	69.6	13.0	82.6
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.6	0.0	8.7	30.4	52.2	8.7	60.9
7. Kỹ năng tin học	3.7	0.0	0.0	43.5	47.8	8.7	56.5
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	3.6	8.7	0.0	26.1	52.2	13.0	65.2
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.6	0.0	4.3	43.5	39.1	13.0	52.2
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	3.5	4.3	4.3	34.8	47.8	8.7	56.5
11. Kỹ năng giao tiếp	3.6	4.3	8.7	21.7	52.2	13.0	65.2
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.5	4.3	8.7	34.8	34.8	17.4	52.2
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.0	0.0	0.0	17.4	60.9	21.7	82.6
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.0	0.0	0.0	13.0	69.6	17.4	87.0
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.0	0.0	0.0	13.0	69.6	17.4	87.0
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.9	0.0	0.0	17.4	73.9	8.7	82.6
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.0	0.0	0.0	17.4	69.6	13.0	82.6
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	3.8	0.0	0.0	30.4	56.5	13.0	69.6
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.0	0.0	0.0	21.7	56.5	21.7	78.3
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.7	0.0	4.3	30.4	60.9	4.3	65.2

8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.0	0.0	0.0	13.0	69.6	17.4	87.0
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	3.8	0.0	0.0	34.8	52.2	13.0	65.2
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	3.6	8.7	0.0	26.1	56.5	8.7	65.2
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.0	0.0	0.0	21.7	56.5	21.7	78.3
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	3.8	0.0	0.0	34.8	47.8	17.4	65.2
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.2	0.0	0.0	13.0	56.5	30.4	87.0
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.0	0.0	4.3	17.4	56.5	21.7	78.3
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	3.9	0.0	0.0	30.4	52.2	17.4	69.6
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	3.9	0.0	0.0	30.4	52.2	17.4	69.6
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.3	0.0	0.0	8.7	56.5	34.8	91.3
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.0	0.0	0.0	26.1	52.2	21.7	73.9
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.0	0.0	0.0	13.0	69.6	17.4	87.0
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	3.8	0.0	4.3	30.4	47.8	17.4	65.2
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.2	0.0	0.0	13.0	56.5	30.4	87.0
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	4.0	0.0	4.3	17.4	52.2	26.1	78.3
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.0	0.0	4.3	13.0	60.9	21.7	82.6
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.0	4.3	0.0	17.4	52.2	26.1	78.3
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.0	4.3	0.0	17.4	47.8	30.4	78.3
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.1	0.0	0.0	17.4	56.5	26.1	82.6
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.0	0.0	4.3	17.4	52.2	26.1	78.3

8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.0	0.0	4.3	17.4	52.2	26.1	78.3
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.0	0.0	0.0	17.4	65.2	17.4	82.6
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.1	0.0	0.0	21.7	43.5	34.8	78.3
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.3	0.0	0.0	8.7	56.5	34.8	91.3
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.1	0.0	0.0	17.4	56.5	26.1	82.6
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.0	0.0	0.0	26.1	47.8	26.1	73.9
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.1	0.0	0.0	21.7	47.8	30.4	78.3
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.0	0.0	0.0	30.4	43.5	26.1	69.6
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.0	0.0	0.0	26.1	47.8	26.1	73.9
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	3.8	0.0	0.0	45.5	31.8	22.7	54.5
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.0	0.0	0.0	21.7	56.5	21.7	78.3
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.1	0.0	0.0	22.7	45.5	31.8	77.3
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	3.5	8.7	8.7	21.7	43.5	17.4	60.9
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	3.9	4.3	0.0	21.7	47.8	26.1	73.9
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	3.9	0.0	4.3	21.7	52.2	21.7	73.9
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	3.7	4.5	0.0	36.4	40.9	18.2	59.1
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	3.8	5.0	0.0	25.0	50.0	20.0	70.0

9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.2	0.0	0.0	13.0	52.2	34.8	87.0
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	3.8	0.0	4.3	26.1	52.2	17.4	69.6
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	3.7	4.3	0.0	30.4	47.8	17.4	65.2
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	3.9	0.0	0.0	26.1	56.5	17.4	73.9
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	3.8	0.0	4.3	21.7	60.9	13.0	73.9
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	13.0	65.2	21.7	87.0
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.0	0.0	0.0	17.4	65.2	17.4	82.6
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	0.0	0.0	21.7	56.5	21.7	78.3
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.0	0.0	0.0	17.4	60.9	21.7	82.6
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	17.4	56.5	26.1	82.6
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.0	0.0	0.0	21.7	56.5	21.7	78.3
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	0.0	0.0	17.4	60.9	21.7	82.6
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	3.9	0.0	4.3	26.1	47.8	21.7	69.6
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	0.0	0.0	26.1	52.2	21.7	73.9
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.0	0.0	4.3	8.7	73.9	13.0	87.0

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

1. Môi trường học năng động và hiện đại
2. Đội ngũ giảng viên dày dặn kinh nghiệm, rất hiện đại và sáng tạo trong giảng dạy
3. Chương trình học rất sát với nghề nghiệp chuyên ngành, từ lý thuyết đến các hoạt động cụ thể

- thực tế
- nhiều cơ hội nghề nghiệp
- năng động

giảng viên tốt, môn học chuyên ngành có đầu tư kiến thức

- có nhiều VD thực tế mang tính thời sự để phân tích
- môn học dễ hiểu, dễ tiếp thu
- thường xuyên sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh để trau dồi vốn từ

- giảng viên trẻ, đã và đang tham gia làm việc thực tế trong ngành - môn học đa dạng nhưng chưa chuyên sâu - thúc đẩy tư duy xử lý vấn đề

thực tế- định hướng rõ ràng cho sinh viên- dễ hiểu

cập nhật xu thế; năng động, linh hoạt; tính ứng dụng

- Nhiều thầy cô giáo có kinh nghiệm thực tế nên các bài giảng không mang nặng quá nhiều lý thuyết
- Hỗ trợ sinh viên về vấn đề công việc (nếu sinh viên cần)
- Chương trình thiên về học hiểu hơn học thuộc, sinh viên nắm kỹ năng chứ không cần phải học vẹt, dễ tiếp cận và học hỏi hơn

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

các môn học nên làm rõ hơn vai trò, tầm ảnh hướng đối với chuyên ngành chính của sinh viên, từ đó khơi dậy tinh thần học tập có mục đích và hiệu quả hơn

tăng các môn nghiệp vụ, giảm lí luận

Các môn học có sự sắp xếp chưa được hợp lý. Các môn học nền tảng cần phải được học trước rồi mới tới các kỹ năng chuyên sâu bổ sung sau. Chẳng hạn, năm 2 em được học môn viết cho quảng cáo nhưng năm 3 em mới học lập chiến dịch quảng cáo. Em nghĩ cần biết cách lập kế hoạch quảng cáo như thế nào đã rồi mới đi sâu vào cách viết bài.

Nên phân nhỏ chuyên ngành như theo nghề cụ thể (như copywriter, designer để sv được học kiến thức chuyên sâu từ sau năm 2 ĐH

tăng lượng tham khảo nước ngoài, tăng cường các nguồn tài liệu tiếng anh (được dịch sang tiếng Việt hoặc sử dụng tiếng Anh)

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Việc đánh giá quá trình học nên khách quan và cá nhân hóa hơn nữa đối với những đóng góp của từng sinh viên tới môn học

tăng thi bằng hình thức tiểu luận, vận dụng kĩ năng hơn là thi lí thuyết

Đề xuất của em là cho làm nhiều các bài tập lớn hơn là các bài thi tự luận cá nhân vì nó sẽ sát với các môn học của khoa em. Việc này cũng đẩy mạnh khả năng teamwork

2.3. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

wifi cần được củng cố

Hoàn toàn hài lòng

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Nên tận dụng tối đa phương pháp dạy học online để tăng hiệu quả việc giảng dạy đối với sinh viên. Tăng cường trò chuyện, trao đổi giữa SV và giảng viên tùy chọn (tư vấn kiến thức ngoài giảng đường khi sinh viên cần)

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Cần thêm nữa những buổi hỗ trợ kỹ năng chuyên ngành (đối với từng khoa)

Theo em, nhà trường nên tận dụng email của sinh viên để gửi các thông báo, vì cá nhân em thấy sử dụng mail giúp em cập nhật được đầy đủ thông tin của nhà trường là đưa thông tin qua cán bộ lớp hay các bảng tin

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

Mong là các cô thư viện sẽ thường xuyên tươi cười hơn, ngoài ra nên phổ biến nội quy khi mượn sách để sinh viên hiểu và tuân thủ thực hiện. Ở thư viện có bảng nội quy treo khá cao và em không để ý. Có lần em mượn sách về và không nhớ thời hạn trả sách nên đã trả muộn. Em không biết việc sách mượn ở thư viện có thời hạn trả là bao nhiêu ngày và những người lần đầu mượn sách có thể gặp phải vấn đề như em. Các cô không cần thiết phải phổ biến hết các nội quy mà chỉ cần chỉ vào bảng nội quy và bảo "kia là bảng nội quy, em đọc và thực hiện theo nhé"

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Kết nối tới các doanh nghiệp, công ty nhiều hơn giúp sinh viên có thêm trải nghiệm và cơ hội.
2. Tổ chức các buổi gặp gỡ giữa các khóa nhằm chia sẻ kinh nghiệm.
3. Tận dụng tối đa phương pháp dạy học trực tuyến hiện đang rất hiệu quả đối với sinh viên.

- kiến tập ngay từ năm nhất
- ít lý thuyết hơn
- làm bài tập nhóm nhiều hơn

định hướng cơ hội việc làm ngay trong trường

Em thấy các thầy cô cần nghiêm khắc hơn trong vấn đề dạy và chấm điểm kiểm tra để sinh viên có ý thức học và đảm bảo chất lượng đầu ra

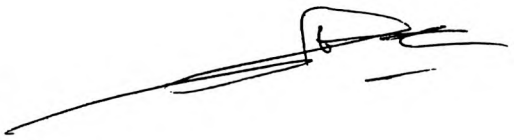
- kết nối việc làm giữa sinh viên và doanh nghiệp nhiều hơn
- tăng cường chia sẻ tài liệu làm việc thực tế của thầy cô
- lập clb chuyên ngành sử dụng tiếng anh

cần sắp xếp các môn học cho hợp ký và logic

cập nhật và phổ biến tài liệu nghiên cứu thêm (tiếng Anh); nâng cao tiếng Anh và thuyết trình phản biến tiếng Anh trong học tập jvaf giảng dạy; rèn luyện tư duy phản biện trong môn học

- Em nghĩ nên đẩy mạnh tổng kết môn bằng bài tập lớn dạng làm bài nhóm hoặc luận thay vì thi viết --> đẩy mạnh tính tự nghiên cứu của sinh viên hoặc kỹ năng teamwork
- Em nghĩ chương trình đào tạo nên được cô đọng: Thay vì học trong tất cả các buổi sáng, buổi học có thể gói gọn trong 2-2 tiếng rưỡi và nghỉ ít hơn. Học như vậy hiệu quả tiếp nhận sẽ cao hơn (theo em là vậy). Ví dụ như khi học Online vừa rồi đã cho em thấy thời gian ít mà chất --> Sinh viên có độ tập trung và hứng thu cao hơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36 NĂM 2020

PHỤ LỤC 2

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Quan hệ công chúng
Số lượng sinh viên phản hồi: 50

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	3.8	0.0	2.0	26.0	60.0	12.0	72.0
2. Kiến thức chuyên ngành	4.1	0.0	0.0	8.0	78.0	14.0	92.0
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.0	0.0	0.0	18.0	68.0	14.0	82.0
4. Kỹ năng nghề nghiệp	3.9	0.0	2.0	18.0	68.0	12.0	80.0
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	3.9	0.0	2.0	24.0	52.0	22.0	74.0
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.6	0.0	4.0	48.0	34.0	14.0	48.0
7. Kỹ năng tin học	3.9	0.0	0.0	20.0	66.0	14.0	80.0
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	3.9	0.0	0.0	20.0	68.0	12.0	80.0
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.7	0.0	2.0	38.0	48.0	12.0	60.0
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.0	0.0	0.0	18.0	68.0	14.0	82.0
11. Kỹ năng giao tiếp	4.0	0.0	0.0	14.0	72.0	14.0	86.0
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.7	0.0	8.0	30.0	50.0	12.0	62.0
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.4	0.0	0.0	6.0	52.0	42.0	94.0
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.0	0.0	2.0	14.0	66.0	18.0	84.0
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.8	0.0	0.0	28.0	60.0	12.0	72.0
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.9	0.0	0.0	24.0	58.0	18.0	76.0
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	3.8	0.0	2.0	28.0	56.0	14.0	70.0
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	3.8	0.0	2.0	26.0	62.0	10.0	72.0
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	3.8	0.0	10.0	14.0	64.0	12.0	76.0

7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.7	0.0	8.0	34.0	42.0	16.0	58.0
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.0	0.0	4.0	18.0	48.0	30.0	78.0
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	3.6	0.0	4.0	38.0	52.0	6.0	58.0
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	3.5	4.0	8.0	28.0	54.0	6.0	60.0
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.0	0.0	4.0	12.0	60.0	24.0	84.0
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	3.8	0.0	0.0	30.0	62.0	8.0	70.0
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.2	0.0	0.0	10.0	62.0	28.0	90.0
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	3.8	2.0	0.0	30.0	52.0	16.0	68.0
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	3.8	0.0	4.0	28.0	56.0	12.0	68.0
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	3.8	0.0	2.0	24.0	64.0	10.0	74.0
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.0	0.0	2.0	14.0	64.0	20.0	84.0
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.0	0.0	4.0	16.0	58.0	22.0	80.0
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.0	0.0	0.0	16.0	66.0	18.0	84.0
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	3.7	2.0	6.0	24.0	54.0	14.0	68.0
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.1	0.0	4.0	12.0	52.0	32.0	84.0
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.0	0.0	8.0	16.0	44.0	32.0	76.0
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.1	0.0	2.0	18.0	48.0	32.0	80.0
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	3.9	2.0	6.0	16.0	52.0	24.0	76.0
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.0	4.0	4.0	14.0	48.0	30.0	78.0
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	3.9	2.0	6.0	12.0	60.0	20.0	80.0

7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	3.9	2.0	6.0	12.0	62.0	18.0	80.0
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.0	0.0	2.0	20.0	50.0	28.0	78.0
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	3.9	2.0	8.0	10.0	56.0	24.0	80.0
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.1	0.0	2.0	16.0	54.0	28.0	82.0
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.4	0.0	0.0	2.0	60.0	38.0	98.0
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	3.9	0.0	0.0	26.0	58.0	16.0	74.0
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	3.9	0.0	2.0	22.0	60.0	16.0	76.0
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	3.8	0.0	6.0	20.0	64.0	10.0	74.0
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	3.8	0.0	2.0	24.0	66.0	8.0	74.0
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.0	0.0	0.0	16.0	70.0	14.0	84.0
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	3.6	0.0	4.1	44.9	36.7	14.3	51.0
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	3.7	0.0	10.0	24.0	50.0	16.0	66.0
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.0	0.0	2.0	24.0	46.0	28.0	74.0
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.2	0.0	2.0	16.0	40.0	42.0	82.0
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.0	0.0	4.0	12.0	60.0	24.0	84.0
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.1	0.0	0.0	20.4	53.1	26.5	79.6

7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.2	0.0	0.0	18.4	46.9	34.7	81.6
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.0	0.0	4.9	19.5	48.8	26.8	75.6
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.3	0.0	0.0	8.0	50.0	42.0	92.0
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	3.9	0.0	2.0	28.0	48.0	22.0	70.0
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.0	0.0	0.0	24.0	48.0	28.0	76.0
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	3.9	0.0	0.0	32.0	46.0	22.0	68.0
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	3.8	0.0	2.0	32.0	48.0	18.0	66.0
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	20.0	52.0	28.0	80.0
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	3.9	2.0	2.0	20.0	54.0	22.0	76.0
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	0.0	2.0	18.0	54.0	26.0	80.0
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.0	2.0	0.0	20.0	52.0	26.0	78.0
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	16.0	58.0	26.0	84.0
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	3.8	4.0	0.0	28.0	48.0	20.0	68.0
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	2.0	0.0	18.0	56.0	24.0	80.0
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.0	2.0	0.0	20.0	54.0	24.0	78.0
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	18.0	56.0	26.0	82.0
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.0	0.0	0.0	14.0	70.0	16.0	86.0

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

Thực hành nhiều
Thầy cô trẻ trung, vui vẻ
Được đi thực tế, thực hành nghề nghiệp từ sớm

- Nội dung các môn học chuyên ngành khá thực tiễn
- Các thầy cô tận tình hỗ trợ và giải đáp cho sinh viên
- Môi trường học tập cạnh tranh và khuyến khích sinh viên phát triển

Mới mẻ, chuyên nghiệp, tính thực tế cao

Có tính thực tế cao, nội dung gần gũi, nhiều tiết thực hành hữu ích

- Kiến thức được trang bị phù hợp với thực tế
- Được thực hành song song với lý thuyết, được phát triển các kĩ năng
- Đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao

Sát với thực tế, tạo cơ hội cho sinh viên được thực hành, rèn luyện được nhiều kỹ năng làm việc

. Trình độ chuyên môn của giảng viên

- Giảng viên khoa QHCC- QC đều là những thầy cô có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, luôn nhiệt tình hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển.
- Các môn chuyên ngành/ cơ sở ngành được đầu tư về chất lượng giảng dạy, đa dạng về hình thức kiểm tra, đánh giá
- Môi trường học tập thân thiện, tích cực

- có nhiều hoạt động thực tiễn bổ ich giúp sinh viên nắm bắt được kiến thức và vận dụng vào công việc
- bài tập phong phú, hấp dẫn và rất thực tiễn
- kiến thức được vận dụng vào công viewcj thực tế hiệu quả

1, Giảng viên tại khoa và giảng viên mời là những thầy cô có kinh nghiệm giảng dạy và thực hành nghề lâu năm
2, Kết hợp bài tập thực hành giúp sinh viên tăng kinh nghiệm và trải nghiệm
3, Cơ hội việc làm cao

giảng viên có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, giúp sinh viên thực hành
ngành học có những kiến thức nắm bắt xu thế
được tiếp cận một số môn học bằng Tiếng Anh

- CTĐT về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của sinh viên khi ra trường làm việc.
- CTĐT giúp sinh viên có được kiến thức nền tảng tốt về chuyên ngành.
- CTĐT giúp sinh viên chủ động, sáng tạo và phát huy được thế mạnh của bản thân.

dễ học, dễ áp dụng, linh hoạt với thực tiễn

Giảng viên tốt , ngành đào tạo mới mẻ và hấp dẫn, sinh viên đầu vào ưu tú

Có cơ hội được thực hành các kiến thức trong một số môn học
Tiếp xúc nhiều các kiến thức văn hóa, xã hội
Chương trình học không quá nặng

Giúp sinh viên cọ sát với thực tế nhiều hơn, có định hướng nghề nghiệp sau này, thầy cô tâm huyết

Rõ ràng
Giúp sinh viên kết hợp được cả lý thuyết và thực hành
Học sinh có nhiều cơ hội thực hành, làm việc với các đối tượng khác nhau

- Linh hoạt, sáng tạo
- Hiện đại, cập nhật
- Thú vị, không gò bó

Thực tiễn, Thực hành nhiều, giảng viên chuyên ngành dạy hay

Giảng viên có chuyên môn. Nhiệt tình trong hỗ trợ sinh viên. Môi trường học tập thoải mái.

Nhiều bài tập thực tế, kiến thức cơ bản giúp sinh viên có khả năng đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng, nhiều cơ hội tìm việc làm tốt đúng chuyên ngành

Nhiều điều kiện để thực hành với công việc, thực hành trên lý thuyết, kiến thức tổng quan.

- Thực hành thực tế
- Học tập chủ động
- Giáo viên chuyên môn giỏi

Các môn học đa dạng ; Cơ sở lý thuyết tốt; Giảng viên có trình độ

- Giảng viên chuyên ngành có trình độ chuyên môn cao.
- Các môn học chuyên ngành đều có tính ứng dụng cao, là nền tảng vững chắc giúp sinh viên thực hành khi làm nghề.
- Chương trình đào tạo có hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, bài tập nhóm, tiểu luận,... đa dạng, giúp sinh viên phát triển được rất nhiều các kỹ năng mềm, phục vụ cho công việc và phát triển bản thân.
- Đặc biệt, khóa học và chứng chỉ Ngoại Ngữ và tin học của trường đều rất chất lượng, giúp sinh viên phát triển 2 kỹ năng ngoại ngữ và tin học.

Đôi ngũ giáo viên trẻ, có kinh nghiệm và rất thức thời

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Em mong muốn có thêm những môn học thực tiễn hơn, cập nhập xu hướng và thực tế ở thị trường bên ngoài.

Các môn kỹ năng dạy trước, các môn chuyên ngành dạy sau sẽ tạo điều kiện để sinh viên thực tập, rèn luyện chính những kỹ năng đã được dạy

Giảm bớt các môn đại cương

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Các môn chuyên ngành nên có hình thức làm bài tập lớn/ thực hành nhiều hơn để sinh viên có cơ hội áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế.

Hiện tại điểm kiểm tra của sinh viên chỉ được công bố, sinh viên không được biết trong bài kiểm tra mình đã làm tốt điểm nào và chưa làm tốt điểm nào để rút kinh nghiệm cho các bài kiểm tra sau.

2.3. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất khu vực WC cần được làm mới, đảm bảo việc vệ sinh

Cần nới rộng và cải tạo chỗ để xe sinh viên

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Các môn đại cương nên bớt cứng nhắc trong phương pháp dạy học

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Các hoạt động hỗ trợ đào tạo nên được thông báo sớm hơn.

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

Trình tự môn học được sắp xếp khoa học hơn
Nội dung các môn học không nên trùng lặp
Tăng thêm thời gian thực hành thực tế

Cải thiện cơ sở vật chất, cập nhật tài liệu nghiên cứu thường xuyên, tăng tính thực tiễn trong môn học

Mong muốn nhà trường sẽ có thể là cầu nối giữa sinh viên và doanh nghiệp, làm bài tập lớn môn chuyên ngành thay vì thi hết học phần

. Hình thức bài tập lớn nhiều hơn nữa thay vì kiểm tra tự luận

- Thay đổi một số môn học không phù hợp với chương trình đạo tạo (sinh viên học xong không biết dùng để làm gì)
- Cân đối lại số lượng tín chỉ của các môn đại cương và môn chuyên ngành (Một số môn chuyên ngành hay nhưng chỉ có 2 tín, quá ít để sinh viên tiếp nhận và thực hành kiến thức)

- không nên để việc học mỗi buổi 1 môn khiến sinh viên cảm thấy mệt mỏi và nhàm chán
- các môn đại cương nên thay đổi hình thức thi như làm tiểu luận thay vì thi viết
- có nhiều hoạt động thực tiễn hơn để sinh viên có cơ hội tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế

bớt hình thức tự luận với những môn chuyên ngành, cần tính thực hành cao
một số môn bị trùng nội dung có thể gộp thành 1 môn lớn

- Cần bổ sung, điều chỉnh các khóa học chuyên nghiệp hơn về kỹ năng nghề nghiệp: thiết kế, quay dựng,...

Đi thực tế nhiều hơn, bài tập lớn (cuối kỳ) đa dạng hơn, giảng viên sát sao hơn khi cung cấp tài liệu tham khảo (sinh viên đã đọc chưa, tổng kết ra được những kiến thức gì,...)

Nhiều chương trình thực tiễn hơn để sinh viên cọ xát nhiều nhất có thể

Thầy cô nên sắp xếp chương trình học hợp lí hơn, thứ tự các môn học hiện tại không logic và có sự chồng chéo trùng lặp kiến thức giữa các môn
Nên có nhiều môn học làm bài thi thực hành hơn là tgi viết
Các thầy cô nên giảng dạy nhiều kiến thức thực tế và chuyên sâu hơn là những thứ cơ bản, lí thuyết

Cho học sinh đi thực hành nhiều hơn
Cải thiện phương pháp giảng dạy cho hấp dẫn hơn, đặc biệt là các môn về chính trị, tư tưởng

Thêm những môn học/kĩ năng cập nhật bên ngoài, được hỗ trợ đi thực tập ở nhiều công ty lớn, bớt những môn học lí thuyết không cần thiết.

Sắp xếp các môn học cần hợp lý hơn. Giảm thời lượng các môn lý luận cho khối nghiệp vụ. Tăng thời gian thực hành, thực tập.

Thêm nhiều bài tập mang tính thực tiễn, lý thuyết cần cập nhật nhiều hơn, thêm một số kỹ năng khác trong chương trình dạy chuyên ngành

Tập trung các môn lý thuyết, tư tưởng ở 2 năm đầu, các môn chuyên ngành nên được đi sâu hơn, học viện được giới thiệu nhiều đầu sách để đọc hơn.

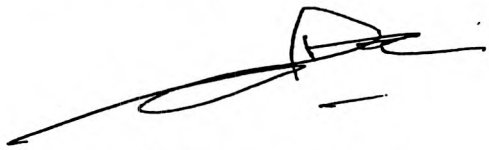
- Bổ sung thêm các chương trình học về kĩ năng thiết kế, dựng video, chụp ảnh
- Thêm các môn chuyên ngành học bằng tiếng anh
- Thêm các buổi học khảo sát thực tế tại các công ty hoạt động trong cùng ngành nghề

Giảng viên chưa thực sự nhiệt tình với sinh viên hệ thường; Các môn học chưa có tính thực tiễn cao; Thiếu các nguồn tài liệu cập nhật nhất về chuyên ngành

- Giảm bớt số lượng các môn lý luận hoặc chương trình học trong các môn.
- Các thông báo cần được tuyên truyền đến sinh viên/nghiên cứu sinh sớm hơn (không nên gần sát deadline mới thông báo).
- Các bộ môn trong suốt quá trình học nên được sắp xếp hợp lý hơn. Nhiều môn đại cương lại được sắp xếp học sau các môn chuyên ngành.

cần nâng cao tinh thần học hỏi của sinh viên, nâng cao kiến thức chuyên môn của giáo viên và thực hành nhiều hơn nữa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36 NĂM 2020

PHỤ LỤC 2

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế
Số lượng sinh viên phản hồi:67

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	3.9	0.0	0.0	22.4	61.2	16.4	77.6
2. Kiến thức chuyên ngành	4.0	0.0	0.0	16.4	65.7	17.9	83.6
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	3.9	0.0	1.5	20.9	59.7	17.9	77.6
4. Kỹ năng nghề nghiệp	3.8	0.0	3.0	22.4	68.7	6.0	74.6
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	3.9	0.0	1.5	22.4	56.7	19.4	76.1
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.8	1.5	6.0	23.9	50.7	17.9	68.7
7. Kỹ năng tin học	3.6	0.0	10.4	28.4	49.3	11.9	61.2
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.0	0.0	1.5	14.9	65.7	17.9	83.6
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.9	0.0	3.0	22.4	61.2	13.4	74.6
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	3.9	0.0	7.5	14.9	58.2	19.4	77.6
11. Kỹ năng giao tiếp	4.1	0.0	3.0	13.4	55.2	28.4	83.6
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.9	0.0	4.5	19.4	62.7	13.4	76.1
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.3	0.0	1.5	6.0	53.7	38.8	92.5
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	3.9	0.0	3.0	20.9	61.2	14.9	76.1
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.9	0.0	3.0	20.9	62.7	13.4	76.1
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.0	0.0	0.0	23.9	56.7	19.4	76.1
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	3.9	0.0	4.5	20.9	55.2	19.4	74.6
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.0	0.0	3.0	16.4	62.7	17.9	80.6
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	3.9	0.0	1.5	23.9	53.7	20.9	74.6
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.7	1.5	3.0	28.4	53.7	13.4	67.2

8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.0	0.0	6.0	17.9	49.3	26.9	76.1
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.0	0.0	6.0	13.4	58.2	22.4	80.6
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	3.6	3.0	7.5	26.9	53.7	9.0	62.7
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	3.8	0.0	7.5	20.9	56.7	14.9	71.6
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	3.7	0.0	1.5	31.3	61.2	6.0	67.2
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.0	0.0	1.5	14.9	61.2	22.4	83.6
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	3.9	0.0	4.5	20.9	53.7	20.9	74.6
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	3.9	0.0	4.5	16.4	62.7	16.4	79.1
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	3.8	1.5	4.5	20.9	58.2	14.9	73.1
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	3.9	0.0	3.0	22.4	56.7	17.9	74.6
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.0	1.5	1.5	11.9	65.7	19.4	85.1
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	3.9	0.0	4.5	14.9	62.7	17.9	80.6
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	3.8	0.0	3.0	22.4	62.7	11.9	74.6
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%.	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.0	0.0	4.5	13.4	62.7	19.4	82.1
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	3.8	0.0	6.0	17.9	62.7	13.4	76.1
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	3.9	0.0	1.5	20.9	65.7	11.9	77.6
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	3.8	3.0	6.0	13.4	64.2	13.4	77.6
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	3.9	0.0	6.0	14.9	64.2	14.9	79.1
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	3.8	1.5	4.5	17.9	61.2	14.9	76.1
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	3.8	0.0	6.0	17.9	62.7	13.4	76.1

8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	3.9	1.5	3.0	16.4	64.2	14.9	79.1
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.0	0.0	7.5	14.9	49.3	28.4	77.6
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	3.9	0.0	4.5	19.4	56.7	19.4	76.1
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.1	0.0	0.0	14.9	58.2	26.9	85.1
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	3.9	0.0	1.5	23.9	53.7	20.9	74.6
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	3.9	0.0	4.5	25.4	50.7	19.4	70.1
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	3.8	0.0	4.5	28.4	50.7	16.4	67.2
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	3.9	0.0	6.0	20.9	53.7	19.4	73.1
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	3.9	0.0	4.5	20.9	53.7	20.9	74.6
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	3.8	0.0	1.5	30.3	53.0	15.2	68.2
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	3.8	0.0	1.5	33.3	45.5	19.7	65.2
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.0	0.0	1.5	23.9	52.2	22.4	74.6
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	3.7	0.0	6.0	26.9	53.7	13.4	67.2
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.0	0.0	1.5	26.9	46.3	25.4	71.6
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.0	1.5	1.5	16.7	53.0	27.3	80.3
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	3.9	1.5	1.5	23.1	56.9	16.9	73.8

8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	3.8	0.0	1.8	29.8	52.6	15.8	68.4
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.3	1.5	1.5	7.5	46.3	43.3	89.6
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	3.9	0.0	0.0	25.4	58.2	16.4	74.6
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	3.9	1.5	0.0	22.4	56.7	19.4	76.1
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	3.7	1.5	9.0	20.9	50.7	17.9	68.7
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	3.9	0.0	7.5	13.4	65.7	13.4	79.1
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.9	0.0	1.5	20.9	62.7	14.9	77.6
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	3.7	0.0	4.5	28.4	56.7	10.4	67.2
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.9	0.0	1.5	22.4	61.2	14.9	76.1
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	3.9	0.0	1.5	19.4	65.7	13.4	79.1
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.9	0.0	0.0	23.9	59.7	16.4	76.1
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	3.8	0.0	4.5	22.4	62.7	10.4	73.1
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.8	0.0	1.5	26.9	59.7	11.9	71.6
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	3.7	0.0	6.0	22.4	62.7	9.0	71.6
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	3.9	0.0	1.5	23.9	62.7	11.9	74.6
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.1	0.0	0.0	10.4	73.1	16.4	89.6

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

được đi kiến tập nước ngoài, được học các giảng viên mời từ các cơ quan đơn vị liên quan đến lĩnh vực đang học về giảng dạy, được thực hành nhiều (tổ chức sự kiện, họp báo, thiết kế tạp chí, biên tập video, thiết kế E-magazine...)

- có các chương trình kiến tập nước ngoài, các chuyến đi thực tế trong nước
- Trau dồi ngoại ngữ tiếng anh chuyên ngành
- học hỏi được nhiều kiến thức ngoại giao và truyền thông

phát huy kỹ năng giao tiếp, sự tự tin của sinh viên qua làm việc nhóm, thuyết trình.
các môn học đa dạng cho sinh viên có sự hiểu biết rộng và giúp sv năng động, linh hoạt hơn.
có sự lựa chọn ngành nghề đa dạng

1. Đa dạng
2. Bao quát
3. Thiết thực

Nhiều cơ hội thực hành, kiến thức có tính thực nghiệm cao, môi trường học tốt

giúp sinh viên hiểu rõ quá trình tạo nên tác phẩm
giảng viên nhiệt tình và có kiến thức chuyên sâu
chương trình đào tạo hợp lí có liên quan chặt chẽ với nhau

Hình thức kiểm tra linh động phù hợp với các môn chuyên ngành. Thầy cô trong khoa trẻ trung, năng động

Chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo

- Chuyên ngành mang tính thời sự
- Được thực hành kết hợp với lý thuyết
- Chương trình học năng động, giảng viên trình độ cao và tâm lý

- kiến thức nền tốt
- thực hành thường xuyên
- có nhiều cơ hội

1. Một số môn học thực hành thú vị. Đem đến trải nghiệp thực tế hiệu quả
2. Giảng viên chuyên nghiệp, đem đến kiến thức bổ ích
3. Cách thức làm bài tập lớn là sản phẩm giúp sinh viên được làm và thực hành tận tay. Hiệu quả trong đem đến trải nghiệp thực tế cho sinh viên

1. Rèn luyện khả năng sáng tạo, tư duy tốt
2. Có tính sáng tạo
3. Rèn luyện kĩ năng cơ bản trong nghề nghiệp

Thầy cô tạo điều kiện cho sinh viên
Nhiều môn học thú vị
Các hoạt động học tập cho sinh viên tương đối phong phú

Có nhiều cơ hội thực hành, giảng viên tâm lí

Sinh viên có cái nhìn tổng quan và chuyên sâu về tất cả các lĩnh vực trong quan hệ quốc tế, trong thực tế đời sống
Chương trình đào tạo đa dạng, có thể áp dụng nhiều ngành nghề
Giúp phát triển nhiều kỹ năng mềm: thuyết trình, làm việc nhóm....

1. Có nhiều cơ hội được thực hành, áp dụng kiến thức; 2. Khả năng làm việc nhóm, khả năng thuyết trình được nâng cao; 3. Các môn học phong phú, đa dạng

1. Có nhiều cơ hội thực hành, đi thực tế, tăng trải nghiệm
2. Được trang bị kiến thức lý luận tốt
3. Được tham gia kiến tập nghiệp vụ tại nước ngoài

Thực tiễn, chuyên nghiệp, định hướng chính chị tốt

Cập nhật theo thực tế
Có khá nhiều cơ hội thực hành, luyện tập kĩ năng hoạt động nhóm
Chương trình học khá phù hợp vs hướng đi nghề nghiệp tương lai

- Phát triển kỹ năng thuyết trình
- Nâng cao kiến thức quan hệ quốc tế
- Thực hành nghiệp vụ báo chí

Thực tế, dễ dàng tiếp cận, cần thiết

1. Cập nhật liên tục
2. Tính chuyên môn và định hướng nghề nghiệp rõ ràng
3. Nhiều hoạt động thực tiễn phục vụ học tập, rèn luyện, định hướng nghề nghiệp và giải trí

thực tiễn, sáng tạo, năng động

1. Cân bằng giữa thực hành và lý thuyết
2. Giảng viên nhiệt tình
3. Các môn học có tinh thực tế cao

Được thực hành nghiệp vụ thường xuyên.
Thầy cô hỗ trợ tận tình.
Kiến thức được học khá sát với nghề nghiệp tương lai

1. Giảng viên dạy dễ hiểu và tận tâm
2. Chương trình giảng dạy bám sát với thực tiễn
3. Hoạt động ngoại khóa sôi nổi

Tính định hướng tốt - Cung cấp đủ kiến thức - Giúp sv phát triển năng lực

Kiến thức tương đối đầy đủ.
Có các chương trình ngoại khoá đa dạng
Đa dạng môn học

Thời gian chương trình 4 năm hợp lí; có nhiều cơ hội học hỏi đa ngành, Lí thuyết được xây dựng hợp lí.

Môi trường thực hành, kiến tập rất hiệu quả, các thầy cô bộ môn hầu như đều tích cực giúp đỡ sinh viên, trang bị lập trường tư tưởng chính trị vững vàng

Chương trình hay, có tính thời sự, yêu cầu kiến thức bao quát

Giảng viên trẻ, nhiệt huyết và truyền cảm hứng

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Khuyến nghị về chương trình dạy học

Mong thầy cô đưa nhiều buổi học ngoại khóa để đi tới các cơ quan đơn vị, tìm hiểu công việc thực tế về ngành mình đang học nhiều hơn. Chương trình học nên có nhiều buổi học về thiết kế tạp chí, biên tập nội dung video nhiều hơn nữa vì những môn này rất thiết thực và gây được hứng thú cho sinh viên!

em có kiến nghị nên tăng thời lượng một số môn phục vụ cho công việc của sinh viên như design,...

nên cho học các môn chuyên ngành nhiều hơn vào những năm đầu vì việc tiếp thu các kiến thức đại cương rất khó hiểu với những sinh viên mới vào trường

Thứ tự các môn học cần được sắp xếp đúng để sv dễ dàng nắm bắt. Tập trung thêm các môn chuyên ngành, mũi nhọn, tránh học dàn trải và giảm tải các môn học đại cương: triết, ktct, ...

Cập nhật giáo trình, 1 số môn học có sự chồng chéo về kiến thức cần đưa vào giảng dạy chung trong 1 kỳ

Tăng cường các môn học và phương pháp giảng dạy giúp nâng cao khả năng tự học, thực hành

Sắp xếp trình tự các môn học cần phù hợp hơn

Giảm bớt các môn học đại cương và tăng số lượng môn chuyên ngành

Thêm tiết thực hành một cách hợp lý.

Bọn em cần thực hành nhiều hơn ạ

Theo cá nhân em, thì em nghĩ nên đưa môn Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn vào chương trình của các bạn sinh viên năm nhất, nếu có thể thì là học kì 1 của năm nhất. Bởi em thấy môn học này là cần thiết phải được học trước tiên vì nhiều môn trong chương trình học cần làm tiểu luận hết môn nhưng nhiều bạn chưa nắm được phương pháp nên tiểu luận còn chưa đúng, dẫn tới điểm thấp.

Chương trình còn khá mang nặng lý thuyết, các môn học đại cương chiếm hơn nửa thời gian của quá trình học tập. Đối với riêng chuyên ngành QHCT&TTQT, một số môn chuyên ngành như truyền thông quốc tế, sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế, được đưa vào khi chưa trang bị cho sv các kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ viết báo hay sử dụng công cụ chỉnh sửa video chuyên nghiệp.

Lược giảm các môn đại cương cần thiết thay vào những môn dạy kỹ năng nhiều hơn

2.2. Khuyến nghị về công tác kiểm tra đánh giá

phần tự đánh giá của nhóm với ý thức tham gia của các thành viên trong nhóm là cơ sở để thầy cô chấm điểm một cách công bằng

Thầy cô nên nêu rõ sinh viên cần đạt được những kĩ năng gì sau mỗi môn, đặc biệt là các môn chuyên ngành

Các bài tập nhóm nên được đánh giá kỹ hơn giữa các cá nhân. Đa phần có nhận xét thái độ, kết quả làm việc của mỗi cá nhân nhưng điểm vẫn thường chung cả nhóm

Có thể rút bớt các bài kiểm tra lý thuyết thay bằng thực hành để luyện các kỹ năng như thuyết trình, giải quyết tình huống

Nên thi vấn đáp để học sinh thực sự hiểu vấn đề ạ

2.3. Khuyến nghị về cơ sở vật chất

Là sinh viên năm cuối k36 nhưng PHẢI học ở tầng 6 suốt học kỳ I dù chúng em đã đưa ra mong muốn được đổi phòng học khác ở tầng 1 nhưng không được giải quyết. Do tình hình dịch bệnh, kỳ II chúng em học online ở nhà, khi quay lại đã được sắp xếp để học ở tầng 1 nhưng đó lại là buổi học cuối của chúng em! Học viện nên giải quyết vấn đề này nhanh và sớm hơn mới phải! Phòng ở khu B1 ánh sáng không tốt lắm và thiết bị loa đài, máy chiếu ở khu này đã cũ và đôi khi gây bất tiện cho việc học và thuyết trình. Lúc học tin học ở trường để thi lấy bằng tin học CĐR thì trường lại sắp xếp cho chúng em học trong tòa B11 đang sửa chữa và phải đi qua rất nhiều dàn giáo nguy hiểm! Khu nhà B5 là khu chúng em thường xuyên thi học kỳ ở đây và chất lượng loa rất tệ, thậm chí thi tiếng Anh chúng em phải thi nghe bằng loa máy tính, do vậy kết quả bài thi đó sẽ bất lợi với các bạn ngồi cuối! Em tin rằng Học viện rất quan tâm và lắng nghe những khó khăn của sinh viên, chúng em cũng thông cảm phần nào với Học viện. Tuy nhiên, điều khá buồn là khi chúng em ra trường sẽ không được hưởng những điều kiện học tập tốt hơn mà Học viện cải thiện lại nữa!

nên mở cửa thư viện cả trưa và đến 9h tối để nâng cao việc tự học, đọc sách của sinh viên

Học viện nên nghiêm cấm sinh viên hút thuốc trong căng tin và gạt tàn bừa bãi

Cập nhật thêm các số lượng đầu sách mới

Em có kiến nghị kiểm tra chất lượng loa, mic nhiều hơn để đảm bảo chất lượng buổi học

Cải tiến các thiết bị âm thanh trong phòng học, tối thiểu là trong phục vụ các bài kỳ thi Tiếng Anh

Chúng em cần wifi khoẻ =))

Cần cải thiện nhà vệ sinh. Nâng cấp máy chiếu và mạng wifi

Các thiết bị như máy chiếu, micro, loa tại nhiều phòng học tuy có nhưng chất lượng không đảm bảo, đặc biệt là loa. Nỗi sợ lớn nhất với sinh viên mỗi khi kiểm tra hay thi chính là bài nghe tiếng Anh. Em mong nhà trường có thể cải thiện vấn đề này vì có nhiều bạn không thể qua được bài thi nghe tiếng Anh vì chất lượng âm thanh quá kém và việc tiến hành kiểm tra nghe đồng thời nhiều phòng học cùng lúc khiến các bạn khó tập trung.

Nhà trường nên lắp thêm quạt và điều hòa.

2.4. Khuyến nghị về phương pháp dạy học

Những môn lý thuyết thường rất khó và khô khan, do vậy cả người dạy và người học đều phải hợp tác và cùng nhau cố gắng để nắm vững các môn học một cách tốt nhất. Thầy cô cũng nên có tâm lý thoải mái khi dạy một chút, sinh viên cũng đỡ căng thẳng. Thuyết trình và thảo luận nhóm vẫn là phương pháp dạy học khá hiệu quả.

Các giảng viên nên đưa ra những sản phẩm do chính mình nghiên cứu, sản xuất,...để minh hoạ chi tiết hơn cho bài giảng, giúp sinh viên có cái nhìn rõ ràng hơn về môn học, tránh việc đơn thuần tiếp thu kiến thức lý thuyết ạ

Em mong giảng viên trường mình có thể tiếp cận các phương pháp giảng dạy hiện đại hơn, kết hợp nhiều phương pháp chứ không đơn thuần chỉ là giảng - nghe - trả lời câu hỏi.

2.5. Khuyến nghị về chất lượng hỗ trợ đào tạo

Bảo vệ không nên cho người ngoài tuỳ ý ra vào học viện

Chưa có các hoạt động hỗ trợ định hướng nghề nghiệp

Một số thủ tục về việc đăng ký môn học chưa thực sự rõ ràng với sinh viên

Cập nhật lịch thi nhanh chóng và kịp thời hơn

2.6. Khuyến nghị chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị chung về CTĐT

Được thực hành nhiều hơn nữa; Các môn tiếng Anh chuyên ngành nên thay đổi hình thức học (xen kẽ lý thuyết và thực hành) và tăng cơ hội giao tiếp bằng tiếng Anh nhiều hơn cho sinh viên quen và sử dụng tiếng Anh linh hoạt; Một số môn học nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành có thể học từ năm nhất để làm quen dần và có nhiều thời gian học hơn để thành thạo

- Nên giảm thời lượng học tin học cơ sở mà thay vào đó là các môn học thiết thực hơn như thiết kế, dựng video...
- Giảm tiếng anh nghe nói đọc viết chuyên ngành mà thay bằng biên dịch tiếng anh.
- Ngoài đào tạo bằng tiếng anh, thì có tiếng trung chuyên ngành cho sinh viên lựa chọn.

không nên học buổi sáng lúc 7h vì thời gian đó là quá sớm. nên bắt đầu học từ 7 rưỡi là hợp lý
cắt bớt thời gian học 1 buổi là 5 tiết vì học nhiều quá k có hiệu quả

Các thầy cô nên thân thiết hơn vs SV để hiểu rõ thực lực, mong muốn cũng như sự tiến bộ của sinh viên. Có các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

Thực hành nhiều hơn
Được hướng dẫn thực hành nhiều hơn
Nhận xét, đánh giá nhiều hơn

1. Sắp xếp thời gian thi và thực tập chưa hợp lý. Nghỉ quá lâu và thi học kỳ 1 quá muộn. Thực tập quá sớm, làm bỏ giờ nhiều cơ hội cho sv.

2. Môn tiếng anh chuyên ngành chưa thực sự thú vị, ko thực tế.

3. Được học nhiều. Cái gì cũng biết nhưng không sâu.

Có thêm các buổi thực hành
Có các buổi hướng nghiệp cho sinh viên
Giảm việc kiểm tra tự luận

Sắp xếp lại lịch học cho phù hợp (ví dụ như đi thực tập sau khi học hết chương trình,...)
Có các kế hoạch kiến tập hiệu quả và chu đáo hơn
Đào tạo tập trung hơn về các môn học có thể áp dụng thực tế

1. Việc sắp xếp trình tự các môn học có một số môn chưa được hợp lý lắm; 2. Một số môn học có nền tảng khá giống nhau, có thể gộp lại để tránh việc lặp lại kiến thức nhiều lần; 3. Các lý thuyết nên dạy kỹ hơn trước khi làm bài thực hành.

Phát triển cơ sở vật chất. Đặc biệt là nhà vệ sinh công cộng
Giáo viên nên mở rộng phạm vi nghiên nghiên cứu xung quanh môn học
Cập nhật những kiến thức mới

- Tăng cường sử dụng tiếng Anh trong chương trình dạy học (vd: yêu cầu sinh viên viết các bài phân tích bằng tiếng Anh)
- Tăng cường tổ chức các hoạt động tranh luận/tranh biện trên lớp
- Dạy môn tư duy phản biện (critical thinking)

1. Cố vấn học tập nên thân thiết với sinh viên hơn
2. Cần nhiều thời gian cho sinh viên thực hành
3. Hết

Cơ sở vật chất (máy chiếu, loa) cần được cải thiện

1. Tăng cường các hoạt động ngoại khóa
2. Tăng cường các tiết học thực hành để sinh viên có thể áp dụng lý thuyết
3. Trường nên có wifi mạnh hơn để phục vụ học tập của sinh viên

Nhiều môn thực hành hơn - hình thức dạy học phong phú hơn

Thêm thực hành
Thêm các môn học về chuyên ngành ngoại giao
Tránh nhiều môn gần giống nhau

Tự do đăng kia tín chỉ học phần, phát triển thêm các hình thức thực hành để tạo điều kiện nghiên cứu, không quá cứng nhắc trong việc thi lí thuyết mà nên sử dụng bài tập thực hành, thực tế để đánh giá kết quả học

Bổ sung dạy nhiều kĩ năng tin học chuyên sâu về truyền thông, giảm tải chương trình các môn học đại cương, website trường nên bổ sung phần lưu lại bài giảng (lecture recording)

Tăng cường các môn chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp nhiều hơn

Nên áp dụng công nghệ, thực tiễn và giảm tải lý thuyết

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Quản lý nhà nước
Số lượng sinh viên phản hồi: 54

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.1	1.9	0.0	18.5	48.1	31.5	79.6
2. Kiến thức chuyên ngành	4.1	1.9	0.0	14.8	53.7	29.6	83.3
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.1	1.9	0.0	14.8	51.9	31.5	83.3
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.0	0.0	0.0	25.9	48.1	25.9	74.1
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.1	1.9	0.0	11.1	57.4	29.6	87.0
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.7	1.9	3.7	35.2	42.6	16.7	59.3
7. Kỹ năng tin học	4.0	1.9	0.0	20.4	55.6	22.2	77.8
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.2	1.9	0.0	9.3	55.6	33.3	88.9
9. Kỹ năng tư duy phản biện	4.2	0.0	0.0	13.0	53.7	33.3	87.0
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.3	0.0	0.0	7.4	59.3	33.3	92.6
11. Kỹ năng giao tiếp	4.2	1.9	0.0	13.0	50.0	35.2	85.2
12. Kỹ năng lãnh đạo	4.2	0.0	0.0	14.8	51.9	33.3	85.2
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.3	0.0	0.0	14.8	44.4	40.7	85.2
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.1	1.9	0.0	18.5	50.0	29.6	79.6
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.0	1.9	0.0	24.1	44.4	29.6	74.1
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.1	1.9	0.0	18.5	46.3	33.3	79.6
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.1	0.0	0.0	25.9	40.7	33.3	74.1
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.1	1.9	0.0	18.5	44.4	35.2	79.6
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.1	1.9	0.0	16.7	50.0	31.5	81.5
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	4.0	1.9	0.0	20.4	50.0	27.8	77.8

8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.0	0.0	0.0	25.9	44.4	29.6	74.1
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.2	0.0	0.0	13.0	51.9	35.2	87.0
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.1	0.0	0.0	22.2	44.4	33.3	77.8
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.0	0.0	0.0	31.5	37.0	31.5	68.5
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.0	0.0	1.9	25.9	42.6	29.6	72.2
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.0	0.0	1.9	29.6	35.2	33.3	68.5
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.1	0.0	0.0	24.1	46.3	29.6	75.9
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.1	0.0	0.0	20.4	48.1	31.5	79.6
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.0	0.0	0.0	33.3	35.2	31.5	66.7
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.0	0.0	1.9	27.8	37.0	33.3	70.4
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.2	0.0	0.0	18.5	46.3	35.2	81.5
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.1	0.0	0.0	24.1	46.3	29.6	75.9
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	3.9	0.0	1.9	31.5	37.0	29.6	66.7
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.2	0.0	0.0	14.8	51.9	33.3	85.2
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.2	0.0	0.0	18.5	44.4	37.0	81.5
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.2	0.0	0.0	14.8	48.1	37.0	85.2
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.1	0.0	0.0	22.2	50.0	27.8	77.8
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.1	0.0	0.0	18.5	53.7	27.8	81.5
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.0	0.0	0.0	27.8	44.4	27.8	72.2
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.1	0.0	0.0	18.5	48.1	33.3	81.5

8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.1	0.0	1.9	16.7	46.3	35.2	81.5
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.2	0.0	1.9	13.0	50.0	35.2	85.2
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.2	0.0	0.0	16.7	42.6	40.7	83.3
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.2	0.0	1.9	20.4	31.5	46.3	77.8
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.1	0.0	0.0	16.7	53.7	29.6	83.3
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.1	0.0	1.9	16.7	50.0	31.5	81.5
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.1	0.0	1.9	13.0	55.6	29.6	85.2
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.1	0.0	1.9	20.4	46.3	31.5	77.8
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.1	0.0	0.0	24.1	44.4	31.5	75.9
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.1	0.0	1.9	22.2	44.4	31.5	75.9
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.1	0.0	1.9	11.1	57.4	29.6	87.0
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.1	0.0	1.9	9.3	61.1	27.8	88.9
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.1	1.9	0.0	14.8	48.1	35.2	83.3
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.2	0.0	1.9	11.1	55.6	31.5	87.0
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.3	0.0	0.0	13.0	48.1	38.9	87.0
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.0	0.0	0.0	20.4	55.6	24.1	79.6
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.2	0.0	0.0	14.8	53.7	31.5	85.2

9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.3	0.0	0.0	11.1	46.3	42.6	88.9
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.1	0.0	0.0	18.5	48.1	33.3	81.5
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.1	1.9	0.0	18.5	44.4	35.2	79.6
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	3.9	1.9	3.7	20.4	50.0	24.1	74.1
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.2	0.0	1.9	9.3	59.3	29.6	88.9
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	0.0	0.0	13.0	55.6	31.5	87.0
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.0	0.0	1.9	22.2	51.9	24.1	75.9
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.0	0.0	3.7	22.2	48.1	25.9	74.1
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.1	0.0	0.0	22.2	46.3	31.5	77.8
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	22.2	42.6	35.2	77.8
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.1	0.0	0.0	18.5	50.0	31.5	81.5
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	20.4	48.1	31.5	79.6
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.1	0.0	0.0	18.5	53.7	27.8	81.5
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	1.9	14.8	51.9	31.5	83.3
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.1	0.0	0.0	9.3	68.5	22.2	90.7

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

Kiến thức rộng, tốt
Cơ hội việc làm rộng

Lý luận và thực tiễn đan xen; đội ngũ giáo viên giảng dạy tốt; trang thiết bị học tập hiện đại

Nhiều kiến thức xã hội
Kiến thức phổ cập chuyên sâu
Gắn liền với chính trị, pháp luật nhà nước

Dễ hiểu, chuyên nghiệp, rõ ràng

rõ ràng, khoa học, thực tiễn

Môn học đa dạng, kiến thức phong phú, vừa thuận lợi phục vụ cho công việc, vừa sử dụng được trong đời sống xã hội hàng ngày.

chương trình đào tạo đúng nội dung, đầy đủ về chuyên môn

- Chương trình xây dựng được khối lý thuyết chặt chẽ hợp lý về chuyên ngành
- Việc đào tạo của chuyên ngành vô cùng nghiêm túc, đảm bảo kiến thức người học
- Các môn chuyên ngành phù hợp với chuẩn đầu ra của người học

Thông tin kiến thức phù hợp, sát thực tế , tăng năng sáng tạo

Sự chuyên nghiệp, tận tình trong giảng dạy của các giảng viên
Học phí phù hợp với sinh viên, cơ sở vật chất tốt, đào tạo bài bản
Kiến thức của thầy cô rất chuẩn, phương pháp dạy phong phú

Chất lượng
Hiện đại
Khoa học

Giúp quản lý tốt
Thêm kiến thức mới bổ ích
Chương trình đào tạo bổ ích

Chính xác nghiêm khắc

Hay, thú vị, phù hợp với bản thân

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Khuyến nghị về chương trình dạy học

Cá nhân sinh viên mong nhà trường có những chính sách, quyết định phù hợp. Chính sách cần có thông báo trước để sinh viên kịp thời ứng phó và chuẩn bị để không gây ảnh hưởng đến công việc học tập các môn học cũng như việc đến lớp.

Chương trình dạy học cần kết hợp với thực hành nhiều hơn

Có định hướng công việc rõ ràng trước khi lên chương trình đào tạo

2.2. Khuyến nghị về công tác kiểm tra đánh giá

2.3. Khuyến nghị về cơ sở vật chất

Hy vọng nhà trường cải tiến và nâng cấp chất lượng wifi phục vụ việc tìm kiếm tài liệu trên lớp. Nhất là khi học tập tại dãy B5 B6 việc dùng wifi gần như là không có ạ.

Cần có khu chức năng phục vụ công tác thể dục

2.4. Khuyến nghị về phương pháp dạy học

2.5. Khuyến nghị về chất lượng hỗ trợ đào tạo

2.6. Khuyến nghị chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị chung về CTĐT

vấn đề mạng online yếu

Cải cách đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo

Tăng thêm nhiều hoạt động thực tế
Giảm số tiết lý thuyết thay vào đó là thực hành ứng dụng
Tổ chức thêm nhiều hoạt động ngoại khoá

Cần kịp thời cập nhật giáo trình thống nhất cho sinh viên.
Thay thế những môn học không còn cần thiết với đời sống hiện đại bằng môn học cần thiết hơn.
Cần tạo điều kiện nhiều hơn trong hõ tập và thi cử.

theo e nên lược bỏ bớt những phần nội dung về lý thuyết, đẩy mạnh việc thực hành, nghiên cứu bài theo nhóm, bài tập nên giao có nội dung vừa phải, không dài quá gây nhàm chán cũng không nên ngắn quá. phần bài tập nào có thể làm online nên cho sinh viên làm rồi gửi file qua gmail sẽ thuận tiện hơn.

- Cần kết hợp thực hành nhiều hơn vì còn nặng lý thuyết
- Hình thức thi cần đa dạng hơn nữa
- Các môn đại cương đôi khi còn nặng nề

thiết bị cho công tác học tập cần trang bị đầy đủ hơn

E mong thầy cô có thể tạo điều kiện cho sinh viên nhiều hơn trong học tập về điểm số (tránh trường hợp cho sinh viên điểm theo ngẫu nhiên, nhiều bạn hăng hái trong học tập sẽ bị thiệt ạ)
Việc thông báo tới sinh viên về thi hoặc là nộp tiểu luận cần thông báo sớm cho sinh viên để sinh viên kịp chuẩn bị(đặc biệt là mùa covid-19 này ạ)
Trường cần định hướng, và giới thiệu việc làm cho sinh viên mới ra trường để sinh viên k có bỡ ngỡ khi mới ra trường qua đó chất lượng đào tạo của trường cũng được đẩy lên ạ

Nâng cấp cơ sở vật chất
Nâng cao chất lượng giảng viên
Có chương trình hướng nghiệp riêng cho mỗi chuyên ngành.

Cải cách giáo trình, giảng viên hỗ trợ sinh viên hơn nữa, hỗ trợ sinh viên sáng tạo nghiên cứu

Thực hành nhiều hơn
Giáo trình xuất bản nhiều hơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36 NĂM 2020

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Triết học
Số lượng sinh viên phản hồi: 29

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.4	0.0	0.0	3.4	51.7	44.8	96.6
2. Kiến thức chuyên ngành	4.4	0.0	0.0	0.0	62.1	37.9	100.0
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.3	0.0	0.0	6.9	55.2	37.9	93.1
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.0	0.0	3.4	17.2	51.7	27.6	79.3
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.0	0.0	3.4	13.8	58.6	24.1	82.8
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.4	3.4	6.9	48.3	31.0	10.3	41.4
7. Kỹ năng tin học	3.8	0.0	0.0	34.5	51.7	13.8	65.5
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.1	0.0	0.0	10.3	65.5	24.1	89.7
9. Kỹ năng tư duy phản biện	4.3	0.0	0.0	13.8	41.4	44.8	86.2
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.1	0.0	0.0	13.8	62.1	24.1	86.2
11. Kỹ năng giao tiếp	4.2	0.0	3.4	3.4	62.1	31.0	93.1
12. Kỹ năng lãnh đạo	4.2	0.0	3.4	6.9	55.2	34.5	89.7
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.2	0.0	0.0	13.8	48.3	37.9	86.2
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.3	0.0	0.0	10.3	51.7	37.9	89.7
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.2	0.0	3.4	10.3	51.7	34.5	86.2
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.2	0.0	0.0	13.8	51.7	34.5	86.2
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.2	0.0	0.0	13.8	48.3	37.9	86.2
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	6.9	51.7	41.4	93.1
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.3	0.0	3.4	10.3	41.4	44.8	86.2
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	4.2	0.0	0.0	13.8	48.3	37.9	86.2
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.1	0.0	0.0	31.0	31.0	37.9	69.0

III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	3.4	58.6	37.9	96.6
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.3	0.0	0.0	10.3	51.7	37.9	89.7
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.2	0.0	0.0	13.8	51.7	34.5	86.2
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.2	0.0	0.0	10.3	55.2	34.5	89.7
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.3	0.0	0.0	6.9	58.6	34.5	93.1
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.3	0.0	0.0	3.4	65.5	31.0	96.6
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.2	0.0	0.0	13.8	55.2	31.0	86.2
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.2	0.0	0.0	13.8	51.7	34.5	86.2
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.2	0.0	0.0	6.9	65.5	27.6	93.1
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.3	0.0	0.0	3.4	62.1	34.5	96.6
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.2	0.0	0.0	6.9	62.1	31.0	93.1
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.3	0.0	0.0	6.9	58.6	34.5	93.1
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.5	0.0	0.0	3.4	44.8	51.7	96.6
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	4.4	0.0	0.0	6.9	41.4	51.7	93.1
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.4	0.0	0.0	6.9	48.3	44.8	93.1
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.4	0.0	0.0	10.3	37.9	51.7	89.7
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.4	0.0	0.0	6.9	48.3	44.8	93.1
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.2	0.0	6.9	3.4	48.3	41.4	89.7
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.2	0.0	6.9	10.3	37.9	44.8	82.8

8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.3	0.0	0.0	17.2	34.5	48.3	82.8
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.2	0.0	3.4	13.8	44.8	37.9	82.8
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.4	0.0	0.0	6.9	41.4	51.7	93.1
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.5	0.0	0.0	3.4	44.8	51.7	96.6
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.4	0.0	0.0	3.4	55.2	41.4	96.6
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.3	0.0	0.0	10.3	48.3	41.4	89.7
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.3	0.0	0.0	13.8	41.4	44.8	86.2
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.3	0.0	0.0	13.8	41.4	44.8	86.2
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.3	0.0	0.0	10.3	48.3	41.4	89.7
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.4	0.0	0.0	3.4	48.3	48.3	96.6
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.3	0.0	3.4	13.8	31.0	51.7	82.8
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.3	0.0	0.0	6.9	51.7	41.4	93.1
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.4	0.0	3.4	3.4	41.4	51.7	93.1
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.4	0.0	0.0	6.9	48.3	44.8	93.1
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.4	0.0	0.0	6.9	48.3	44.8	93.1
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.3	0.0	0.0	17.2	37.9	44.8	82.8

8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.3	0.0	0.0	13.8	44.8	41.4	86.2
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.4	0.0	0.0	10.3	37.9	51.7	89.7
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.1	0.0	3.4	17.2	41.4	37.9	79.3
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.1	0.0	3.4	20.7	37.9	37.9	75.9
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.2	0.0	0.0	13.8	51.7	34.5	86.2
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.1	0.0	0.0	27.6	31.0	41.4	72.4
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	0.0	0.0	20.7	41.4	37.9	79.3
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.0	0.0	0.0	20.7	58.6	20.7	79.3
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	0.0	0.0	10.3	55.2	34.5	89.7
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.4	0.0	0.0	17.2	27.6	55.2	82.8
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	10.3	41.4	48.3	89.7
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.2	0.0	3.4	13.8	41.4	41.4	82.8
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.0	0.0	6.9	55.2	37.9	93.1
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.4	0.0	0.0	10.3	41.4	48.3	89.7
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	10.3	37.9	51.7	89.7
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.4	0.0	0.0	0.0	62.1	37.9	100.0

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

1. Giúp phát triển tư duy phản biện tốt
2. Có kiến thức nền tảng tốt
3. Thay đổi bản thân theo hướng tích cực

Có kiến thức chuyên sâu về triết học Mác-Lênin, bồi dưỡng tri thức lý luận và rèn luyện các tri thức phẩm chất cần có của người giảng viên.

Thứ nhất, đây là ngành học quan trọng giúp đào tạo ra những giảng viên, cán bộ hiểu và nắm bắt được nguồn gốc tư tưởng của Đảng.
Thứ hai, ngành học giúp cho học sinh, sinh viên hiểu sâu hơn được hệ thống lí luận, cơ sở đường lối của Đảng.
Thứ 3 là chương trình đào tạo chuyên sâu, giúp người học nắm chắc và hiểu sâu hơn kiến thức

- sinh viên được học tập trong môi trường năng động, sáng tạo.
- các thầy cô nhiệt tình, kỹ năng giảng dạy tốt, kiến thức rộng.
- môn học bổ trợ tốt cho việc làm nghề sau này.

Định hướng rõ ràng cho sinh viên
Cung cấp kiến thức chuyên ngành phù hợp
Đáp ứng đầy đủ nguyện vọng của sinh viên

Kiến thức chính trị - xã hội sâu sắc
Rèn luyện kỹ năng tư duy tốt
Kiến thức chuyên ngành hay

Rèn luyện kỹ năng tư duy, cơ hội việc làm mở rộng, lập luận logic, sắc bén hơn

Được giác ngộ lý tưởng sớm, được tiếp xúc với đội ngũ thầy cô nhiệt tình bạn bè năng động, có kiến thức nhiều hơn không chỉ về chuyên môn mà còn là kĩ năng sống

Hiệu quả
Khoa học
Thực tiễn

-triết học cung cấp cho con người năng lực tư duy trừu tượng trong hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới.
-triết học là khoa học cung cấp nội dung những tri thức triết học
- tư duy con người có thể tạo ra một trí tưởng tượng tích cực trong hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới.

Thứ nhất, chương trình đào tạo của khoa triết giúp sinh viên rèn luyện được tư duy phản biện tốt, tư duy logic và giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả.
Thứ hai, khoa Triết học có đội ngũ các thầy cô giảng viên có kiến thức sâu rộng, đặc biệt là vô cùng tâm huyết, thân thiện và nhiệt tình. Điều này giúp sinh viên có thể tự tin và thoải mái trao đổi tất cả các thắc mắc cũng như những vấn đề khó khăn trong cuộc sống.
Thứ ba, các bộ môn học theo chương trình của khoa có sự logic với nhau trong suốt quá trình học từ năm nhất đến năm cuối nên rất thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.
Thứ tư, khoa Triết học cũng tổ chức rất nhiều các cuộc thi tìm hiểu về triết học như nghiên cứu đề tài khoa học, olympic triết học,... giúp sinh viên có môi trường thể hiện tài năng của bản thân, qua đó cũng là điều kiện giúp các bạn trong khoa cũng như ngoài khoa hiểu rõ hơn về khoa Triết học, về các kiến thức triết học và quy tụ các bạn yêu triết học về tham gia với chương trình.
Thứ năm, nội dung chương trình học rất sát với thực tế, cách triển khai các nội dung học của các thầy cô làm cho môn Triết học Mác Lênin không hề khô khan mà ngược lại rất gần gũi, dễ hiểu.

Đào tào nền tảng kiến thức triết học Mác-Lê nin
Hướng sinh viên đến đúng mục đích nghề nghiệp của mình
Lý luận đi với thực tiễn, có liên hệ gắn với bài học

Nền tảng chính trị tốt, phán đoán tư duy nhay bén, tư duy lãnh đạo cao

- Giúp sinh viên có được kiến thức nền tảng cũng như đi sâu vào kiến thức chuyên ngành của ngành học
- Phát triển được tư duy, logic
- Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tiễn đời sống

1. Giúp sinh viên có tư duy phản biện tốt
2. Cung cấp đầy đủ kiến thức chuyên ngành
3. Giảng viên với kiến thức sâu rộng mang lại một khoá học hiệu quả về mặt kiến thức

Rèn luyện được kĩ năng giảng dạy, có kiến thức vững vàng về chủ nghĩa Mac- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao kĩ năng giao tiếp

tư duy sáng tạo, môi trường năng động, ý thức kỷ luật cao

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Cho sinh viên tự thực hành nhiều hơn ạ

Nên có đồ hoạ nhiều hơn

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Ra đề mở không đóng khung, bó hẹp tư duy của sinh viên

2.3. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Em mong các thầy cô tạo điều kiện cho chúng em được kiến tập/ thực tập lâu hơn để có thêm thời gian rèn luyện thực tế ạ.

Thay những bộ bàn ghế đã quá cũ, cải thiện mic ở 1 số tòa như B1, B8, B9...

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

Thực hành nhiều hơn ạ

Đề nghị 1 số giảng viên giảng dạy tích cực hơn, tránh chiếu slide rồi nói cho xong giờ giảng

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

Càng nhanh gọn càng tốt

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Các môn học đều cần đưa ra ví dụ sát với thực tiễn
2. Slide còn nhiều chữ
3. Sv cần phải đc hướng dẫn tự học nhiều hơn

Cần có nhiều đợt đi thực tế nghề nghiệp nhiều hơn cho sinh viên, cần có những tiết thực hành đan xen với lý thuyết để sinh viên đỡ nhàm chán và phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên

Thứ nhất, cần kết hợp nhiều phương pháp trong giảng dạy để bài giảng có sự sáng tạo giúp sinh viên hiểu bài hơn
Thứ hai là, phải kích thích được khả năng tư duy của sinh viên, để sinh viên tự tìm hiểu, tư duy
Thứ 3, cần bổ sung thêm các phương tiện dạy học để giúp sinh viên k bị nhàm chán và hiểu bài hơn

- lịch thi còn làm cho sinh viên hoang mang.

Đầu tiên nên tạo tâm lý thoải mái và phổ biến toàn chương trình cho sinh viên năm vững. Khi sinh viên đã có nền tảng kiến thức kỹ năng cơ bản(khoảng năm 3 trở đi) nên để sinh viên thực hành phản biện, xây dựng kỹ năng phân tích và tìm hiểu sâu sắc để sv nắm chắc vấn đề, đồng thời phát huy tính sáng tạo, chủ động. Tránh tuyệt đối hiệu ứng kỳ vọng giáo viên.

Cho sinh viên thoải mái lựa chọn đề tài khi làm bt hay tiểu luận mà vẫn nằm trong khung chương trình, nếu các b sv đủ năng lực có thể cho các b kết thúc sớm chương trình học như dự kiến sau khi tích lũy đủ tín chỉ(k phải chờ các b cùng lớp rồi mới nhận bằng), giảng viên các môn lý luận cần tích cực thay đổi phương pháp giảng dạy tránh gây nhàm chán

Nên vận dụng thực tiễn vào bài học nhiều hơn để tạo sự phong phú cho bài học
Không nên cứng nhắc, đơn điệu
Tạo sự thiện cảm, gần gũi cho sinh viên đối với môn học

- cần có nhiều buổi thực hành hơn
- sử dụng video phim ảnh vào tiết học
- tham quan thực tế

Thứ nhất, nên khuyến khích sinh viên tự nghiên cứu trước các nội dung bài mới, có thể đưa ra các nội dung chính để sinh viên tìm hiểu theo các nội dung đó hoặc ngược lại.
Thứ hai, vì các môn triết học Mác Lênin đòi hỏi khả năng tư duy nên trong quá trình học, các thầy cô nên cho sinh viên có thời gian nghỉ giữa giờ lâu hơn một chút hoặc chơi các mini game để thay đổi không khí lớp học (tất nhiên các nội dung mini game đều xoay quanh các chủ đề triết học),...
Thứ ba, nên dành nhiều thời gian cho các buổi thực hành, đó vừa để sinh viên củng cố kiến thức vừa là điều kiện giúp sinh viên phát triển các kĩ năng mềm.
Thứ tư, trong quá trình trao đổi, giảng viên nên khai thác kĩ các nội dung trong câu trả lời của sinh viên, tránh gây tâm lý sợ sệt, xấu hổ vì câu trả lời sai. Ngược lại, hãy tạo tâm lý thoải mái trong mỗi câu trả lời của sinh viên cho dù câu trả lời đó đúng hay sai.

Đưa nhiều thực tiễn vào quá trình học hơn, thêm nhiều kỹ năng cho sinh viên hơn, thêm nhiều buổi thảo luận hơn

- Kết hợp sử dụng nhiều phương pháp trong giảng dạy để đạt được kết quả cao hơn
- Giảng viên nên tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều buổi ngoại khoá, tìm hiểu thực tiễn
- Tạo hứng thú hơn cho sinh viên bằng xây dựng các video, hình ảnh thực tiễn trong bài giảng

1. Nên để những môn nhiều tín chỉ, nặng học vào năm 3,4 chứ không phải năm 1,2
2. Có nhiều giờ thực hành và đi thực tế nhiều hơn
3. Chương trình học quân sự nếu có thể thì hãy rút ngắn lại ít học phần hơn.

Sử dụng nhiều công cụ hỗ trợ bằng công nghệ, giao tiếp giữa giao viên và sinh viên nhiều hơn, thay đổi hình thức thi sang vấn đáp nhiều hơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Xây dựng Đảng
Số lượng sinh viên phản hồi: 42

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.2	0.0	0.0	9.5	57.1	33.3	90.5
2. Kiến thức chuyên ngành	4.3	0.0	0.0	7.1	54.8	38.1	92.9
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.2	0.0	2.4	7.1	54.8	35.7	90.5
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.2	0.0	2.4	7.1	59.5	31.0	90.5
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.1	0.0	0.0	19.0	47.6	33.3	81.0
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.7	0.0	9.5	28.6	45.2	16.7	61.9
7. Kỹ năng tin học	3.9	0.0	7.1	14.3	57.1	21.4	78.6
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.1	0.0	2.4	16.7	50.0	31.0	81.0
9. Kỹ năng tư duy phản biện	4.1	0.0	0.0	16.7	57.1	26.2	83.3
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.0	0.0	2.4	21.4	54.8	21.4	76.2
11. Kỹ năng giao tiếp	4.2	0.0	0.0	14.3	50.0	35.7	85.7
12. Kỹ năng lãnh đạo	4.0	0.0	2.4	14.3	59.5	23.8	83.3
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.3	0.0	2.4	7.1	52.4	38.1	90.5
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.3	0.0	2.4	9.5	47.6	40.5	88.1
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.2	0.0	0.0	14.3	47.6	38.1	85.7
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.3	0.0	0.0	4.8	59.5	35.7	95.2
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.2	0.0	0.0	4.8	66.7	28.6	95.2
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	4.8	2.4	52.4	40.5	92.9
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.3	0.0	0.0	9.5	50.0	40.5	90.5
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	4.0	0.0	4.8	9.5	61.9	23.8	85.7
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.1	2.4	4.8	7.1	54.8	31.0	85.7
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%

1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	14.3	42.9	42.9	85.7
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.2	0.0	0.0	16.7	42.9	40.5	83.3
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.1	0.0	0.0	26.2	35.7	38.1	73.8
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.2	0.0	0.0	9.5	61.9	28.6	90.5
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.2	0.0	0.0	9.5	57.1	33.3	90.5
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.4	0.0	0.0	2.4	52.4	45.2	97.6
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.3	0.0	0.0	9.5	52.4	38.1	90.5
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.3	0.0	0.0	9.5	54.8	35.7	90.5
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.2	2.4	0.0	11.9	42.9	42.9	85.7
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.3	0.0	0.0	4.8	57.1	38.1	95.2
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.2	0.0	2.4	9.5	50.0	38.1	88.1
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.3	0.0	2.4	2.4	54.8	40.5	95.2
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.5	0.0	0.0	2.4	50.0	47.6	97.6
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv…	4.4	0.0	0.0	2.4	52.4	45.2	97.6
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu…)	4.5	0.0	0.0	2.4	47.6	50.0	97.6
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.3	0.0	0.0	11.9	47.6	40.5	88.1
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.3	0.0	0.0	7.1	57.1	35.7	92.9
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.1	0.0	2.4	14.3	54.8	28.6	83.3
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.4	0.0	0.0	7.1	50.0	42.9	92.9
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.5	0.0	0.0	7.1	38.1	54.8	92.9

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.3	0.0	0.0	11.9	47.6	40.5	88.1
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.3	0.0	0.0	7.1	52.4	40.5	92.9
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.5	0.0	0.0	4.8	40.5	54.8	95.2
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.4	0.0	0.0	7.1	47.6	45.2	92.9
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.2	0.0	0.0	11.9	52.4	35.7	88.1
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.3	0.0	0.0	7.1	54.8	38.1	92.9
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.2	0.0	0.0	14.3	54.8	31.0	85.7
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.2	0.0	0.0	19.0	42.9	38.1	81.0
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.4	0.0	2.4	9.5	38.1	50.0	88.1
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.3	0.0	0.0	9.5	47.6	42.9	90.5
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.3	0.0	0.0	7.1	52.4	40.5	92.9
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.1	2.4	2.4	16.7	38.1	40.5	78.6
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.4	0.0	2.4	4.8	45.2	47.6	92.9
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.2	0.0	2.4	14.3	40.5	42.9	83.3
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.2	0.0	0.0	14.3	50.0	35.7	85.7
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.3	0.0	0.0	9.5	50.0	40.5	90.5
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.3	0.0	0.0	11.9	42.9	45.2	88.1

10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.3	0.0	2.4	7.1	47.6	42.9	90.5
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.3	2.4	0.0	9.5	40.5	47.6	88.1
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.2	0.0	2.4	14.3	42.9	40.5	83.3
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.3	0.0	2.4	4.8	50.0	42.9	92.9
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	9.5	42.9	47.6	90.5
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.2	0.0	0.0	11.9	57.1	31.0	88.1
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	4.8	47.6	47.6	95.2
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.4	0.0	0.0	7.1	45.2	47.6	92.9
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	2.4	52.4	45.2	97.6
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.3	0.0	2.4	7.1	45.2	45.2	90.5
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.0	2.4	7.1	45.2	45.2	90.5
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.4	0.0	0.0	9.5	45.2	45.2	90.5
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	0.0	0.0	7.1	50.0	42.9	92.9
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.3	0.0	2.4	7.1	45.2	45.2	90.5

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

1. Kỹ năng giao tiếp tiến bộ
2. Kỹ năng thuyết trình tiến bộ
3. Kỹ năng làm việc nhóm tiến bộ

Chương trình đào tạo phù hợp với chuyên ngành

Linh hoạt, thực tế, cung cấp nhiều kiến thức

Ngành nghề rộng, phát huy khả năng thuyết trình, làm việc nhóm

dạy học tốt, nhiều ngành nghề, môi trường tốt

Hiện đại, tương tác cao, tính sáng tạo tư duy

1. Nhiều kiến thức
2. Phát triển tư duy logic, sáng tạo
3. Phát triển khả năng phản biện

Cở sở lý luận chặt chẽ,phương pháp dạy học của thầy cô rất tốt,kiến thức chặt chẽ

Bài tập nhiều

Thực hành nhiều
Sáng tạo

Nội dung bám sát thực tiễn
Tăng khả năng chủ động của người học
Đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, chuyên môn vững

- đội ngủ giảng viên giỏi
- cơ sở vật chất , trang thiết bị học tập đầy đủ
- môi trường học năng động

Giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn vững, mở mang hiểu biết xã hội, có thêm nhiều kĩ năng mềm

Thực tế, logic, cung cấp nhiều kiến thức

1. Áp dụng kiến thức vào thực tiễn một cách hiệu quả
2. Sinh viên dễ dàng tiếp thu kiến thức
3. Kiến thức chuyên ngành của khoa đưa ra cho sinh viên rất đào sâu và gần với thực tiễn

Sáng tạo, nhiệt huyết, đáp ứng nhu cầu

- phù hợp vs đầu ra
- chương trình được gv dạy đầy đủ
- được học thêm các kĩ năng khác

Chương trình cung cấp kiến thức chính trị xã hội một cách đầy đủ. Tạo tư duy khoa học cho sinh viên. Rèn luyện khả năng thuyết trình tốt

Chương trình học có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành
Phát triển các kỹ năng cho sinh viên
Có cơ hội tìm kiếm việc làm rộng

- Giúp SV có khả năng nghiên cứu chuyên sâu về Xây dựng Đảng
- Rèn luyện tư tưởng, đạo đức lối sống cho SV
- Có nhiều cơ hội việc làm cho SV

Logic, khái quát, thức thời

Cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo

1. Sinh viên được trang bị kiến thức lý luận, thực tiễn vững vàng
2. Sinh viên được rèn luyện tự tin, mạnh dạn phát biểu, tranh luận, phản biện trước số đông
3. Cơ hội nghề nghiệp rộng mở

Lý thuyết

1 số môn học gần gũi với thực tiễn;đáp ứng được kĩ năng nghề nghiệp cơ bản;định hướng tư tưởng nhận thức về chính trị tốt

1. Giúp nâng cao tri thức
2. Giúp sv có lập trường tư tưởng vững vàng
3. Giúp sv có các kỹ năng giảng dạy, thuyết trình, làm việc nhóm

Tốt

Được trang bị nền tảng lý luận của Đảng; kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cần thiết.

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Khuyến nghị về chương trình dạy học

Tăng thực hành, giảm lý thuyết, giảm giờ học

Tăng cường cho sinh viên thực hành vào thực tiễn cuộc sống hơn nữa

Kéo dài kỳ thực tập

Hoàn thiện hơn

Nâng số tiết thực hành, ngoại khóa cho sinh viên nâng cao kiến thức thực tiễn

Nên dạy thực hành nhiều hơn nữa

Cần tăng thời gian thực tập nghề nghiệp cho sinh viên

Nên thực hành và đi thực tế nhiều hơn

Bổ sung tiết thực hành trong thực tiễn, hoạt động tham quan thực tế, sắp xếp các môn học phù hợp với chương trình vì đã xảy ra trường hợp môn cơ sở ngành lại học sau môn chuyên ngành

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.2. Khuyến nghị về công tác kiểm tra đánh giá

Khách quan, công bằng hơn nữa

Tăng cường thêm các hình thức kiểm tra, giám sát thông qua thực tiễn

Công tác kiểm tra cần tăng cường

Nhanh hơn

Kiểm tra đánh giá ngay sau khi học

Tăng cường kiểm tra thông qua hình thức vấn đáp.

Đề cương ôn tập sát với câu hỏi thi hơn

Nên có lịch thi và phòng thi sớm hơn

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.3. Khuyến nghị về cơ sở vật chất

Cần đầu tư hơn về chất lượng micro

Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất

Cung cấp nước miễn phí

Đầy đủ phòng thực hành hơn

Thư viện số cần cập nhật nội dung của tài liệu. Một số tài liệu không có nội dung gây khó khăn trong việc nghiên cứu khi thư viện không mở.

Thiết bị âm thanh nên được điều chỉnh vì nhiều khi mic còn rè, nghe không rõ

Cần mở rộng hệ thống wifi để sinh viên nghiên cứu và tìm kiếm tài liệu

Đề xuất cải thiện mạng wifi ở lớp học và ktx

Chất lượng wifi yếu, máy chiếu và loa cũ hay gặp sự cố

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.4. Khuyến nghị về phương pháp dạy học

Kết hợp nhiều hơn nữa giữa phương pháp thuyết trình với các phương pháp tích cực khác

Cải tiến phương pháp dạy học hiện đại

Phương pháp thực hành nhiều hơn

Có nhiều phương pháp tích cực

Khuyến khích sinh viên nêu ý kiến, phản biện

Cần đưa vào giảng dạy các tình huống thực tiễn liên quan đến nghề nghiệp

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.5. Khuyến nghị về chất lượng hỗ trợ đào tạo

Nâng cao chất lượng đào tạo

Chính sách phù hợp

Ký túc xá đôi khi còn xảy ra hiện tượng mất đồ giữa các phòng, cần tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh

An ninh ktx cần tốt hơn. Vẫn có hiện tượng trộm cắp tài sản

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.6. Khuyến nghị chất lượng phục vụ

Nâng cao chất lượng phục vụ

Chuyên nghiệp hơn

Bổ sung đội ngũ kỹ thuật viên để đảm bảo sữa chữa lỗi kĩ thuâtn kịp giờ học cho tất cả các lớp có trục trặc

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

2.7. Khuyến nghị chung về CTĐT

1. Tạo điều kiện để sinh viên thực hành nhiều hơn
2. Được đi thực tế ở các cơ quan đơn vị
3. Xây dựng chương trình học logic hơn

Thực tiễn nhiều hơn, giảm tải kiến thức giáo trình, linh hoạt phương pháp dạy học

Ngắn gọn, cô động, sát thực tế, hướng tới rèn kỹ năng thực hành hơn

Quan tâm nhu cầu và điều kiện của sinh viên

1. Tăng thực hành, giảm lý thuyết
2. Kết hợp nhiều phương pháp giảng trong 1 buổi học.
3. Tăng tiết học ngoại khóa

Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất,phương pháp dạy học và tăng cường thực tiễn trong bài giảng

Tổ chức chuyến đi tham quan thực tế
Tổ chức đối thoại giữa trưởng khoa, cố vấn học tập và các sinh viên
Phát huy bộ môn phương pháp giảng dạy

- hình thức thi phù hợp
- nắm bắt nhu cầu sinh viên
- cung cấp thêm tài liệu cho sinh viên

Tăng cường các hoạt động thực tiễn, khuyến khích khả năng nghiên cứu của sinh viên, đổi mới phương pháp giảng dạy

1. Cải thiện về chất lượng máy móc, thiết bị giảng dạy
2. Thêm nhiều thời gian dành cho sinh viên thực tập nhiều hơn
3. Tổ chức các buổi ngoại khóa cho sinh viên

Chất lượng đội ngũ giảng viên
Thiết bị dạy học
Thực hành

- thêm phương pháp mới
- thực hành nhiều hơn
- cách kiểm tra đánh giá đa dạng hơn

Nên tăng thêm các buổi học thực hành ở các môn nghiệp vụ. 3 môn học thay thế khóa luận rất hay, nên đưa vào chương trình học chung để các bạn làm khóa luận cũng được học ạ

Tăng thời gian thực hành lên
Tăng các môn học có tính áp dụng cao
Tằng cường áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại

- Có thể bổ sung thêm 1 số môn nghiệp vụ cho SV
- Kéo dài thời gian kiến tập, thực tập để SV có thời gian học tập thực tế.
- Nâng cao yêu cầu về Tin học và Ngoại ngữ

Bổ sung các học phần thực tế
Cập nhật liên tục
Tăng học phần chuyên ngành

Nâng cao năng lực giáo viên

1. Tăng các buổi học thực hành, ngoại khóa
2. Tổ chức thêm các lớp Tiếng Anh, đảm bảo chuẩn đầu ra cho sinh viên
3. Tăng cường các phương pháp dạy học tích cực

Thực tiễn hơn

Cần tăng thời lượng thực tập;đưa kiến thức thực tiễn vào môn học nhiều hơn;đưa các môn học trang bị kiến thức nghề nghiệp thay thế cho những môn học đại cương không cần thiết

1. Nhà trường nên sắp xếp các môn học theo thứ tự hợp lý hơn
2. Tạo điều kiện cho sv trải nghiệm thực tế nhiều hơn
3. Nên quan tâm sv nhiều hơn, tận tình, kịp thời giải đáp những thắc mắc

Quan tâm đến yêu cầu của sinh viên

Tăng cường định hướng nghề nghiệp; cải tiến phương pháp thực hành cụ thể sát với nghề nghiệp tương lai; tăng thời gian đi thực tế tại các cơ sở.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36 NĂM 2020

PHỤ LỤC 2

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Xã hội học
Số lượng sinh viên phản hồi: 26

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	3.7	3.8	11.5	11.5	57.7	15.4	73.1
2. Kiến thức chuyên ngành	4.1	3.8	3.8	7.7	46.2	38.5	84.6
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.0	0.0	3.8	15.4	57.7	23.1	80.8
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.0	0.0	0.0	26.9	50.0	23.1	73.1
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.0	0.0	3.8	11.5	65.4	19.2	84.6
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.1	3.8	19.2	42.3	30.8	3.8	34.6
7. Kỹ năng tin học	3.5	3.8	3.8	42.3	42.3	7.7	50.0
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.0	0.0	0.0	11.5	76.9	11.5	88.5
9. Kỹ năng tư duy phản biện	3.9	0.0	0.0	23.1	61.5	15.4	76.9
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	3.8	0.0	3.8	23.1	65.4	7.7	73.1
11. Kỹ năng giao tiếp	4.0	0.0	3.8	11.5	61.5	23.1	84.6
12. Kỹ năng lãnh đạo	3.8	0.0	3.8	26.9	53.8	15.4	69.2
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.4	0.0	0.0	0.0	57.7	42.3	100.0
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	3.9	0.0	3.8	15.4	65.4	15.4	80.8
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.8	0.0	7.7	19.2	57.7	15.4	73.1
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3.7	0.0	7.7	26.9	50.0	15.4	65.4
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	3.8	0.0	11.5	15.4	57.7	15.4	73.1
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.0	0.0	3.8	23.1	46.2	26.9	73.1
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	3.9	0.0	3.8	23.1	53.8	19.2	73.1

7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	3.8	0.0	7.7	23.1	46.2	23.1	69.2
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.0	0.0	11.5	11.5	46.2	30.8	76.9
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	3.9	0.0	0.0	23.1	61.5	15.4	76.9
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	3.7	0.0	3.8	34.6	50.0	11.5	61.5
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	3.7	0.0	11.5	19.2	53.8	15.4	69.2
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.0	0.0	3.8	15.4	61.5	19.2	80.8
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.0	0.0	3.8	11.5	61.5	23.1	84.6
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	3.5	0.0	15.4	26.9	46.2	11.5	57.7
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	3.8	0.0	7.7	15.4	61.5	15.4	76.9
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	3.8	0.0	7.7	19.2	61.5	11.5	73.1
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.0	0.0	0.0	19.2	57.7	23.1	80.8
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	3.8	0.0	7.7	15.4	61.5	15.4	76.9
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	3.9	0.0	7.7	7.7	69.2	15.4	84.6
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	3.9	3.8	3.8	11.5	57.7	23.1	80.8
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.4	0.0	0.0	7.7	46.2	46.2	92.3
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	4.2	0.0	7.7	7.7	38.5	46.2	84.6
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.3	0.0	3.8	3.8	46.2	46.2	92.3
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	3.9	0.0	3.8	19.2	57.7	19.2	76.9
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.0	0.0	3.8	19.2	53.8	23.1	76.9
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.1	0.0	3.8	15.4	50.0	30.8	80.8

7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.1	0.0	3.8	11.5	57.7	26.9	84.6
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.3	0.0	3.8	7.7	38.5	50.0	88.5
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.3	0.0	7.7	0.0	50.0	42.3	92.3
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.2	0.0	3.8	7.7	50.0	38.5	88.5
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.3	0.0	3.8	7.7	38.5	50.0	88.5
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.1	0.0	3.8	3.8	73.1	19.2	92.3
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.0	0.0	0.0	26.9	50.0	23.1	73.1
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.0	0.0	7.7	11.5	53.8	26.9	80.8
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	3.9	0.0	3.8	19.2	57.7	19.2	76.9
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.0	0.0	3.8	15.4	57.7	23.1	80.8
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	3.8	0.0	3.8	34.6	42.3	19.2	61.5
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.0	0.0	3.8	7.7	73.1	15.4	88.5
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.0	0.0	0.0	23.1	57.7	19.2	76.9
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.0	0.0	0.0	23.1	50.0	26.9	76.9
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	3.9	0.0	0.0	34.6	38.5	26.9	65.4
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.3	0.0	0.0	11.5	50.0	38.5	88.5

7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	3.8	0.0	11.5	15.4	50.0	23.1	73.1
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	3.9	0.0	4.3	21.7	52.2	21.7	73.9
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.0	0.0	11.5	7.7	53.8	26.9	80.8
10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	3.8	0.0	3.8	30.8	42.3	23.1	65.4
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.0	0.0	7.7	15.4	50.0	26.9	76.9
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	3.8	0.0	15.4	23.1	30.8	30.8	61.5
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.2	0.0	0.0	11.5	53.8	34.6	88.5
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	0.0	0.0	11.5	53.8	34.6	88.5
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.1	0.0	0.0	15.4	61.5	23.1	84.6
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.1	0.0	0.0	15.4	61.5	23.1	84.6
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.2	0.0	0.0	11.5	57.7	30.8	88.5
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	0.0	0.0	11.5	50.0	38.5	88.5
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.1	0.0	0.0	15.4	61.5	23.1	84.6
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	0.0	0.0	15.4	53.8	30.8	84.6
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.2	0.0	3.8	11.5	50.0	34.6	84.6
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	0.0	0.0	15.4	46.2	38.5	84.6
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.0	0.0	3.8	11.5	61.5	23.1	84.6

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

1. Thường xuyên được gv tạo cơ hội thực hành nghề nghiệp thông qua môn học hoặc hoạt động hợp tác giữa khoa và đối tác.
2. Nhiều môn học chuyên ngành có tính thực tiễn cao, sau khi học có thể nhanh chóng áp dụng vào thực tế.

Đa dạng, sát thực tế, được thực hành nhiều

Chương trình đào tạo giúp sinh viên chủ động và có nhiều thời gian tự nghiên cứu. Vẫn có sự giám sát hỗ trợ từ giáo viên. Thời gian trải nghiệm thực tế cũng nhiều hơn.

Có sự kết hợp giữa lý thuyết và trải nghiệm thực tế
Sinh viên có điều kiện tự học cũng như trải nghiệm (dưới sự hướng dẫn của giáo viên)
Nội dung môn học được cập nhật

lý thuyết tốt

Cơ hội việc làm có, cung cấp nhiều kiến thức XH, Giáo viên khoa tốt

Kiến thức thực tiễn tốt được thực hành nhiều giao tiếp tốt

1. Kiến thức đầy đủ
2. Kết hợp giữa thực hành và lý thuyết phù hợp

thực tế, kiến thức chuyên sâu, thầy cô giáo tận tình

Cho sv có cơ hội thực hành nghề nghiệp
Đội ngũ gv có kiến thức chuyên môn cao, luôn hỗ trợ sv hết mình
Chương trình được thay đổi liên tục

Chất lượng tốt. Giảng viên kinh nghiệm. Được hỗ trợ nhiệt tình

thực hành tốt, lý thuyết thực hành đan xen, rèn luyện kỹ năng mềm

Thầy cô nhiệt tình
Môn học có ích
Phương pháp dạy tiến bộ

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Cần đẩy những môn chuyên ngành quan trọng có tính chất nền tảng lên giảng dạy từ những năm nhất, năm hai. Do hai năm đầu học quá ít môn chuyên ngành mà chủ yếu là các môn đại cương chung dẫn tới việc sv chán nản, chưa thật sự tích cực học tập.

Với K36, tới gần cuối năm 3 đến năm 4 mới được tiếp xúc và thực hành nhiều hơn, trong khi trước đó chỉ học đặc lý thuyết, ít hoạt động thực tiễn. Khoa nên cho thực hành với kiến thức ngay từ năm 1 năm 2, bởi kiến thức XHH không thực hành sẽ không thể hiểu được vấn đề. Đặc biệt giảm khả năng đam mê với ngành học và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên. Sự phân bổ môn học cũng không đồng đều, năm 1 và năm 2 rất ít môn học, học như chơi, sau đó dồn chuyên ngành vào năm 3 và năm 4 khiến sinh viên không vững kỹ năng sẽ cảm thấy hơi áp lực với kiến thức chuyên ngành sâu rộng như vậy. XHH mà chỉ học lý thuyết thì sẽ rất nản, và nếu chỉ học trong một thời gian rồi bỏ ngỏ, sau đó quay lại thì sẽ bị nông và không hiểu sâu vấn đề. Do đặc thù của ngành, các môn học nên phân bổ hợp lý hơn, tránh tình trạng bị hoang mang chán nản như K36.
Ví dụ: Môn XSTK, Xử lý dữ liệu được học từ năm nhất, nhưng sau đó lại không hề được thực hành ngay với dữ liệu, tới năm 3 mới áp dụng vào khi kiến tập thì sinh viên sẽ rất bối rối, phải học lại kiến thức.

Cần sắp xếp các môn học chuyên ngành ngay từ năm nhất để sinh viên có thể hình dung và tiếp nhận các kiến thức căn bản về ngành học và công việc sau khi ra trường.

nâng cao ngoại ngữ

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

2.3. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Bàn ghế ở tòa B1 quá cũ, bàn quá thấp so với người lớn, khiến sinh viên ngồi học bị đau mỏi cổ và lưng.
Trường nên cải thiện hệ thống wifi để sinh viên có thể truy cập tìm tài liệu tốt hơn.

Hệ thống wifi cần tốt hơn.
Thư viện nên upload nhiều nội dung sách và tài liệu hơn là chỉ có mỗi tiêu đề a

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Tăng cường thực hành nghề nghiệp cho sv.
2. Tạo cơ hội cho sv tiếp xúc, làm quen với ngành, nghề từ năm nhất năm hai đh. Giúp sv tạo và giữ được sự đam mê cháy bỏng với ngành.
3. Xem xét lại hình thức đào tạo ngoại ngữ đầu vào, cần phải phù hợp với năng lực mỗi sinh viên.

Cho sinh viên thực hành nhiều hơn

Cần sắp xếp lại thứ tự các môn học theo các năm cho phù hợp (ví dụ môn về xử lí dữ liệu nên cho học từ năm 2 song song với các môn lý thuyết)

cần thực hành nhiều hơn học lý thuyết

sắp xếp thứ tự các môn nhập môn và mức độ kiến thức theo thứ tự tăng dần để sinh viên từng bước nắm được kiến thức

nâng cao ngoại ngữ

Tăng cường tư duy phản biện
Tăng cường thực địa, thực tế
Tăng cường kĩ năng mềm

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN CUỐI KHÓA K36

Chương trình đào tạo: Cử nhân ngành Xuất bản
Số lượng sinh viên phản hồi: 36

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Không hài lòng 3. Phân vân 4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

NỘI DUNG/THANG ĐÁNH GIÁ	TB	1	2	3	4	5	4+5
I. Mức độ đạt được của các kiến thức, kỹ năng chuẩn đầu ra		%	%	%	%	%	%
1. Kiến thức chính trị - xã hội nền tảng	4.3	0.0	0.0	8.3	55.6	36.1	91.7
2. Kiến thức chuyên ngành	4.4	0.0	0.0	2.8	55.6	41.7	97.2
3. Kỹ năng nhận thức (phân tích, đánh giá, phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề)	4.3	0.0	0.0	2.8	61.1	36.1	97.2
4. Kỹ năng nghề nghiệp	4.2	0.0	0.0	11.1	61.1	27.8	88.9
5. Kỹ năng nghiên cứu và tự học	4.3	0.0	2.8	8.3	44.4	44.4	88.9
6. Kỹ năng ngoại ngữ	3.6	0.0	16.7	19.4	47.2	16.7	63.9
7. Kỹ năng tin học	3.9	0.0	5.6	19.4	58.3	16.7	75.0
8. Kỹ năng giải quyết vấn đề	4.2	0.0	0.0	8.3	61.1	30.6	91.7
9. Kỹ năng tư duy phản biện	4.2	0.0	0.0	13.9	55.6	30.6	86.1
10. Kỹ năng tư duy sáng tạo	4.2	0.0	0.0	16.7	47.2	36.1	83.3
11. Kỹ năng giao tiếp	4.3	0.0	0.0	5.6	63.9	30.6	94.4
12. Kỹ năng lãnh đạo	4.1	0.0	0.0	19.4	50.0	30.6	80.6
13. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	4.4	0.0	0.0	5.6	44.4	50.0	94.4
II. Nội dung chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%
1. Chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra cụ thể, rõ ràng	4.3	0.0	0.0	13.9	41.7	44.4	86.1
2. Khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.2	0.0	0.0	11.1	58.3	30.6	88.9
3. Các hoạt động học tập đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4.2	0.0	0.0	16.7	44.4	38.9	83.3
4. Nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV	4.2	0.0	0.0	16.7	47.2	36.1	83.3
5. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	5.6	55.6	38.9	94.4
6. Nội dung các môn học cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển nghề nghiệp chuyên môn	4.4	0.0	0.0	5.6	50.0	44.4	94.4
7. Sinh viên có nhiều cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học	4.2	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3
8. Sinh viên có cơ hội thực hành và củng cố các lý thuyết đã học vào thực tiễn	4.3	0.0	2.8	5.6	50.0	41.7	91.7
III. Cấu trúc chương trình dạy học		%	%	%	%	%	%

1. Các môn học trong chương trình có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau	4.3	0.0	0.0	11.1	50.0	38.9	88.9
2. Các môn học trong chương trình được sắp logic, hợp lý nhằm phát triển các kiến thức, kỹ năng CĐR	4.1	0.0	2.8	19.4	44.4	33.3	77.8
3. Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành	4.3	0.0	0.0	13.9	47.2	38.9	86.1
IV. Kiểm tra đánh giá		%	%	%	%	%	%
1. Kiểm tra, đánh giá thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên	4.3	0.0	0.0	5.6	55.6	38.9	94.4
2. Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, dự án...)	4.3	0.0	0.0	8.3	52.8	38.9	91.7
3. Kiểm tra tự luận là hình thức kiểm tra đánh giá chủ đạo trong chương trình	4.2	0.0	2.8	11.1	50.0	36.1	86.1
4. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	4.2	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9
5. Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học	4.3	0.0	2.8	8.3	50.0	38.9	88.9
6. Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng	4.3	0.0	0.0	11.1	52.8	36.1	88.9
7. Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	4.3	0.0	2.8	5.6	47.2	44.4	91.7
8. Người học hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá	4.1	0.0	2.8	13.9	52.8	30.6	83.3
9. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập	4.2	2.8	0.0	5.6	55.6	36.1	91.7
V. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	4.4	0.0	0.0	5.6	44.4	50.0	94.4
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	4.5	0.0	0.0	5.6	36.1	58.3	94.4
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.4	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	91.7
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	4.3	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	4.3	0.0	0.0	13.9	44.4	41.7	86.1
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	4.3	0.0	2.8	8.3	50.0	38.9	88.9
7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	4.2	2.8	2.8	5.6	50.0	38.9	88.9
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.3	2.8	0.0	2.8	50.0	44.4	94.4

9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	4.4	0.0	2.8	5.6	44.4	47.2	91.7
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	4.4	2.8	0.0	0.0	52.8	44.4	97.2
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	4.4	0.0	2.8	2.8	47.2	47.2	94.4
VI. Phương pháp giảng dạy		%	%	%	%	%	%
1. Tổ hợp phương pháp dạy – học trong chương trình đa dạng giúp đạt CĐR (vd. các phương pháp thuyết giảng, dạy học mang tính tương tác, mang tính trải nghiệm, nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, v.v.)	4.3	0.0	0.0	5.6	58.3	36.1	94.4
2. Tổ hợp phương pháp dạy – học phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời	4.4	0.0	0.0	2.8	55.6	41.7	97.2
3. Phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo khuyến khích sự tham gia tích cực của người học	4.3	2.8	0.0	2.8	55.6	38.9	94.4
4. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nhận thức bậc cao (phân tích, đánh giá, vận dụng giải quyết vấn đề sáng tạo, v.v.)	4.2	2.8	0.0	5.6	55.6	36.1	91.7
5. Phương pháp dạy – học trong chương trình đào tạo phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp cho người học	4.3	0.0	2.8	5.6	52.8	38.9	91.7
VII. Hoạt động hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Những buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường hiệu quả.	4.3	0.0	0.0	8.6	51.4	40.0	91.4
2. Việc cung cấp và phổ biến các văn bản, thông tin liên quan tới đào tạo có hiệu quả.	4.4	0.0	0.0	5.6	50.0	44.4	94.4
3. Chế độ chính sách xã hội dành cho sinh viên tốt.	4.5	0.0	2.8	2.8	33.3	61.1	94.4
4. Công tác cố vấn học tập của giáo viên chủ nhiệm hiệu quả.	4.4	2.8	0.0	5.6	41.7	50.0	91.7
5. Các hoạt động hỗ trợ học tập (hỗ trợ phương pháp học đại học, các kỹ năng học tập, CLB, v.v.) đầy đủ và hiệu quả	4.5	0.0	2.8	2.8	38.9	55.6	94.4
6. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi tham gia nghiên cứu khoa học.	4.4	0.0	2.8	2.8	47.2	47.2	94.4
7. Dịch vụ y tế của nhà trường đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.	4.5	0.0	0.0	5.7	42.9	51.4	94.3
8. Các dịch vụ hỗ trợ trong Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của sinh viên.	4.3	0.0	0.0	11.8	44.1	44.1	88.2
9. An ninh trật tự trong nhà trường được đảm bảo.	4.4	2.8	2.8	0.0	38.9	55.6	94.4

10. Việc quản lý sinh viên nội trú được thực hiện tốt.	4.4	0.0	0.0	5.6	52.8	41.7	94.4
11. Việc quản lý sinh viên ngoại trú tại nơi cư trú được thực hiện tốt.	4.4	0.0	0.0	5.6	52.8	41.7	94.4
12. Các hoạt động hỗ trợ việc làm và định hướng nghề nghiệp đa dạng, hiệu quả (Hội chợ việc làm, tọa đàm với NTD, cựu sinh viên, các khóa học hỗ trợ kỹ năng mềm/kỹ năng xin việc)	4.2	2.8	0.0	5.6	55.6	36.1	91.7
VIII. Đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo		%	%	%	%	%	%
1. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên văn phòng tốt	4.3	2.8	0.0	2.8	50.0	44.4	94.4
2. Đội ngũ nhân viên văn phòng có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.4	2.8	0.0	0.0	47.2	50.0	97.2
3. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV tốt	4.2	2.8	0.0	5.6	58.3	33.3	91.7
4. Đội ngũ nhân viên phòng công tác chính trị - HSSV có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	2.8	0.0	5.6	52.8	38.9	91.7
5. Thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên tốt	4.3	2.8	0.0	2.8	52.8	41.7	94.4
6. Đội ngũ kỹ thuật viên có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	2.8	0.0	5.6	52.8	38.9	91.7
7. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hành chính tốt	4.2	2.8	0.0	8.3	50.0	38.9	88.9
8. Đội ngũ nhân viên hành chính có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.3	2.8	0.0	2.8	52.8	41.7	94.4
9. Thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên thư viện tốt	4.1	2.8	0.0	16.7	47.2	33.3	80.6
10. Đội ngũ nhân viên thư viện có kiến thức, trình độ chuyên môn phù hợp	4.2	2.8	0.0	8.3	52.8	36.1	88.9
IX. Mức độ hài lòng tổng thể		%	%	%	%	%	%
1. Mức độ hài lòng đối với khoá học	4.4	0.0	0.0	2.8	52.8	44.4	97.2

B. NHẬN XÉT CỦA SINH VIÊN

1. Điểm mạnh của CTĐT

1. Biết thêm nhiều kiến thức xã hội và chuyên ngành
2. Hiểu rõ các bước biên tập một cuốn sách
3. Hoạt động ngoại khoá của Khoa luôn luôn vui vẻ và hoà đồng, gắn kết toàn khoa với nhau

Tốt

Chất lượng
Chuyên nghiệp
Bám chắc chuyên ngành

cơ hội việc làm tốt, rèn cho sinh viên tính cẩn thận, kiên trì, giảng viên nhiệt tình

Định hướng đúng
Giảng dạy nhiệt tình
Xây dựng tư tưởng tốt

Thầy cô có kiến thức chuyên môn cao. Cơ sở vật chất cho học tập khá đầy đủ.

Bám sát, phổ cập, hợp lý

Biên tập tốt, hoạt động tốt, học tập chuyên ngành chuẩn

Tạo cơ hội nghề nghiệp đa dạng, có thể ứng dụng nhiều vào thực tế, dễ nắm bắt

Có kiến thức rộng

nhanh gọn, chính xác và hiệu quả

Sát với thực tế
Nhiều kiến thức bổ ích
Tạo được cơ hội việc làm cho sv

Môi trường giảng dạy tốt, thầy cô giáo nhiệt tình, kiến thức sâu rộng, luôn tạo điều kiện cho học sinh đi thực hành.

Chất lượng đào tạo tốt, thầy cô nhiệt tình, nhiều hoạt động

Trọng tâm, chuyên sâu, tính ứng dụng cao

Tạo điều kiện cho sv phát triển. Tự do sáng tạo. Kỷ luật tốt

2. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng

2.1. Đề xuất, kiến nghị để cải tiến chất lượng Chương trình dạy học

Chương trình dạy môn Tiếng anh sáng tạo, thu hút hơn

Cần tăng tương tác với các sinh viên với nhau. Đưa nhiều hoạt động thực hành thực tế hơn vào chương trình dạy. Cần cải thiện chất lượng của các lớp đào tạo ngoại ngữ

Đối với chương trình dạy học, em mong khoa và Học viện sẽ có nhiều cơ hội cho sinh viên được thực hành thực tế, làm nghề và sản phẩm nghề đang học ngay từ khoảng năm 2-3 để có những trải nghiệm và kĩ năng nghề tốt hơn. Bên cạnh đó, trong những năm học tới, em cũng hi vọng nhà trường sẽ đầu tư hơn cho cơ sở vật chất máy móc, đặc biệt là phòng máy tính, để sinh viên có thể làm sản phẩm đa phương tiện tốt hơn, bổ sung thêm nhiều kĩ năng như thiết kế, tin học... mà mỗi sinh viên cần có khi ra trường. Em xin chân thành cảm ơn!

Thực hành nhiều hơn

2.2. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập

đánh giá kết quả học tập trong cả quá trình học và nên cho các môn đại cương thi trắc nghiệm

Thực hành nhiều hơm

2.3. Các đề xuất, khuyến nghị để cải tiến cơ sở vật chất

Tốt

Cần cải tiến hệ thống máy tính

đầu tư cải tiện phòng thể chất, đài nghe tiếng anh

Hệ thống loa cần nâng cấp

Nên cải thiện phần âm thanh mic nói, loa đài.

Nâng cao chất lượng máy tính, thường hay lỗi trong quá trình thực hành

2.4. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến phương pháp dạy học

phương pháp dạy tiếng anh cần thu hút và sáng tạo hơn

Đàm thoại vs sv nhiều hơn

2.5. Đề xuất, khuyến nghị để cải tiến hoạt động hỗ trợ đào tạo

Giới thiệu nơi thục tập

Cần tăng cường an ninh trật tự trong trường, từng xảy ra nhiều hành vi trộm cắp trong giờ học, đặc biệt là giờ thực hành quốc phòng an ninh

2.6. Đề xuất, khuyến nghị cải tiến chất lượng phục vụ

Nhân viên căng tin

2.7. Khuyến nghị, đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Đẩy thêm các hoạt động thực tế
2. Các môn chuyên ngành nên cho sinh viên làm tiểu luận 100%

Tăng số tiết thực hàng
Tăng cường các hoạt động thực tiễn
Phát huy hiệu quả làm việc nhóm

thực hành nhiều hơn, lên lớp ít đi, tự học nhiều hơn.

Năm 3 cần kết nối vs các nhà sách nhiều hơn
Clb của khoa hoạt động chưa hiệu quả chỉ ở trong clb
Thực thành sửa bài nhiều hơn

Cần tạo sự tương tác nhiều hơn giữa thầy cô và sinh viên. Cải tiến hơn nữa cơ sở vật chất kĩ thuật. Đưa nhiều hoạt động thực tế hơn nữa vào chương trình học

Giảm bớt lý thuyết và nên cho sinh viên thực hành nhiều hơn, đi thực tế khảo sát liên quan đến công việc sau này

Cần đào tạo chuyên sâu hơn

tích cực thực hành, công bố lịch thi đúng lúc và chấm điểm nhanh

Việc đăng ký lịch học phải linh hoạt hơn
Trang thiết bị 1 số phòng học cần cải thiện
Thư viện trường cần nâng cấp hơn nữa về sách

Được tiếp xúc thực hành nhiều hơn

Thực hành nhiều hơn, nhiều bài tập làm việc nhóm hơn, nhiều tài liệu tham khảo hơn.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Nguyễn Thị Ngọc Hoa